



Tăng tốc  
Hiệu quả  
**BỀN VỮNG**



## NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

### 04 GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD.
- 08 Thông tin chung Vietcombank.
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
- 10 Quá trình hình thành và phát triển.
- 12 Những sự kiện tiêu biểu trong năm 2014.
- 16 Mô hình quản trị.
- 17 Cơ cấu bộ máy quản lý.
- 18 Chỉ số tài chính cơ bản 2010 - 2014.
- 20 Định hướng phát triển.
- 22 Giải thưởng trong nước năm 2014.
- 25 Giải thưởng quốc tế năm 2014.

### 26 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 28 Tình hình tài chính năm 2014.
- 29 Cơ cấu cổ đông.
- 30 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.
- 34 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành.
- 46 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank.

### 54 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 56 Mô hình tổ chức.
- 58 Tổ chức và Nhân sự.
- 60 Giới thiệu Hội đồng Quản trị.
- 62 Giới thiệu Ban Điều hành.
- 65 Giới thiệu Ban Kiểm soát.

### 66 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 68 Quản trị Công ty.
- 75 Quản trị rủi ro.
- 78 Mạng lưới hoạt động.

### 80 CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- 82 Hoạt động an sinh xã hội.

### 92 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 95 Thông tin về Ngân hàng.
- 97 Báo cáo của Ban Điều hành.
- 98 Báo cáo Kiểm toán độc lập.
- 100 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 103 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 105 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 107 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



#### 40. Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 41. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành phê duyệt Ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Ông NGUYỄN DANH LƯƠNG



Phó phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

## NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

### 04 GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD.
- 08 Thông tin chung Vietcombank.
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
- 10 Quá trình hình thành và phát triển.
- 12 Những sự kiện tiêu biểu trong năm 2014.
- 16 Mô hình quản trị.
- 17 Cơ cấu bộ máy quản lý.
- 18 Chỉ số tài chính cơ bản 2010 - 2014.
- 20 Định hướng phát triển.
- 22 Giải thưởng trong nước năm 2014.
- 25 Giải thưởng quốc tế năm 2014.

### 26 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 28 Tình hình tài chính năm 2014.
- 29 Cơ cấu cổ đông.
- 30 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.
- 34 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành.
- 46 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

### 54 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 56 Mô hình tổ chức.
- 58 Tổ chức và Nhân sự.
- 60 Giới thiệu Hội đồng Quản trị.
- 62 Giới thiệu Ban Điều hành.
- 65 Giới thiệu Ban Kiểm soát.

### 66 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 68 Quản trị Công ty.
- 75 Quản trị rủi ro.
- 78 Mạng lưới hoạt động.

### 80 CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- 82 Hoạt động an sinh xã hội.

### 92 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 95 Thông tin về Ngân hàng.
- 97 Báo cáo của Ban Điều hành.
- 98 Báo cáo Kiểm toán độc lập.
- 100 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 103 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 105 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 107 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



Hơn 1/2 thế kỷ hoạt động và song hành cùng lịch sử cách mạng Việt Nam, cùng quá trình khôi phục, dựng xây, bảo vệ và phát triển đất nước, không chỉ tạo nên một Vietcombank lớn mạnh, uy tín mà còn tạo nên một văn hóa Vietcombank, một cốt cách con người Vietcombank rất đáng tự hào. Những giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank được hun đúc, kết tụ từ truyền thống cũng chính là mạch nguồn liên kết các thế hệ cán bộ Vietcombank để tạo cho thương hiệu Vietcombank những tính cách đặc trưng riêng có: **"Sáng tạo – Phát triển không ngừng – Chu đáo, tận tâm – Kết nối rộng khắp – Khác biệt – An toàn, bảo mật"** với thông điệp cũng là cam kết xuyên suốt quá trình hoạt động: **"Chung niềm tin vững tương lai"** (Together for the future).

Truyền thống, văn hóa và thương hiệu là những nhân tố đã tạo nên sức mạnh của Vietcombank, giúp Vietcombank vượt qua những bước thăng trầm của lịch sử, luôn vươn đến những đỉnh cao mới, **"Tăng tốc – Hiệu quả – Bền vững"** để những thành công tiếp nối thành công.





# SÁNG TẠO

XÂY THƯƠNG HIỆU



## Giới thiệu Vietcombank

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD
- Thông tin chung Vietcombank • Ngành nghề và địa bàn kinh doanh • Quá trình hình thành và phát triển
- Những sự kiện tiêu biểu trong năm 2014 • Mô hình quản trị
- Cơ cấu bộ máy quản lý • Chỉ số tài chính cơ bản 2010 - 2014
- Định hướng phát triển • Giải thưởng trong nước năm 2014
- Giải thưởng quốc tế năm 2014



Bước sang năm 2015, Vietcombank tiếp tục nỗ lực phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hiện thực hóa những mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, tiếp tục có những bước đột phá, ghi thêm những dấu ấn mới trong năm 2015 – năm có tính chất bản lề trong việc hoàn thành Đề án tái cơ cấu Vietcombank và thực thi chiến lược phát triển đến năm 2020. Tất cả nhằm tạo ra những tiền đề vững chắc để đưa Vietcombank vững bước trên con đường trở thành **Ngân hàng số 1 tại Việt Nam** và có vị thế trong khu vực, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất, xứng đáng với niềm tin của các cơ quan quản lý, niềm tin và kỳ vọng của các nhà đầu tư, của hàng triệu khách hàng.

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2014

**576.989**  
TỶ ĐỒNG



Năm 2014, kinh tế thế giới đã có dấu hiệu hồi phục. Trong nước, lạm phát đã được kiểm soát ở mức thấp (CPI tăng 1,84%), tăng trưởng kinh tế đạt cao hơn các năm trước (GD đạt mức tăng 5,98%). Mặt bằng lãi suất tiếp tục được điều chỉnh giảm nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; tăng trưởng tín dụng của toàn ngành ngân hàng đạt ~ 14,5%, cao hơn so với kế hoạch; tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao; quá trình tái cơ cấu, xử lý nợ xấu của các TCTD đạt được những kết quả bước đầu.

Trong bối cảnh có những thuận lợi đan xen còn nhiều khó khăn, Vietcombank đã chủ động tiên phong trong việc thực thi các chính sách của Chính phủ, của NHNN, góp phần tích cực vào việc ổn định kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ, đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước; tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội và tham gia các hoạt động vì cộng đồng; bám sát các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra và diễn biến thị trường, **"Linh hoạt, Quyết liệt, Kết nối"** trong chỉ đạo điều hành. Nhờ đó hoạt động của Vietcombank đã có nhiều **"Đổi mới", "Tăng trưởng"** về mọi mặt và đảm bảo **"Chất lượng"**.

Năm 2014 đã chứng kiến những đổi mới rõ nét của Vietcombank trong công tác khách hàng, công tác lập, giao, thực hiện và đánh giá thực hiện kế hoạch, công tác phát triển mạng lưới. Những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác huy động vốn, thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng của Vietcombank cũng đã mang lại những kết quả đột phá. Khép lại năm qua, Vietcombank đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu trọng yếu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra: tổng tài sản, tín dụng, huy động vốn tăng trưởng tương ứng ~ 22%, 18% và 25%. Thu nợ ngoại bảng tăng hơn gấp hai lần so với năm trước, lợi nhuận trước thuế trước dự phòng tăng ~ 13%... Bên cạnh tăng trưởng, Vietcombank đã kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, chú trọng đẩy mạnh công tác kiểm tra kiểm soát, đảm bảo an toàn hoạt động; các chỉ số sinh lời cũng bước đầu được cải thiện. Vietcombank đã triển khai nhiều dự án nhằm nâng cao năng lực quản trị theo các chuẩn mực quốc tế. Hoạt động truyền thông, quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được chú trọng đẩy mạnh. Đóng cửa phiên giao dịch cuối năm, cổ phiếu Vietcombank đạt mức giá 31.900 VNĐ, tăng 37% so với mức giá đóng cửa của năm 2013.

Bước sang năm 2015, nền kinh tế đã có những tín hiệu khả quan nhưng khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Bối cảnh đó đòi hỏi Vietcombank tiếp tục nỗ lực phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hiện thực hóa những mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, tiếp tục có những bước đột phá, ghi thêm những dấu ấn mới trong năm 2015 – năm có tính chất bản lề trong việc hoàn thành Đề án tái cơ cấu Vietcombank và thực thi chiến lược phát triển đến năm 2020. Tất cả nhằm tạo ra những tiền đề vững chắc để đưa Vietcombank vững bước trên con đường trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam và có vị thế trong khu vực, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất, xứng đáng với niềm tin của các cơ quan quản lý, niềm tin và kỳ vọng của các nhà đầu tư, của hàng triệu khách hàng.

Vietcombank đã đề ra phương châm cho năm 2015 là **"Tăng tốc – Hiệu quả – Bền vững"** và quan điểm chỉ đạo điều hành là **"Quyết liệt – Kết nối – Trách nhiệm"**. Định hướng chủ đạo là tiếp tục bám sát Chiến lược 2011 – 2020 và Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 – 2015 nhằm đưa Vietcombank phát triển nhanh quy mô, có chiều sâu, đi đôi với chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm, triển khai áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị. Các mục tiêu chính của năm 2015 là: (i) Tiếp tục củng cố và phát triển mạnh mẽ cơ sở khách hàng, gia tăng thị phần kinh doanh; (ii) Kiểm soát tốt chất lượng tài sản; (iii) Đảm bảo an toàn hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng các mặt hoạt động cao hơn 2014; (iv) Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới; tham gia quá trình tái cơ cấu các TCTD theo định hướng của Chính phủ và NHNN.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với xu hướng phục hồi của nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam; với sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông; với sự chuyển động, năng động, sáng tạo, kết nối, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, Vietcombank sẽ nỗ lực quyết tâm vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội, tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Chủ tịch HĐQT: **NGHIÊM XUÂN THÀNH**  
Tổng Giám đốc: **PHẠM QUANG DŨNG**



## Tên giao dịch

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK  
FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN  
do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468  
do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày  
02/6/2008 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/11/2014

Vốn điều lệ (Vốn đầu tư của chủ sở hữu):

26.650.203.340.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tỷ hai  
trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng.

Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.665.020.334

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ,

Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84 - 4 - 3 934 3137

Fax: 84 - 4 - 3 824 1395

Website: www.vietcombank.com.vn

## Ngành nghề kinh doanh

Các dịch vụ của Vietcombank bao gồm:

- » Dịch vụ tài khoản
- » Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu)
- » Dịch vụ cho vay (ngắn, trung, dài hạn)
- » Dịch vụ bảo lãnh
- » Dịch vụ chiết khấu chứng từ
- » Dịch vụ thanh toán quốc tế
- » Dịch vụ chuyển tiền
- » Dịch vụ thẻ
- » Dịch vụ nhờ thu
- » Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- » Dịch vụ ngân hàng đại lý
- » Dịch vụ bao thanh toán
- » Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

# 1.853

■ NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

**TẠI 176 QUỐC GIA VÀ VÙNG  
LÃNH THỔ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI**

## Địa bàn kinh doanh

Tính đến hết năm 2014, bên cạnh Hội sở chính Vietcombank hiện có 01 Sở giao dịch và 89 chi nhánh với 351 phòng giao dịch hoạt động tại 46/63 tỉnh thành phố trong cả nước. Mạng lưới hoạt động phân bố: Bắc Trung Bộ 8,9%, Đông Bắc Bộ 8,9%, Đông bằng sông Hồng (bao gồm Hà Nội) 26,7%, Đông Nam Bộ và Hồ Chí Minh 25,6%, Duyên Hải Nam Trung Bộ 11,1%, Tây Nam Bộ 14,4%, Tây Nguyên 4,4%. Vietcombank còn có 1.853 ngân hàng đại lý tại 176 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.



LÝ THÁI TỔ



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



### TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA VIETCOMBANK

Vietcombank tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập ngày 20/01/1955 theo Nghị định 443/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1961, Sở Quản lý Ngoại hối được đổi tên thành Cục Ngoại hối thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Nghị định 171/CP ngày 26/10/1961 của Hội đồng Chính phủ. Cơ quan này vừa là một cục, vụ thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu, nghiên cứu chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại hối, đồng thời tiến hành các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của một ngân hàng thương mại đối ngoại.

#### ★ 1963 - 1975

**Khai sinh trong khói lửa và tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến thống nhất đất nước.**

Ngày 01/04/1963, Vietcombank chính thức khai trương hoạt động theo Nghị định số 115/CP ngày 30/10/1962 do Hội đồng Chính phủ ban hành trên cơ sở tách ra từ Cục Ngoại hối trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong giai đoạn 1963 - 1975, thời kỳ chiến tranh chống Mỹ ác liệt, Vietcombank đã đảm đương thành công nhiệm vụ lịch sử lớn lao là một ngân hàng thương mại đối ngoại duy nhất tại Việt Nam góp phần xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc, đồng thời hỗ trợ chi viện cho chiến trường miền Nam.

**Quý Ngoại tệ đặc biệt**

Để tiếp nhận nguồn vốn viện trợ ngoại tệ, tháng 4/1965 theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thành lập một tổ chức chuyên trách nghiệp vụ thanh toán đặc biệt với bí danh B29 tại Vietcombank. Ra đời với một cơ cấu tổ chức rất gọn nhẹ, B29 hoạt động đơn tuyến và bảo mật đến mức tối đa được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và Thường vụ Trung ương Cục Miền Nam. Với trên 10 người hoạt động trong thời gian 10 năm, Quý Ngoại tệ đặc biệt B29 đã tham gia vận chuyển và chuyển khoản một lượng lớn ngoại tệ, chi viện cho chiến trường miền Nam.

#### ★ 1976 - 1990

**Lớn mạnh trong gian khó**

Thời kỳ này, Vietcombank đã trở thành Ngân hàng Đối ngoại duy nhất của Việt Nam trên cả 3 phương diện: nắm giữ ngoại hối của quốc gia, thanh toán quốc tế, cung ứng tín dụng xuất nhập khẩu. Sau 1975, Vietcombank tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, tham gia đàm phán giảm, hoàn thành công nợ Nhà nước tại Câu lạc bộ Paris, London. Trong điều kiện bị bao vây cấm vận kinh tế, Vietcombank tiếp tục nhận viện trợ, tìm kiếm các nguồn vay ngoại tệ, đẩy mạnh thanh toán quốc tế để phục vụ sự nghiệp khôi phục đất nước sau chiến tranh và xây dựng Chủ nghĩa Xã hội.

#### ★ 1991 - 2007

**Vững bước trong thời kỳ hội nhập và đổi mới**

Vietcombank đã chính thức chuyển từ Ngân hàng chuyên doanh Đối ngoại trở thành một Ngân hàng Thương mại Nhà nước có hệ thống mạng lưới trên toàn quốc và quan hệ ngân hàng đại lý trên khắp thế giới. Vietcombank cũng là Ngân hàng đầu tiên triển khai và hoàn thành Đề án Tái cơ cấu (2000 - 2005) mà trọng tâm là nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, đóng góp cho sự ổn định và phát triển kinh tế, đồng thời tạo dựng uy tín đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

#### ★ 2007 - 2014

**Tiên phong cổ phần hóa, là Ngân hàng hàng đầu Việt Nam**

Năm 2007, Vietcombank tiên phong cổ phần hóa trong ngành ngân hàng và thực hiện thành công kế hoạch phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 02/06/2008, Vietcombank đã chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần. Ngày 30/6/2009, Vietcombank chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 09/2011, Vietcombank ký kết Hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank.

Ngày 01/04/2013,

Vietcombank đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập (1963-2013) và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Nhất do Đảng và Nhà nước trao tặng. Nhân sự kiện đặc biệt này, Vietcombank cũng đã chính thức công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng thông điệp/ lời hứa của thương hiệu **"Chung niềm tin vững tương lai"**, khẳng định cam kết của Vietcombank luôn sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trên con đường hướng tới tương lai, khẳng định sự đổi mới toàn diện của Vietcombank cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động để tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững vị thế là ngân hàng hàng đầu trong nước và từng bước vươn xa trên trường quốc tế.

Truyền thống lịch sử, văn hóa và thương hiệu Vietcombank trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động đã không ngừng được hun đúc, hội tụ để phát huy mạnh mẽ. Trong năm 2014, Vietcombank đã có sự bứt phá ngoạn mục, toàn diện với kết quả tăng trưởng nổi bật trên một số lĩnh vực kinh doanh trọng yếu với mức tăng trưởng cao hơn các năm trước đây và cao hơn nhiều mức tăng trưởng bình quân của toàn ngành: Lần đầu tiên dự nợ tín dụng của Vietcombank đạt mốc trên 300 nghìn tỷ đồng; huy động vốn đạt trên 400 nghìn tỷ đồng và tổng tài sản đạt trên 500 nghìn tỷ đồng; lợi nhuận trước trích dự phòng tăng 12,73%, gia tăng quỹ dự phòng rủi ro tương ứng với số dư nợ xấu; công tác thu hồi nợ tồn đọng có nhiều đột phá, đóng góp 1/3 tổng lợi nhuận của Vietcombank. Bên cạnh đó, công tác quản trị điều hành đã hướng đến ngân hàng hiện đại, nhiều dự án nâng cao năng lực cạnh tranh bước đầu được áp dụng trong năm 2014 và triển khai đồng bộ trong năm 2015 tạo bước đà vững chắc cho Vietcombank trong mục tiêu chinh phục vị trí **"Ngân hàng số 1 Việt Nam"** như nhiệm vụ của Thống đốc và Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đặt niềm tin và giao cho Vietcombank.



# 10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2014

1

## THAY ĐỔI, BỔ SUNG NHÂN SỰ QUẢN LÝ CẤP CAO

Năm 2014, bộ máy nhân sự cấp cao của Vietcombank có sự thay đổi và bổ sung quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành, mang lại hiệu quả cao cho Vietcombank trên nhiều mặt hoạt động, cụ thể: Ông Nguyễn Xuân Thành được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT; ông Phạm Quang Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc; ông Nguyễn Mạnh Hùng được bầu giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị; ông Phạm Mạnh Thắng và bà Nguyễn Thị Kim Oanh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.



Bên cạnh đó, nhân sự lãnh đạo tại các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng được bố trí luân chuyển, sắp xếp lại phù hợp dựa trên năng lực, kinh nghiệm đã không ngừng thúc đẩy, gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động toàn hệ thống.

2

## CHỦ TỊCH HĐQT VIETCOMBANK ĐƯỢC BẦU LÀ PHÓ CHỦ TỊCH HIỆP HỘI NGÂN HÀNG CHÂU Á (ABA)

Đại hội thường niên Hiệp hội Ngân hàng châu Á (ABA) lần thứ 31 diễn ra tại Muscat - thủ đô của Vương quốc Oman (tháng 11/2014) đã tín nhiệm bầu ông Nguyễn Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank giữ chức vụ Phó Chủ tịch ABA.



Thành công và kết quả của đại hội cho thấy Vietcombank ngày một có ảnh hưởng quan trọng đối với thị trường tài chính của khu vực và quốc tế.

3

## NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ, CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG, CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2014, Vietcombank đã triển khai đồng loạt các dự án nâng cao năng lực cạnh tranh như: Dự án phân tích hiện trạng và xây dựng lộ trình áp dụng Basel II; dự án hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, dự án KPIs... nhằm góp phần hỗ trợ công tác quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Nhằm phát huy sức mạnh tổng thể trên tinh thần khắc phục triệt để những hạn chế, kết nối các điểm mạnh từ nhiều lĩnh vực hoạt động, trong năm 2014 Vietcombank đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn, hội nghị chuyên đề chuyên sâu như: Hội nghị phát triển khách hàng FDI, Hội nghị bán lẻ, Hội nghị thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại, Hội nghị công nghệ thông tin; Hội nghị về Truyền thông nội bộ, Hội nghị xây dựng cơ bản. Thông qua đó đã tổng hợp được những tồn tại từ cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện về quy định, quy trình, giúp cho hoạt động tác nghiệp ngày càng bài bản và thông suốt; sự phối hợp giữa trung ương và địa phương ngày một đồng bộ, mang lại hiệu quả kinh doanh cao trên tất cả các lĩnh vực.

Công tác đào tạo của Vietcombank có sự chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng các khóa đào tạo được nâng cao. Trong năm 2014, có 89 đồng chí Giám đốc/Phó Giám đốc chi nhánh trong hệ thống đã được tham gia chương trình đào tạo chức danh Giám đốc chi nhánh; 104 khóa đào tạo được tổ chức với 5.104 lượt cán bộ được đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân sự cho hệ thống Vietcombank.



4

## TIÊN PHONG DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG TRONG VIỆC GIẢM LÃI SUẤT HUY ĐỘNG, TẠO ĐIỀU KIỆN HẠ LÃI SUẤT CHO VAY, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Trong năm 2014, Vietcombank luôn tiên phong trong việc giảm lãi suất huy động, duy trì mức lãi suất huy động thấp nhất thị trường, đồng thời tích cực đẩy mạnh giải ngân các chương trình tín dụng lớn theo định hướng phát triển của Chính phủ và NHNN; tập trung giải ngân cho vay 5 lĩnh vực ưu tiên với lãi suất cho vay VNĐ phổ biến 7% năm; mở rộng quy mô một số chương trình cho vay ưu đãi lãi suất nhằm hỗ trợ tối đa cho khách hàng; tích cực tham gia chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng do NHNN khởi động để hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn; chủ động nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.



6

## MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Năm 2014, mạng lưới của Vietcombank được mở rộng với việc khai trương hoạt động thêm 10 chi nhánh mới và 17 phòng giao dịch, là ngân hàng thương mại có số lượng mở mới Chi nhánh, Phòng giao dịch lớn nhất trong năm 2014. Điểm mới là một số Chi nhánh đã đạt được quy mô nghìn tỷ và có ngay lợi nhuận chỉ sau 8 tháng hoạt động.



5



## TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Năm 2014, Vietcombank đã chủ động trong việc tiếp cận, tìm kiếm các dự án hiệu quả thông qua việc chính thức ký kết với Kho bạc Nhà nước Trung ương và KBNN một số tỉnh, thành phố, ký với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, được mở phục vụ tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản chuyên thu với KBNN và BHXH, mở ra kênh khai thác nguồn vốn lớn với lãi suất thấp, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh; ký kết hàng loạt thỏa thuận hợp tác/hợp đồng tín dụng với các Tập đoàn, Tổng Công ty như Vietnam Airlines, VRG, EVN, EVN NPC, TKV...

Nhằm góp phần vào sự phát triển hạ tầng cơ sở của đất nước, Vietcombank cũng đã thỏa thuận tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án có tính trọng điểm quốc gia như: Dự án xây dựng đường giao thông từ cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa (10.413 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang (3.658 tỷ đồng).

Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế của Vietcombank cũng không ngừng được phát triển. Trong năm 2014, Ban Lãnh đạo Vietcombank đã tham gia nhiều buổi gặp gỡ, tiếp xúc làm việc với lãnh đạo cấp cao của các tổ chức ngân hàng tài chính quốc tế; tham gia đoàn công tác của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại các nước Ấn Độ, Hà Lan, Cu Ba và Haiti; phát triển mối quan hệ hợp tác giữa Vietcombank với các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và các nước; đóng góp vào thành tựu kinh tế của cả nước nói chung.



**NHỮNG SỰ KIỆN  
TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014 (tiếp theo)**

7

**PHÁT HUY BẢN LĨNH, TRÍ TUỆ VÀ SÁNG TẠO CỦA SỨC TRẺ  
VIETCOMBANK**

Năm 2014, Vietcombank lần đầu tiên tổ chức cuộc thi "Thanh niên suy nghĩ và hành động trước sự nghiệp đổi mới, phát triển và hội nhập của Vietcombank". Cuộc thi đã thu hút hàng nghìn bạn trẻ ở tất cả các chi nhánh tham gia. Nhiều sáng kiến, ý tưởng từ cuộc thi đã được đánh giá cao và đưa ngay vào ứng dụng trong thực tiễn hoạt động kinh doanh. Ý tưởng đạt giải nhất từ cuộc thi cũng được tôn vinh ở cấp độ quốc gia tại Festival "Sáng tạo trẻ" toàn quốc.



8

**VIETCOMBANK HOÀN THÀNH ĐẠT VÀ VƯỢT HẦU HẾT CÁC  
CHỈ TIÊU KINH DOANH, CÔNG TÁC THU NỢ CÓ NHIỀU BÚT PHÁ  
ẤN TƯỢNG, ĐÓNG GÓP LỚN VÀO LỢI NHUẬN NĂM 2014**

Đến hết năm 2014, Vietcombank đã hoàn thành đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực: huy động vốn; tổng tài sản; tăng trưởng tín dụng; thanh toán XNK và kinh doanh ngoại tệ; bán lẻ.

Đặc biệt công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ tồn đọng ngoại bảng của Vietcombank có bước đột phá và đạt được kết quả rất ấn tượng. Năm 2014, thu hồi nợ ngoại bảng ghi vào thu nhập là 1.776,5 tỷ đồng, bằng 147% so với kế hoạch năm 2014; trong đó thu nợ đã XLRR đạt 1.420 tỷ đồng, thu nợ đã bán cho VAMC đạt 356,5 tỷ đồng. Nhờ kiểm soát được chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank đã giảm mạnh, tại thời điểm 31/12/2014 tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank ở mức 2,31%.

Tăng trưởng của các chỉ tiêu kinh doanh đã mang lại kết quả tài chính ấn tượng. Lợi nhuận trước dự phòng của Vietcombank tăng 12,73%, tạo nguồn

trích lập dự phòng rủi ro tăng 29,7% so với năm trước nhưng Vietcombank vẫn đảm bảo lợi nhuận trước thuế sau dự phòng đạt 5.876 tỷ đồng, tăng 2,32% so với năm 2013.

Các hệ số an toàn, hiệu quả hoạt động của Vietcombank trong năm qua được cải thiện rõ rệt và dân sát với các thông lệ quốc tế. ROE đạt 10,76%, ROA đạt 0,88%, hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ~ 11,61% đáp ứng quy định của NHNN (tối thiểu 9%). Tỷ lệ quỹ DPRR/ nợ xấu được duy trì ở mức cao (~ 94%).



9

**XÁC LẬP VỊ THẾ DẪN ĐẦU  
- "NGÂN HÀNG BÁN LẺ TỐT  
NHẤT VIỆT NAM NĂM 2014"**

Năm 2014, với sự tăng trưởng ấn tượng trên nhiều lĩnh vực cốt lõi của hoạt động bán lẻ như: dịch vụ thẻ duy trì vị thế số 1 thị trường; dịch vụ chuyển tiền kiều hối đạt 1,35 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2013; các dịch vụ SMS Banking, Mobile Banking và Internet Banking tăng trưởng mạnh so với năm 2013 (tương ứng 31%, 70% và 24%), vượt mức kế hoạch năm 2014 (tương ứng 123%, 116% và 113%)... Vietcombank đã được Tạp chí The Asian Banker bình chọn và trao tặng giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam".

10



**GIỮ VỮNG VỊ THẾ TOP 10  
DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ  
LỚN NHẤT VIỆT NAM**

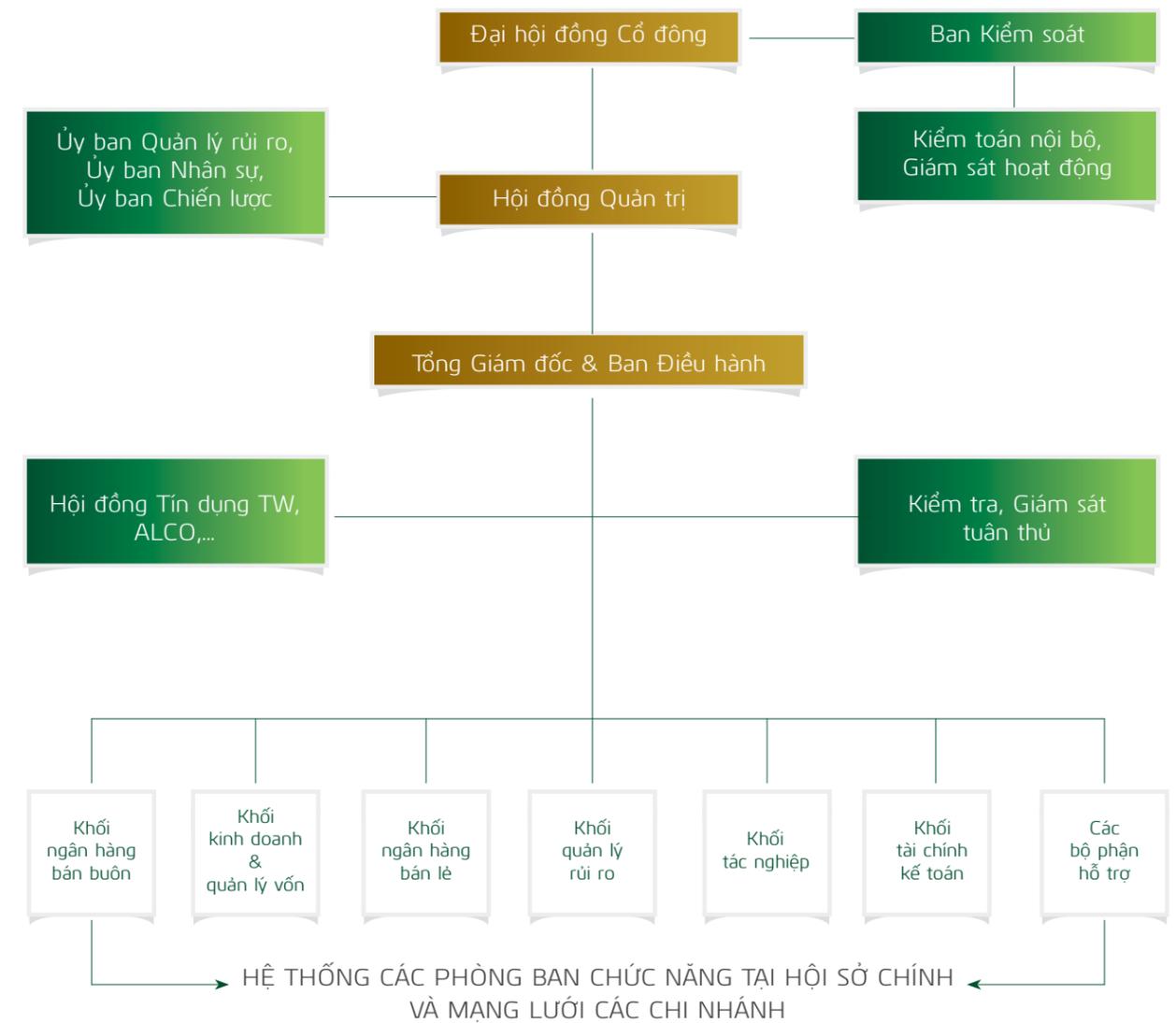
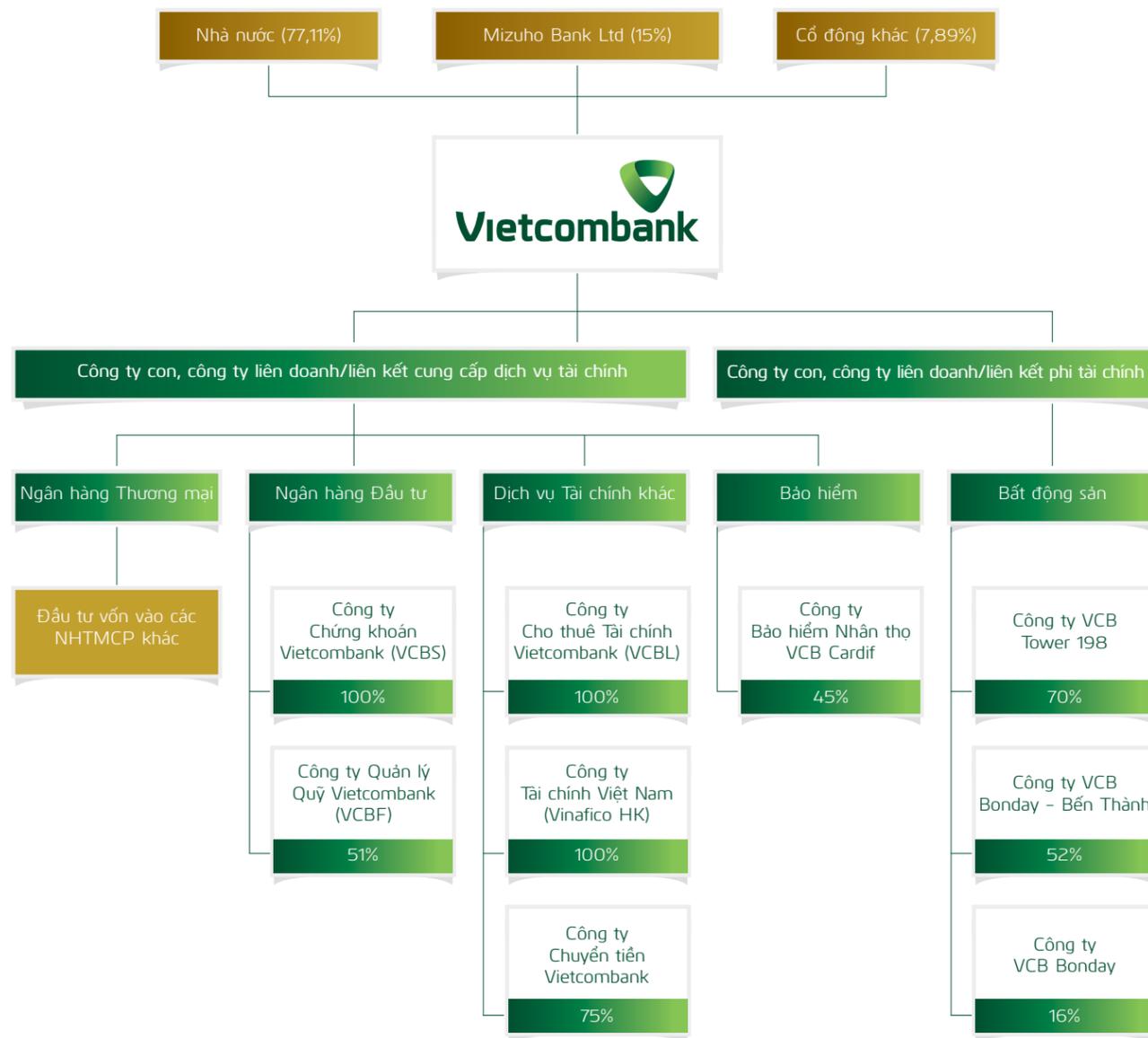
Năm 2014, Vietcombank vinh dự tiếp tục được bình chọn là một trong 10 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam. Kết quả này một lần nữa ghi nhận sự đóng góp to lớn của Vietcombank đối với ngân sách nhà nước, đồng thời khẳng định tính hiệu quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh cũng như thể hiện cam kết phát triển của Vietcombank là duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu để xây dựng Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 của Việt Nam.



**THE ASIAN BANKER®  
EXCELLENCE IN  
RETAIL FINANCIAL SERVICES  
INTERNATIONAL AWARDS 2014  
BEST RETAIL BANK, VIETNAM**

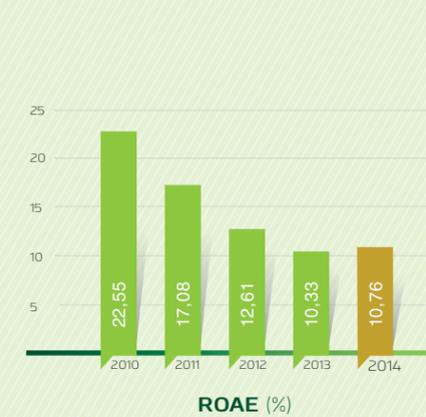
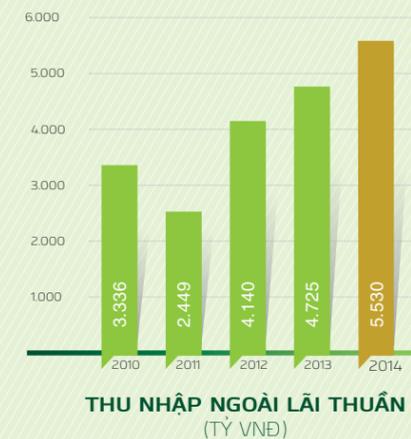
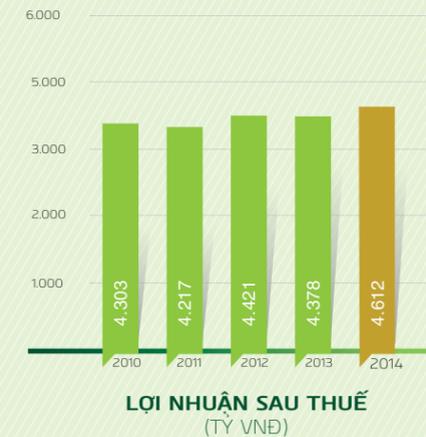
**Vietcombank đạt giải thưởng  
Ngân hàng bán lẻ tốt nhất  
Việt Nam 2014  
do tạp chí Asian Banker trao tặng**

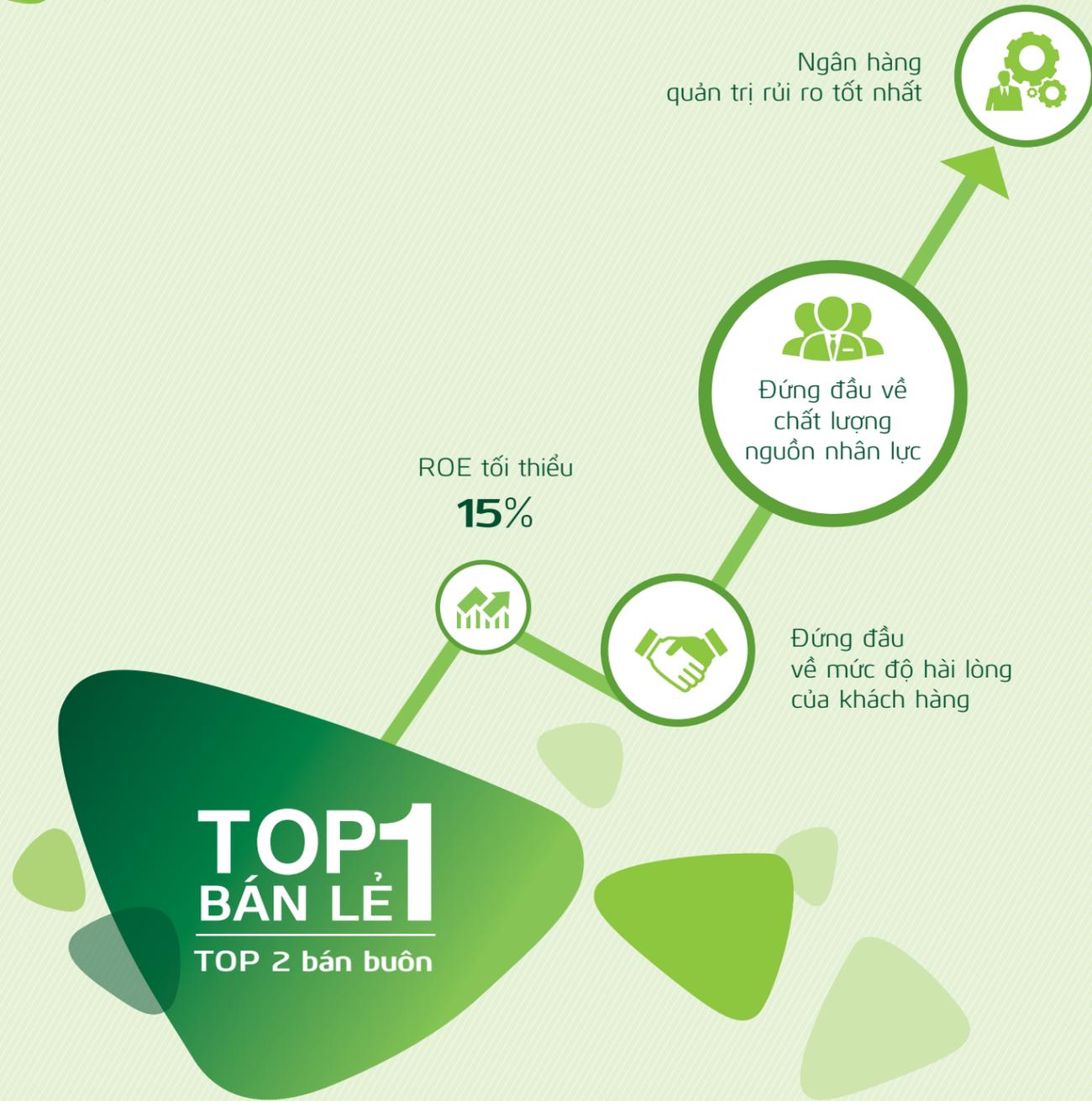
[www.vietcombank.com.vn](http://www.vietcombank.com.vn)





	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014	
<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>							
Tổng tài sản	Tỷ đồng	307.621	366.722	414.488	468.994	576.989	
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20.737	28.639	41.547	42.386	43.351	
Tổng dư nợ TD/TTS	%	57,50	57,11	58,19	58,49	56,03	
Thu nhập ngoài lãi thuần	Tỷ đồng	3.336	2.449	4.140	4.725	5.530	
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	11.531	14.871	15.081	15.507	17.304	
Tổng chi phí hoạt động	Tỷ đồng	(4.578)	(5.700)	(6.013)	(6.244)	(6.861)	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Tỷ đồng	6.953	9.171	9.068	9.263	10.442	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Tỷ đồng	(1.384)	(3.474)	(3.303)	(3.520)	(4.566)	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.569	5.697	5.764	5.743	5.876	
Thuế TNDN	Tỷ đồng	(1.266)	(1.480)	(1.343)	(1.365)	(1.265)	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.303	4.217	4.421	4.378	4.612	
Lợi nhuận thuần sau thuế	Tỷ đồng	4.282	4.197	4.397	4.358	4.592	
<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ</b>							
<b>CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ</b>							
NIM	%	2,83	3,41	2,93	2,55	2,35	
ROAE	%	22,55	17,08	12,61	10,33	10,76	
ROAA	%	1,50	1,25	1,13	0,99	0,88	
<b>CHỈ TIÊU AN TOÀN</b>							
Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động vốn	%	84,88	86,68	79,34	80,50	75,92	
Tỷ lệ nợ xấu	%	2,83	2,03	2,40	2,73	2,31	
Hệ số an toàn vốn CAR	%	9,0	11,14	14,63	13,13	11,61	
<b>CỔ PHIẾU</b>							
Cổ phiếu phổ thông	Triệu cp	1322	1970	2.317	2.317	2.665	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/năm	12,0	12,0	12,0	12,0	10,0	
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	Đồng	26.820	20.130	26.230	26.800	31.900	
Giá trị vốn hóa thị trường	Tỷ đồng	35.466	39.652	60.786	62.107	85.014	
EPS	Đồng	2.315	1.789	1.909	1.878	1.543	
DPS	Đồng/cp	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ chi trả 12%		1.200	1.200	1.200	1.000





## MỤC TIÊU TỔNG QUÁT



Phấn đấu đưa Vietcombank trở thành Ngân hàng hàng đầu Việt Nam có sức ảnh hưởng khu vực, có vị trí thứ 400 trong Top 1000 Tập đoàn tài chính Ngân hàng lớn nhất thế giới, mang lại cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông và người lao động; Bước đầu triển khai áp dụng các chuẩn mực quốc tế theo Basel II về quản trị rủi ro vào năm 2015.

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

» Ngân hàng đạt Top 1 Bán lẻ và Top 2 Bán buôn

Tiếp tục củng cố phát triển bán buôn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ làm cơ sở nền tảng phát triển bền vững. Duy trì và mở rộng thị trường hiện có trong nước và phát triển ra thị trường nước ngoài.

» Ngân hàng đạt hiệu suất sinh lời cao nhất và đạt ROE tối thiểu 15%

Nỗ lực tối ưu hóa tỷ lệ chi phí hoạt động/ thu nhập bán hàng, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động của các khối: Cơ cấu lại nguồn vốn hiệu quả thông qua phân bổ hợp lý nguồn vốn VNĐ/ngoại tệ, tăng trưởng và cân bằng tín dụng, nguồn vốn hợp lý theo kỳ hạn để giảm thiểu rủi ro lãi suất. Đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN và mục tiêu của Vietcombank. Nâng cao chất lượng công tác lập và giám sát kế hoạch ngân sách theo thông lệ tiên tiến...

» Ngân hàng đứng đầu về mức độ hài lòng của khách hàng

Với mục tiêu tăng dần số lượng và doanh số từ khách hàng, chú trọng vào khách hàng mục tiêu, Vietcombank tiếp tục đẩy mạnh việc đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các dịch vụ ngân hàng tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

» Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực thông qua đổi mới công tác tuyển dụng, duy trì, đào tạo và luân chuyển cán bộ; tăng cường văn hóa hợp tác trong ngân hàng; tăng cường sự gắn bó và hiệu quả của cán bộ.

» Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất

Tiếp tục khẳng định vị thế đối với mảng hoạt động kinh doanh lõi của Vietcombank là hoạt động NHTM dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và quản trị theo chuẩn mực quốc tế (triển khai quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II; nâng cao văn hóa quản trị rủi ro).

## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh những định hướng kinh doanh mạnh mẽ, quyết liệt, Vietcombank vẫn luôn xác định cho mình những mục tiêu cao cả đối với xã hội và cộng đồng:

» Vietcombank luôn nỗ lực để hoạt động kinh doanh phát triển ổn định, đảm bảo cho dòng huyết mạch tài chính lưu thông không ngừng nghỉ, đóng góp vào quá trình phát triển của nền kinh tế xã hội Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng.

» Hoạt động của Vietcombank luôn hướng tới cộng đồng, xã hội, góp phần xây dựng

đất nước ấm no, hạnh phúc. Vietcombank luôn đề cao tính "Nhân văn" như một giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank, luôn sẵn sàng sẻ chia không chỉ với bạn hàng, khách hàng, đối tác mà còn chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng được Vietcombank đề ra hàng năm. Chính vì vậy, mà giá trị thương hiệu cùng uy tín Vietcombank suốt 50 năm qua đã không ngừng được gây dựng và vun đắp.



GIẢI THƯỞNG  
TRONG NƯỚC NĂM 2014



NĂM 2014 LÀ  
NĂM THỨ 4 LIÊN TIẾP  
VIETCOMBANK ĐƯỢC  
HỘI ĐỒNG THƯƠNG HIỆU  
QUỐC GIA CÔNG NHẬN VÀ  
TRAO TẶNG BIỂU TRƯNG  
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA.

NĂM 2014,  
VIETCOMBANK  
TIẾP TỤC DUY TRÌ  
VỊ TRÍ TOP 10  
THƯƠNG HIỆU MẠNH  
VIỆT NAM 11 NĂM  
LIÊN TIẾP (2003 - 2014).

TOP  
10  
DOANH NGHIỆP  
NỘP THUẾ  
LỚN NHẤT  
VIỆT NAM

1

### THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao Bộ Công Thương phối hợp các bộ, ngành triển khai nhằm xây dựng hình ảnh Việt Nam. Diễn ra định kỳ 2 năm một lần, đây là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam tiến hành với mục đích quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ), gắn với 3 giá trị: **Đổi mới - Sáng tạo - Năng lực tiên phong.**

2

### THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

Giải thưởng thường niên do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức nhằm vinh danh những doanh nghiệp điển hình trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3

### TOP 10 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2014, Vietcombank tiếp tục được bình chọn là một trong 10 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam. Kết quả bình chọn và xếp hạng do Vietnam Report, Hội đồng chuyên gia cố vấn VNR500 và Tổng cục Thuế thực hiện.



## 4 TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM (2013 - 2014)

Kết quả khảo sát chuyên sâu và xếp hạng doanh nghiệp thường niên do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư thực hiện với sự tham gia của Hội đồng tư vấn gồm các chuyên gia phân tích tài chính thuộc trường kinh doanh Havard (Mỹ), Ngân hàng Đầu tư Morgan Stanley, Công ty tư vấn McKinsey.



## 5 ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA TIÊU BIỂU

Giải thưởng thuộc khuôn khổ Diễn đàn M&A 2014 do Bộ Kế hoạch & Đầu tư, báo Đầu tư và công ty VMA tổ chức. Vietcombank là ngân hàng duy nhất được vinh danh trong nhóm các công ty cổ phần hóa tiêu biểu.



## 6 GIẢI THƯỞNG CHO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- » Ngân hàng điện tử hàng đầu Việt Nam;
- » Dịch vụ Thẻ hàng đầu Việt Nam.

(Giải thưởng thuộc chương trình khảo sát và vinh danh 100 sản phẩm, dịch vụ Tin & Dùng Việt Nam 2014 do Thời báo Kinh tế Việt Nam thực hiện thường niên nhằm tôn vinh những đơn vị, công ty, doanh nghiệp có những sản phẩm, dịch vụ được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng và uy tín);

- » 1 trong 3 ngân hàng điện tử được yêu thích tại Việt Nam;
- » Top 5 ngân hàng có dịch vụ Internet Banking và dịch vụ Mobile Banking được yêu thích nhất.

(Giải thưởng thuộc chương trình vinh danh ngân hàng điện tử được yêu thích tại Việt Nam - My Ebank 2014 do báo điện tử VnExpress thực hiện).



Đơn vị trao giải

Tên giải thưởng

The Banker

TOP 1000  
NGÂN HÀNG TỐT NHẤT THẾ GIỚI (2013 - 2014)

THE BANKER

Vietcombank xếp thứ 467/1.000 trong bảng xếp hạng 1.000 ngân hàng tốt nhất thế giới (Top 1.000 World Banks).

Brand Finance®

Banking 500

BRAND FINANCE

Top 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới.

NIKKEI ASIAN REVIEW

TOP 100  
CÔNG TY ĐÁNG QUAN TÂM NHẤT TẠI KHU VỰC ASEAN

NIKKEI ASIAN REVIEW

Top 100 công ty đáng quan tâm nhất tại khu vực Asean.

Forbes

TOP 50  
CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM (2013 - 2014)

FORBES

Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (2013 - 2014).

anphabe nielsen

TOP 10 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

ANPHABE & NIELSEN

Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam.

THE ASIAN BANKER

THE ASIAN BANKER

Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2014.

FinanceAsia

FINANCEASIA

Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2014.



TRADE FINANCE

Ngân hàng cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 7 năm liên tiếp (2008 - 2014).



ALPHA SEA

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014;

Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2014;

Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2014 cho các doanh nghiệp và định chế tài chính.

JPMorganChase

JP MORGAN CHASE

Chúng nhận Ngân hàng xuất sắc đạt 98,54% tỷ lệ xử lý thanh toán tự động điện MT103 năm 2014;

Chúng nhận Ngân hàng xuất sắc đạt 99,76% tỷ lệ xử lý thanh toán tự động điện MT202 năm 2014.

citibank®

CITIBANK

Chúng nhận Ngân hàng xuất sắc trong thanh toán tự động 2014.

Deutsche Bank

DEUTSCHE BANK

Chúng nhận Ngân hàng xuất sắc trong thanh toán tự động.



# PHÁT TRIỂN

ĐỂ VƯƠN XA



## Báo cáo của Lãnh đạo

- Tình hình tài chính năm 2014
- Cơ cấu cổ đông
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014)

### Cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
2.665.020.334	Cổ phần phổ thông	826.663.579	1.838.356.755

### Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

Stt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.055.076.583	1.438.553.608*	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
	Cổ đông nội bộ Hội đồng Quản trị	48.701	48.701	
		38.599	38.599	
2	Ban Kiểm soát	10.102	10.102	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Corporate Bank Ltd	399.754.446	399.754.446	5 năm kể từ ngày 28/12/2011
<b>Tổng</b>		<b>2.454.879.730</b>	<b>1.838.356.755</b>	

\* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank ngày 05/12/2014 của NHNN, ông Nguyễn Xuân Thành – Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng – Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

### Cơ cấu cổ đông

Stt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.055.076.583	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	399.754.446	15,00%	1
III	Cổ đông khác	210.189.305	7,89%	20.114
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	41.143.594	1,54%	19.298
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	13.453.683	0,50%	157
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	8.299.029	0,31%	532
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	147.292.999	5,53%	127
<b>Tổng</b>		<b>2.665.020.334</b>	<b>100,00%</b>	<b>20.116</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 31/12/2014 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – VSD cung cấp.

Tình hình tài chính	Đơn vị tính	2013	2014
<b>A TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
1 Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	468.994	576.989
2 Doanh thu	Tỷ đồng	36.682	36.611
3 Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	2.027	1.761
4 Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.743	5.875
5 Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.378	4.610
<b>B CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU</b>			
<b>1 Quy mô vốn</b>			
1.1 Vốn điều lệ	Tỷ đồng	23.174	26.650
1.2 Tổng tài sản có	Tỷ đồng	468.994	576.989
1.3 Tỷ lệ an toàn vốn	%	13,13	11,61
<b>2 Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	Tỷ đồng	5.577.796	6.463.734
2.2 Doanh số cho vay	Tỷ đồng	578.823	813.257
2.3 Doanh số thu nợ	Tỷ đồng	547.605	764.240
2.4 Nợ xấu	Tỷ đồng	7.475	7.459
2.5 Tỷ lệ dư nợ cho vay/Huy động vốn	%	80,50	75,92
2.6 Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	6,10	7,00
2.7 Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	3,39	2,97
2.8 Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	%	2,73	2,31
<b>3 Khả năng thanh toán</b>			
3.1 Khả năng thanh toán ngay	%	32,97	32,20
3.2 Khả năng thanh toán trong 7 ngày theo loại tiền (tối thiểu là 1)			
- VNĐ		2,11	3,30
- EUR		1,64	1,50
- GBP		2,16	5,20
- USD và ngoại tệ quy USD		1,47	1,60



# CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014

Trong năm 2014, Vietcombank đã thực hiện đầu tư thêm/thoái vốn đầu tư tại các khoản đầu tư sau:

Tên	Tên viết tắt	Lĩnh vực	Số vốn đầu tư thêm/(thoái vốn) trong năm 2014
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành <sup>(1)</sup>	VBB	Cho thuê văn phòng	58,75
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	VNA	Hàng không	499,60
Quỹ Vietcombank Partners 1	VPF1	Quỹ đầu tư	(6,60)
Công ty Cổ phần Gentraco	Gentraco	Lương thực, thực phẩm	(4,02)
Đầu tư dài hạn khác của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank		Khác	17,50

(1): Vốn đầu tư tăng thêm vào VBB là do chuyển đổi hạch toán vốn đầu tư của Vietcombank từ USD sang VNĐ.

## CÔNG TY CON, LIÊN DOANH – LIÊN KẾT THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY CON

Đơn vị: tỷ đồng

Công ty con	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2014	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25/5/1998 của Ngân hàng Nhà nước.	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.	Chuyển tiền kiều hối	84,86	75%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và số 1578/GPDC1 ngày 18/04/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	197,65	70%

## TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON

**VCBL:** Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2014, VCBL đã chủ động và linh hoạt trong kinh doanh, đảm bảo hoạt động ổn định. Dư nợ cho thuê tài chính của Công ty tại 31/12/2014 đạt 2.004 tỷ đồng, tăng 24,3% so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 41,62 tỷ đồng, đạt kế hoạch lợi nhuận 2014 (41,3 tỷ đồng).

**VCBS:** Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn. Năm 2014, tận dụng một số chuyển biến tích cực của thị trường chứng khoán, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả ấn tượng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2014 đạt 95,78 tỷ đồng, vượt 17% kế hoạch (81,5 tỷ đồng).

**VFC:** Là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hồng Kông. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: Nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Năm 2014, lợi nhuận sau thuế của VFC đạt 6,08 tỷ đồng, vượt 170% kế hoạch (3,58 tỷ đồng).

**VCBM:** Công ty cổ phần do Vietcombank nắm giữ 75% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn phát triển kinh doanh nên chưa có lãi. Trong năm 2014, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua xin giấy phép hoạt động tại các bang, đẩy mạnh số lượng đại lý. Tính đến cuối năm 2014, Công ty đã triển khai được 02 phòng giao dịch và 87 đại lý tại 09 bang của Mỹ. Doanh số của Công ty đạt 27,2 triệu USD, gấp 2,7 lần so với 2013 và có kế hoạch tăng mạnh trong năm 2015 sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ.

**VCBT:** Công ty liên doanh giữa Vietcombank và công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30 hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trong năm 2014, do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 77,94 tỷ đồng, vượt 18,8% kế hoạch (65,67 tỷ đồng).





## THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2014	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	VBB	Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/06/2013.	Quản lý quỹ đầu tư	28,05	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank-Cardif	VCLI	Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008.	Bảo hiểm nhân thọ	270,00	45%
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	VCBB	Số 283/GP do Sở KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991	Cho thuê văn phòng	11,11	16%



## TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT



**VBB:** Công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn hoàn thiện công trình, dự kiến tòa nhà sẽ đi vào vận hành từ giữa năm 2015.

**VCBF:** Công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Năm 2014, do các quỹ thành viên VPF1 và VPF3 đều thoái vốn xong và giải thể nên Công ty không còn nguồn thu từ phí quản lý 2 quỹ này. Cuối tháng 8/2014, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ mở thứ 2 là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu hàng đầu VCBF (VCBF-BCF). Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động quản lý tài sản (phí quản lý danh mục và phí thưởng). Lợi nhuận sau thuế năm 2014 lỗ -6,39 tỷ đồng. Khoản lỗ này nằm trong kế hoạch dự kiến của Công ty.



**VCLI:** Công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank, BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45%; 43% và 12%, chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (bancassurance). Hiện tại, Công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp.

Năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 13,13 tỷ đồng.



**VCBB:** Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty điều hành Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động trên lĩnh vực cho thuê văn phòng.

Năm 2014, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 25,41 tỷ đồng.



# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014



Với phương châm **Đổi mới – Tăng trưởng – Chất lượng** và quan điểm chỉ đạo điều hành **Nhạy bén – Quyết liệt – Kết nối** được đề ra ngay từ đầu năm 2014, Vietcombank đã tiếp tục thể hiện được vai trò tiên phong trong thực thi chính sách tiền tệ của NHNN, nâng cao đáng kể hiệu quả các hoạt động kinh doanh, tích cực chủ động tham gia vào công tác an sinh xã hội. Xuất phát từ những định hướng đúng đắn trong phương châm hành động và quan điểm chỉ đạo điều hành, trong năm 2014 Vietcombank đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT giao đối với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu.

## VỐN CHỦ SỞ HỮU



## Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu

Tính đến 31/12/2014, tổng tài sản đạt 576.989 tỷ đồng, tăng 23,03% so với thời điểm cuối năm 2013.

Vốn chủ sở hữu năm 2014 đạt 43.351 tỷ đồng, tăng 2,28% so với năm trước, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 6.627 tỷ đồng.

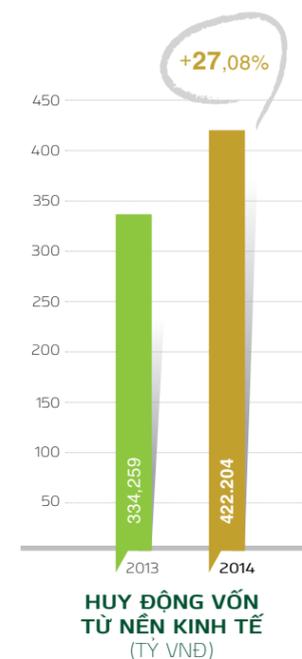


Huy động vốn tăng trưởng mạnh; lãi suất huy động được điều chỉnh linh hoạt, luôn duy trì ở mức thấp nhất thị trường; cơ cấu nguồn vốn chuyển dịch theo đúng định hướng.

Trong năm 2014, Vietcombank luôn tiên phong trong việc giảm lãi suất huy động, duy trì mức lãi suất huy động thấp nhất thị trường; tích cực chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn theo hướng thu hút các nguồn vốn giá rẻ; tăng cường cung cấp các dịch vụ thanh toán chuyên thu/chuyên chi cho KBNN & BHXH để qua đó thu hút được nguồn vốn từ các tổ chức này.

Huy động vốn từ nền kinh tế năm 2014 đạt 422.204 tỷ đồng, tăng 27,08% so với năm 2013, cao hơn mức tăng bình quân của toàn ngành (~15,8%). Huy động vốn tăng đều ở cả TCKT (23,18%) và dân cư (30,66%). Cơ cấu vốn TCKT và dân cư hiện ~ 46%-54% phù hợp với chiến lược đẩy mạnh hoạt động bán lẻ của Vietcombank.

Tín dụng tăng trưởng ngay từ những tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm ở mức cao so với toàn hệ thống; Cơ cấu tín dụng chuyển dịch đúng định hướng; Dự nợ tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên và các dự án tốt của các doanh nghiệp lớn.



Dư nợ tín dụng đạt 323.332 tỷ đồng, tăng 17,87% so với năm 2013. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2014 của Vietcombank tiếp tục cao hơn tăng trưởng của toàn hệ thống (14,5%).

Tín dụng tăng khá ở bán buôn (13,32%) và SME (19,5%), tăng cao ở thể nhân (38,88%). Cơ cấu tín dụng theo khách hàng tiếp tục dịch chuyển tích cực theo đúng định hướng của Vietcombank. Theo đó, tỷ trọng dư nợ thể nhân ở mức 16%, dư nợ SME ở mức 15,02% và dư nợ bán buôn ở mức 68,98% tổng dư nợ. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn giữ ổn định như năm 2013.

## Nợ xấu được kiểm soát; các hệ số an toàn được đảm bảo

Công tác quản trị rủi ro tín dụng được quan tâm chú trọng thường xuyên. Dư nợ nhóm 2 tính đến hết 31/12/2014 là 17.347 tỷ đồng, giảm 5.412 tỷ đồng so với năm 2013 (giảm ~23,78%). Tỷ lệ nợ nhóm 2 là 5,36%, giảm 2,94% so với năm 2013. Số dư nợ xấu tại thời điểm 31/12/2014 là 7.459 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,31%, giảm 0,42% so với năm 2013, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (3%). Năm 2014, thu nợ xấu đạt 2.460 tỷ đồng, tăng 39% so với 2013. Trong đó thu nợ xấu nhóm 5 chiếm 40% tổng số thu nợ xấu.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

### DOANH SỐ THANH TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU



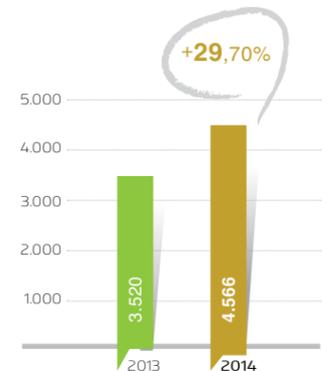
### DOANH SỐ MUA BÁN NGOẠI TỆ VỚI KHÁCH HÀNG



**28,90**  
TỶ USD

### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TRƯỚC DỰ PHÒNG

**10.442**  
TỶ ĐỒNG



DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG  
(TỶ VNĐ)

Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ~ 11,61% đáp ứng quy định của NHNN (tối thiểu 9%). Tỷ lệ quỹ DPRR/nợ xấu được duy trì ở mức cao (~ 94%).

Thu hồi nợ đã xử lý dự phòng rủi ro và nợ đã bán VAMC đạt kết quả tích cực, có sự đột phá ở giai đoạn cuối năm nhờ các giải pháp chi đạo, điều hành quyết liệt.

Năm 2014, thu hồi nợ ngoại bảng ghi vào thu nhập là 1.776,5 tỷ đồng, bằng 147% so với kế hoạch năm 2014; trong đó thu nợ đã XLRR đạt 1.420 tỷ đồng, thu nợ đã bán cho VAMC đạt 356,5 tỷ đồng.

### Các hoạt động dịch vụ tăng trưởng tốt và hầu hết đạt kế hoạch

Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt 48,14 tỷ USD, tăng 15,79% so với năm 2013. Thị phần thanh toán xuất nhập khẩu đạt 16,32%, tăng 0,7% so với năm 2013.

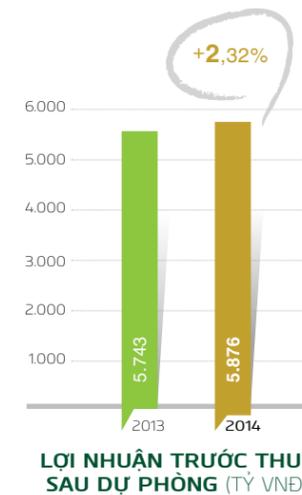
Doanh số mua bán ngoại tệ với khách hàng (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 28,9 tỷ USD, tăng 9,8% so với năm 2013, đóng góp đáng kể vào thu nhập của Ngân hàng;

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối năm 2014 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2013; Các hoạt động thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ của Vietcombank đều tăng trưởng tốt so với năm 2013. Nhiều chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2014; Các dịch vụ SMS Banking, Mobile Banking và Internet Banking tăng trưởng mạnh so với năm 2013 (tương ứng 31%, 70% và 24%), vượt mức kế hoạch năm 2014 (tương ứng 123%, 116% và 113%).

Hoạt động vốn tín dụng quốc tế tiếp tục được chú trọng phát triển, công tác marketing được tăng cường, tạo tiền đề đẩy mạnh quy mô, doanh số và nâng cao hiệu quả hoạt động, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Vietcombank. Trong năm 2014, tổng giá trị các dự án vốn tín dụng quốc tế mà Vietcombank được giao làm ngân hàng phục vụ đạt 1,55 tỷ USD.

Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng tăng trưởng mạnh so với năm trước, vượt kế hoạch đề ra; trích lập DPRR tăng 29% so với năm trước

Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng năm 2014 của Vietcombank đạt 10.442 tỷ đồng, tăng 12,73% so với năm 2013. Vietcombank đã trích DPRR ở mức 4.566 tỷ đồng, tăng 29,7% so với năm 2013.



Lợi nhuận trước thuế sau dự phòng năm 2014 đạt 5.876 tỷ đồng, tăng 2,32% so với năm 2013. Thu nhập thuần từ lãi tăng 9,20%, thu nhập ròng về dịch vụ tăng 9,32%.

Đời sống người lao động được đảm bảo với đơn giá lương được duyệt ở mức 350 đồng/1.000 đồng chênh lệch thu chi (so với mức 330 đồng/1.000 đồng của năm 2013).

### Các tỷ suất sinh lời có sự cải thiện

Hiệu suất sinh lời của tổng tài sản bình quân (ROAA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt tương ứng là 0,88% và 10,76%.

NIM duy trì ở mức 2,35% trong năm 2014, giảm nhẹ so với năm 2013.



# KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2014



**Nghiêm túc bám sát và thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Chính phủ, của NHNN; đảm nhiệm và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.**



Trong năm 2014, Vietcombank luôn chủ động, tiên phong hạ và duy trì lãi suất huy động thấp nhất thị trường, tạo tiền đề hạ lãi suất cho vay; góp phần hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh; Tập trung triển khai các gói cho vay ưu đãi lãi suất đối với 5 lĩnh vực ưu tiên, cho vay nhà ở xã hội theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Tổng dư nợ cho vay các lĩnh vực ưu tiên chiếm trên 40% tổng dư nợ.



**Tích cực triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy và phát triển kinh tế**

Tích cực đẩy mạnh giải ngân các chương trình tín dụng lớn theo định hướng phát triển của Chính phủ và NHNN; mở rộng quy mô một số chương trình cho vay ưu đãi lãi suất nhằm hỗ trợ tối đa cho khách hàng; tích cực tham gia Chương trình kết nối doanh nghiệp – ngân hàng do NHNN khởi động để hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn; Chủ động nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, xem xét thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khách hàng có điều kiện khôi phục sản xuất kinh doanh, được cơ cấu theo Quyết định 780/QĐ-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN.



**Nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng, Chính Phủ về việc tái cơ cấu, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp**

Đã hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Vietcombank đến năm 2015 và đã được NHNN phê duyệt theo Quyết định số 39/QĐ-NHNN; Trên cơ sở đó, Vietcombank đã ban hành kế hoạch triển khai các giải pháp tái cơ cấu Vietcombank và tích cực thực hiện; Chủ động rà soát, cơ cấu để nâng cao hiệu quả hoạt động đối với một số Chi nhánh. Trong năm 2014, 10/13 chi nhánh thuộc diện tái cơ cấu đã giảm được nợ xấu về cả giá trị lẫn tỷ lệ; trong 11 chi nhánh thuộc diện cần phát triển, có 8/11 chi nhánh tăng được thị phần trên địa bàn.

**Tiếp tục đổi mới công tác lập, giao kế hoạch, điều hành kinh doanh bám sát kế hoạch; đánh giá kế hoạch sát sao, thường xuyên; kịp thời ghi nhận và xử lý các vướng mắc phát sinh của các chi nhánh**

Trong năm 2014, Ban Lãnh đạo thường xuyên tổ chức các đoàn công tác tại 7 vùng kinh tế trọng điểm để rà soát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các chi nhánh; Bước đầu xây dựng quy trình lập, giao và đánh giá kế hoạch cho các Chi nhánh, các Trung tâm/Phòng/Ban tại Hội sở chính.

**Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng và tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, đồng thời tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Vietcombank**

Ký kết thỏa thuận hợp tác với các TCT và Tập đoàn lớn nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu cũng như góp phần phát triển hoạt động kinh doanh; Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành địa phương trong việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, chương trình của ngành đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ của các Bộ, ngành địa phương đối với hoạt động của Vietcombank.

**Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng**

Thường xuyên theo sát, đánh giá các khách hàng lớn, đặc biệt là các khách hàng có dư nợ ngắn hạn lớn, các khách hàng giảm dư nợ trong năm để kịp thời có các giải pháp nhằm đạt kế hoạch tăng trưởng tín dụng đề ra; Tăng cường rà soát các chi nhánh tại các Khu vực để đánh giá rủi ro của khách hàng, ngành hàng và có định hướng phát triển tín dụng của khu vực; Thực hiện các báo cáo quản lý rủi ro theo khách hàng, ngành hàng, trong đó xác định rõ những ngành trụ cột phải giữ và gia tăng thị phần.

**Kết nối chặt chẽ giữa các bộ phận có liên quan trong công tác xử lý thu hồi nợ có vấn đề, tạo ra chuyển biến quan trọng trong công tác thu hồi nợ**

Thường xuyên rà soát, đánh giá toàn diện danh mục nợ có vấn đề để xác định số tiền dự kiến thu hồi, biện pháp, tiến độ thu hồi và trách nhiệm thu hồi; đôn đốc chi nhánh tập trung mọi nguồn lực quyết liệt trong công tác xử lý và thu hồi nợ có vấn đề; tích cực phối hợp, hỗ trợ Chi nhánh xử lý các trường hợp khó khăn.

**Tích cực tăng cường quan hệ khách hàng với KBNN, BHHX**

Trong năm 2014, Vietcombank đã mở thêm các tài khoản

ủy nhiệm thu, tài khoản tiền gửi thanh toán của KBNN và BHHX tại các chi nhánh. Theo đó, Vietcombank đã mở được 20 tài khoản cho hệ thống KBNN (17 tài khoản đã hoạt động, 3 tài khoản đang triển khai) và 52 tài khoản thanh toán Ủy nhiệm thu của BHHX.

**Công tác kiểm tra, kiểm soát đã bao quát các lĩnh vực hoạt động và được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; chất lượng các khuyến nghị, ghi nhận được nâng cao**

Thực hiện kiểm toán đối với các đơn vị tại HSC và các chi nhánh theo kế hoạch đã được phê duyệt; tiến hành một số cuộc kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu, qua đó đã kịp thời ghi nhận các tồn tại, có các kiến nghị đề xuất góp phần đảm bảo an toàn hoạt động của Vietcombank.

**Công tác cán bộ có sự chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng các khóa đào tạo được nâng cao**

Đã tổ chức 104 khóa đào tạo (tăng 92,5% so với cùng kỳ) với 5.104 lượt cán bộ được đào tạo (tăng 30,07% so với cùng kỳ) nhằm nâng cao chất lượng nhân sự cho hệ thống Vietcombank theo khung đào tạo; Công tác luân chuyển cán bộ đã được thực hiện thường xuyên hơn tại Hội sở chính và Chi nhánh, qua đó tạo động lực phát triển cho cán bộ, góp phần nâng cao hiệu quả công việc; Năm 2014, chủ trương triển khai dự án xây dựng cơ sở đào tạo mới cho Trung tâm đào tạo cũng đã được phê duyệt, thể hiện rõ sự quan tâm của Ban Lãnh đạo dành cho hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Vietcombank.





## KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2014 (tiếp theo)

**Tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản và các công tác khác**

Công tác tìm kiếm địa điểm, đầu tư mua trụ sở cho các Chi nhánh, PGD trong năm 2014 đã có những chuyển biến rõ nét. Trong năm 2014, đã có 13 dự án xây dựng trụ sở cho các chi nhánh/phòng giao dịch mới hoàn thành bàn giao, 14 dự án cải tạo sửa chữa hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tiến hành thuê và sửa chữa cải tạo trụ sở cho 8 chi nhánh đi vào hoạt động; Triển khai ứng dụng hệ thống Video Conferencing và tận dụng tối đa hệ thống này trong công tác chỉ đạo/điều hành kinh doanh của Ban Lãnh đạo/Phòng HSC xuống các Chi nhánh; Tổ chức thành công Đại hội cổ đông và Đại hội cổ đông bất thường năm 2014.

**Tiếp tục từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức, phát triển mạng lưới và tăng cường công tác nhân sự**

Bổ sung một số nhân sự cấp cao để tăng cường năng lực quản trị - điều hành cho bộ máy quản lý của ngân hàng; Hoàn thiện mô hình tổ chức tại Hội sở chính; Đưa vào hoạt động thêm 10 chi nhánh mới tại Hà Nội, Lạng Sơn, Lào Cai, Bình Dương và Đồng Nai, nâng tổng số chi nhánh đến thời điểm hiện tại trên phạm vi toàn quốc là 90 chi nhánh; Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ: bố trí sử dụng hợp lý lao động hiện có, hạn chế tăng lao động; tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng cán bộ...

**Đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị**

Tích cực triển khai dự án Basel II nhằm chuyển hướng mô thức quản trị theo thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu của Đề án tái cơ cấu Vietcombank đã được NHNN phê chuẩn; Triển khai Dự án MIS với những kết quả bước đầu được áp dụng trong quản trị, điều hành Khối Bán lẻ, qua đó làm cơ sở để triển khai trên toàn hàng; Triển khai có kết quả dự án KPIs để xây dựng hệ thống đo lường đánh giá hiệu quả công việc cho từng đơn vị và cá nhân, làm cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách đãi ngộ, tạo động lực cho cán bộ công nhân viên.

Hàng loạt các công việc đã và đang được thực hiện như xây dựng quy chế lương mới, triển khai KPIs cho cá nhân tại HSC và lên kế hoạch triển khai KPIs cho chi nhánh. Dựa trên kết quả xây dựng KPIs cho các

phòng ban tại HSC để tiến hành xây dựng bộ chỉ tiêu kế hoạch cho các phòng ban trong năm 2015.

Dự án chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn được tập trung nguồn lực và đang trong quá trình đấu thầu thuê tư vấn để triển khai; Chuẩn bị các bước cần thiết để triển khai Dự án ALM-FTP-MPA với mục tiêu nâng tầm quản lý hoạt động quản lý kinh doanh vốn của Vietcombank; Tiên phong đăng ký thực hiện tuân thủ đạo luật FATCA và bước đầu triển khai thực hiện tại Vietcombank.

**Tăng cường xúc tiến các hoạt động hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật với Mizuho**

Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Mizuho được duy trì với các phiên làm việc định kỳ và theo yêu cầu. Các hoạt động nổi bật như: Tổ chức khảo sát và trao đổi kinh nghiệm về hoạt động Phòng chống rửa tiền, hoạt động Đào tạo & Quản lý nhân sự, quản lý khách hàng FI, phân tích tín dụng doanh nghiệp...; Hỗ trợ trên cơ sở thường xuyên trao đổi/giải đáp về mô hình PD/LGD, VaR...; Tích cực hợp tác với Mizuho trong phát triển khách hàng FDI; tăng cường giao dịch, mở rộng dịch vụ bán lẻ với khách hàng FDI Nhật Bản.

**Tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội khẳng định trách nhiệm với cộng đồng; uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao**

Tham gia các chương trình an sinh xã hội trong năm 2014 với tổng giá trị đã giải ngân là 148 tỷ đồng. Cụ thể: ủng hộ quỹ "Ngày vì người nghèo"; chương trình "Nối vòng tay lớn"; giúp đỡ các huyện nghèo; hỗ trợ Quỹ phòng tránh thiên tai miền Trung; tặng loa tuyên truyền bảo vệ chủ quyền cho Cảnh sát biển Việt Nam; chương trình "Nghĩa tình Trường Sơn"; tài trợ cho khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra Đảo Cô Tô; tài trợ cho Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng; tài trợ Trung tâm giáo dục trẻ mồ côi và người già neo đơn tại An Giang; tài trợ xây dựng trường học và trạm y tế tại Ninh Bình và 06 trường học tại Huế; trao 1.000 suất học bổng trong chương trình "Chắp cánh ước mơ, cùng em đến trường năm học 2013 - 2014" v.v.

# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Phương châm của năm 2015 là **TĂNG TỐC - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG**, quan điểm chỉ đạo điều hành là **QUYẾT LIỆT - KẾT NỐI - TRÁCH NHIỆM**. Theo đó, định hướng chủ đạo của Vietcombank năm 2015 là tiếp tục bám sát Chiến lược 2011 - 2020 và Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 - 2015 nhằm đưa Vietcombank phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm, triển khai áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị.

Mục tiêu của năm 2015 được xác định là: (i) Tiếp tục củng cố và phát triển mạnh mẽ cơ sở khách hàng, gia tăng thị phần; (ii) Kiểm soát tốt chất lượng tài sản; (iii) Đảm bảo an toàn hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng các mặt hoạt động cao hơn 2014; (iv) Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới.

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính:

**+11,5%**  
TỔNG  
TÀI SẢN

**+13,0%**  
TÍN  
DỤNG

**+12,0%**  
VỐN  
HUY ĐỘNG  
TỪ NỀN KINH TẾ

**<2,5%**  
TỶ LỆ  
NỢ XẤU

**5.900**  
(TỶ ĐỒNG)  
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



**Xác định công tác khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm; đẩy mạnh công tác khách hàng làm nền tảng thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh năm 2015 và những năm tiếp theo.**

Công tác khách hàng tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong năm 2015. Giữ ổn định và từng bước gia tăng thị phần của khách hàng truyền thống; chú trọng phát triển khách hàng mới là các

**TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG  
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG BÁN LẺ**

**>30%**

**ĐẢM BẢO KIỂM SOÁT TỶ LỆ  
NỢ XẤU DƯỚI**

**<2,5%**

doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, có khả năng chịu rủi ro thông qua các chương trình/sản phẩm phù hợp; đặc biệt đẩy mạnh việc tiếp cận với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả đang được niềm yết trên thị trường chứng khoán; chú trọng tăng cường thiết lập quan hệ với các doanh nghiệp FDI.

**Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng trên nguyên tắc không hạ chuẩn cho vay**

Phấn đấu tăng trưởng tín dụng cao hơn mức bình quân toàn ngành. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bằng dịch vụ khách hàng, bằng sản phẩm; kiên quyết không hạ chuẩn cho vay; chú ý để tăng trưởng đều trong kỳ thay vì tăng tập trung vào cuối kỳ; Giữ vững định hướng tăng trưởng tín dụng đối với cả khách hàng bán buôn và mức tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng bán lẻ tối thiểu >30% để thực hiện định hướng trở thành Ngân hàng bán lẻ số 1 tại Việt Nam.

**Tích cực, tập trung mọi biện pháp thu hồi nợ xấu nợ đã xử lý rủi ro và nợ đã bán cho VAMC**

Tiếp tục tăng cường rà soát, đánh giá chất lượng tín dụng tại từng Chi nhánh và toàn hệ thống, chỉ đạo sát sao các Chi nhánh có chất lượng tín dụng thấp tập trung xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã XLRR và nợ đã bán cho VAMC.

Thường xuyên phân tích kết quả phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR theo quy định; trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp chỉ đạo kiểm soát chất lượng tín dụng, đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%.

**Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp huy động vốn, chủ động cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn trên nguyên tắc đảm bảo thanh khoản và đạt hiệu quả tối đa trong kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn giá thấp**

Đảm bảo tỷ lệ huy động – sử dụng vốn hợp lý, tuân thủ tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật và NHNN; Điều chỉnh linh hoạt lãi suất mua vốn đối với những nguồn tiền gửi không kỳ hạn ổn định, khuyến khích

tạo động lực để các chi nhánh chuyển dịch cơ cấu huy động vốn ổn định, vốn giá rẻ; Tiếp tục đẩy mạnh công tác marketing, tiếp cận các nhà tài trợ, các Ban quản lý dự án cũng như các cơ quan quản lý để Vietcombank được giao làm ngân hàng phục vụ cho các dự án vốn tín dụng quốc tế triển khai mới trong năm 2015.

**Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ và thẻ, thực hiện mục tiêu chiến lược đến 2018 dẫn đầu thị trường về bán lẻ**

Tăng trưởng nhanh doanh số sản phẩm chủ chốt trong năm 2015, bao gồm tín dụng thẻ nhân, ngân hàng điện tử và thẻ nội địa; thúc đẩy công tác bán hàng thông qua ban phát triển kinh doanh, thi đua bán hàng và tiếp tục thí điểm bán Telesales qua VCC; Nâng cao năng lực quản trị hoạt động bán lẻ: đổi mới cấu trúc bán theo hướng tăng cán bộ bán hàng, giảm tác nghiệp, đổi mới mô thức giao dịch và không gian giao dịch (branch concept), giảm thiểu thời gian phê duyệt tín dụng.

**Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn, kinh doanh ngoại tệ; Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, cải thiện thị phần thanh toán xuất nhập khẩu**

Các phòng liên quan tại HSC và Chi nhánh bám sát chỉ tiêu được giao, đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu về kinh doanh ngoại tệ; tăng cường hoạt động kinh doanh vốn, duy trì vị thế ngân hàng đứng đầu trong lĩnh vực kinh doanh vốn trên thị trường; Tích cực triển khai các biện pháp củng cố, giữ ổn định và tăng trở lại thị phần hoạt động tài trợ thương mại, hoạt động thanh toán, chuyển tiền kiều hối; Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ và thẻ, chú trọng phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, phấn đấu nâng dần tỷ lệ thu nhập ngoài lãi và thu nhập từ bán lẻ trong tổng thu nhập của Vietcombank một cách bền vững.

**Rà soát, củng cố hoạt động của các công ty con, nâng cao hiệu quả đầu tư**

Chủ động quản lý hiệu quả danh mục đầu tư; chú trọng đầu tư vào các ngành phát triển nhanh, ổn định. Phối hợp tốt hoạt động đầu tư và hoạt động tín dụng bán buôn; Triển khai tái cơ cấu Công ty Cho thuê Tài chính

– VCBL theo hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động; Xúc tiến chuẩn bị các điều kiện để thay đổi cơ cấu sở hữu đối với một số công ty con, bao gồm cả việc mời gọi đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn vào công ty con.

Xây dựng phương án M&A theo chủ trương đã được ĐHQĐ phê duyệt, tham gia quá trình tái cơ cấu hệ thống TCTD nhằm tăng quy mô và hiệu quả hoạt động của Vietcombank để thực hiện định hướng đưa Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam.

**Tập trung nguồn lực để triển khai thành công các dự án nâng cao năng lực quản trị của ngân hàng đảm bảo tiến độ và chất lượng**

Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu Vietcombank theo phê chuẩn của NHNN tại Quyết định số 39/QĐ-NHNN; trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực quản trị, điều hành đạt chuẩn mực quốc tế thông qua việc: (i) tiếp tục triển khai Dự án MIS cho toàn hàng, (ii) triển khai áp dụng các kết quả của Dự án Basel II; (iii) triển khai mở rộng dự án xây dựng chính sách đãi ngộ người lao động và hệ thống đo lường, đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) với cấu phần hoàn thiện KPI cá nhân, triển khai xây dựng KPI cấp phòng và cá nhân tại chi nhánh, đồng thời hoàn thiện quy chế lương thưởng và các chính sách đãi ngộ khác; tiến tới triển khai thực hiện giao kế hoạch cho các Chi nhánh, phòng/ban tại HSC gắn với bộ KPI.

Từng bước chuẩn hóa công tác quản trị nguồn vốn nội bộ, công tác kinh doanh vốn, công tác phân bổ chi phí – doanh thu theo sản phẩm và khách hàng cũng như công tác lập kế hoạch theo thông lệ quốc tế thông qua việc chỉ đạo tổ chức triển khai quyết liệt dự án ALM – FTP – MPA trong năm 2015.

Rà soát dự án Core Banking và đưa vào ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, hệ thống quản trị rủi ro cho các sản phẩm dịch vụ thẻ; thay thế Hệ thống V-treasury; triển khai việc hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống tài trợ thương mại mới trong khuôn khổ Dự án Trung tâm Tài trợ thương mại tập trung.



**Tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động, kiện toàn tổ chức và phát triển mạng lưới**

Chuẩn hóa mô hình tổ chức từ HSC đến chi nhánh đi đôi với hoàn thiện về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; Triển khai mô hình tập trung đối với hoạt động quản lý tín dụng, tài trợ thương mại và kiểm tra giám sát tuân thủ; Xây dựng lộ trình và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xúc tiến việc mở các Chi nhánh tại một số địa phương; Triển khai thành lập các Phòng/Tổ khách hàng FDI tại Chi nhánh trên các địa bàn có số lượng doanh nghiệp FDI lớn như TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương...

Đẩy mạnh sắp xếp lại nhân sự theo hướng tăng tỷ trọng nhân sự bán hàng. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn và nâng cấp công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ trong hệ thống nhằm đảm bảo nguồn cán bộ có chất lượng phục vụ cho yêu cầu phát triển.

**Hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ theo hướng tạo cơ sở pháp lý và tăng cường hỗ trợ hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh**

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, quy định, quy trình tín dụng. Tiếp tục hoàn thiện và sớm ban hành các Quy chế liên quan đến quản lý cán bộ, các cơ chế động lực.

Vấn bản hóa các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác lập, giao, triển khai và đánh giá kế hoạch kinh doanh hàng năm.

**Một số công tác khác**

Bám sát sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy Khối, NHNN về công tác tổ chức Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2020. Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ NHNT tổ chức tốt Đại hội các cấp Chi bộ/Đảng bộ cơ sở.



**Quyết liệt trong việc đôn đốc triển khai các dự án về xây dựng cơ bản, đầu tư CNTT và mua sắm tài sản cố định, đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh; Tăng cường công tác truyền thông theo hướng đổi mới về hình thức và nâng cao về hiệu quả, chú trọng truyền thông nội bộ; Nâng cao hơn nữa văn hóa hợp tác, tinh thần kết nối, chia sẻ và trách nhiệm giữa các đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống, tạo nên khối thống nhất nội bộ, gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG



Năm 2014 đi qua với nhiều biến động về kinh tế, chính trị trong khu vực và trên toàn thế giới, đem đến không ít thách thức cho kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động của ngành ngân hàng nói riêng. Trong bối cảnh chung đó, Vietcombank đã tiếp tục Nhảy bèn nắm bắt cơ hội, Quyết liệt đẩy mạnh mọi mặt hoạt động và Kết nối chặt chẽ trong công tác quản trị, điều hành theo đúng quan điểm chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bên cạnh việc hoàn thành tốt phương châm hành động đặt ra cho năm 2014 (**Đổi mới – Tăng trưởng – Chất lượng**), Vietcombank đã thực hiện tốt vai trò của một trong những ngân hàng nòng cốt trong toàn hệ thống, góp phần thực hiện nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô cũng như các nhiệm vụ trọng tâm của ngành.

Năm 2014, Vietcombank đã có nhiều đổi mới trong hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, đặc biệt là trong công tác khách hàng, công tác lập, giao và thực hiện kế hoạch trên cơ sở các bộ chỉ tiêu đo lường hiệu quả cụ thể,... Huy động vốn, Tín dụng, các hoạt động kinh doanh dịch vụ đều tăng trưởng tốt; công tác thu hồi nợ xấu được đặc biệt chú trọng và đã thu được những kết quả vượt bậc; mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch được mở rộng. Đến cuối năm 2014, Vietcombank đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trọng yếu được Đại hội đồng cổ đông giao.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đề ra như sau:

### HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2014 đạt trên 576,9 nghìn tỷ đồng, tăng ~23,0% so với 31/12/2013, vượt mức tăng trưởng kế hoạch (11%).

Dư nợ cho vay khách hàng đạt 323,3 nghìn tỷ đồng, tăng ~17,9% so với 31/12/2013, vượt mức tăng trưởng kế hoạch (13%). Cơ cấu cho vay chuyển dịch theo đúng định hướng của Vietcombank, tỷ trọng cho vay khách hàng SME và thẻ nhân tăng mạnh so với năm 2013.

Tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá tại ngày 31/12/2014 đạt 424,4 nghìn tỷ đồng, tăng ~27,0% so

với 31/12/2013 và vượt chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch (13%). Vietcombank đã tích cực chuyển dịch cơ cấu vốn huy động theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn chi phí thấp, tiên phong trong việc hạ lãi suất huy động tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay.

Công tác kiểm soát chất lượng tín dụng thường xuyên được chú trọng. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2014 được khống chế ở mức 2,31%, đáp ứng chỉ tiêu ĐHCĐ giao (dưới 3%) và thấp hơn so với tỷ lệ nợ xấu của toàn ngành.

Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu cả năm 2014 đạt 48,14 tỷ USD, tăng ~15,79% so với năm trước. Sau nhiều năm sụt giảm, thị phần thanh toán xuất nhập khẩu của Vietcombank đã phục hồi trở lại, đạt 16,32% trong năm 2014, tăng 0,7% so với thị phần năm 2013.

Doanh số mua bán ngoại tệ đạt gần 29 tỷ USD, tăng 9,8% so với năm 2013.

Các mảng hoạt động thanh toán, dịch vụ thẻ đạt mức tăng trưởng tốt so với năm 2013, trong đó một số chỉ tiêu như số lượng phát hành thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, doanh số thanh toán thẻ đều tăng trưởng rất mạnh.

Công tác thu hồi nợ đã xử lý DPRR, nợ bán VAMC được đặc biệt chú trọng với những giải pháp mới và quyết liệt, do đó đã mang lại kết quả đột phá. Thu nhập từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro đạt ~1.420 tỷ đồng, tăng 64,6% so với năm 2013. Thu nhập từ bán nợ cho VAMC đạt 356,5 tỷ đồng.

Chênh lệch thu chi trước dự phòng của Vietcombank năm 2014 tăng mạnh ở mức 12,7% so với năm 2013. Vietcombank đã trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ ở mức 4.565,7 tỷ đồng, tăng 29,7% so với năm 2013, số dư quỹ DPRR ~ 94% dư nợ xấu.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 5.876 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2013, vượt 6,8% so với chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi tăng ~1,5% so với năm 2013 cho thấy cơ cấu thu nhập tiếp tục được đa dạng hóa, phù hợp với định hướng.

Các chỉ số hiệu quả như hiệu suất sinh lời của tổng tài sản bình quân (ROAA), hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) năm 2014 lần lượt đạt 0,88% và 10,76%. Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ở mức 11,61%, đáp ứng quy định của NHNN (tối thiểu 9%).

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH  
HÀNG VÀ PHÁT HÀNH  
GIẤY TỜ CÓ GIÁ



**424,4**  
NGHÌN TỶ ĐỒNG

DOANH SỐ THANH TOÁN  
XUẤT NHẬP KHẨU



**48,14**  
TỶ USD

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



**5.876**  
TỶ ĐỒNG



## CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

### CƠ CẤU TỔ CHỨC, MẠNG LƯỚI

Thực hiện chuyển giao nhân sự cấp cao theo đúng quy định sau khi Nguyên Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hòa Bình nghỉ hưu theo chế độ.

Hoàn thiện đề án tái cơ cấu Vietcombank giai đoạn 2013 - 2015 (đã được NHNN phê duyệt), ban hành kế hoạch và tích cực triển khai thực hiện.

Khai trương hoạt động 10 chi nhánh và thành lập mới 17 phòng giao dịch.

Tiếp tục rà soát tổng thể chức năng nhiệm vụ các phòng thuộc Hội sở chính và chi nhánh; sắp xếp lại, thành lập mới một số bộ phận thuộc Hội sở chính nhằm tăng tính chuyên môn hóa và mức độ quản lý tập trung: thành lập phòng ALM, sáp nhập phòng Tài trợ dự án vào phòng Khách hàng doanh nghiệp, thành lập Trung tâm Tài trợ thương mại;...

### CÔNG TÁC KHÁCH HÀNG

Mở rộng và thắt chặt quan hệ hợp tác với các Tổng công ty, tập đoàn lớn như Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than Khoáng sản, Tổng công ty Xuất nhập khẩu tổng hợp Vạn Xuân,...; ký kết thỏa thuận hợp tác với Bảo hiểm xã hội, Kho bạc Nhà nước trong việc thu bảo hiểm, thu ngân sách Nhà nước.

Đẩy mạnh việc phát triển mạng khách hàng FDI, khách hàng thể nhân.

Tổ chức thành công các Hội nghị khách hàng tại Hội sở chính và nhiều chi nhánh, qua đó tăng cường cơ hội hợp tác, kinh doanh cho Vietcombank và đồng đạo khách hàng trong và ngoài nước.

### QUẢN TRỊ RỦI RO

Tuân thủ chặt chẽ mọi quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách về quản trị rủi ro; hoàn thiện một số công cụ hỗ trợ quản trị rủi ro như mô hình xác suất vỡ nợ (PD), mô hình tổn thất khi vỡ nợ (LGD),...

Công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán được tiến hành trọng tâm, trọng điểm, một mặt phát hiện các sai sót để chấn chỉnh khắc phục, mặt khác đưa ra các cảnh báo khuyến cáo nhằm đảm bảo tính tuân thủ và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Vietcombank.

### HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, TRUYỀN THÔNG

Công tác truyền thông của Vietcombank năm qua đã có những chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và mang

lại hiệu quả tích cực. Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục có nhiều đóng góp thiết thực cho cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị thực hiện trong năm 2014 là 148 tỷ đồng, trong đó nhiều chương trình đặc biệt có ý nghĩa như: ủng hộ quỹ "Ngày vì người nghèo", hỗ trợ chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn; đóng góp cho quỹ Hỗ trợ phòng tránh thiên tai miền Trung, tặng xuống hải quân cho bộ đội Trường Sa, tặng phao cứu sinh cho quỹ Bảo trợ trẻ em của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam; tài trợ cho khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra Đảo Cô Tô; tài trợ cho Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng; tài trợ Trung tâm giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn tại An Giang; tài trợ xây dựng trường học và trạm y tế tại Ninh Bình và 06 trường học tại Huế; trao 1.000 suất học bổng trong chương trình "Chắp cánh ước mơ, cùng em đến trường năm học 2013-2014",...

Thông qua các chương trình quảng cáo và các hoạt động an sinh xã hội, hình ảnh thương hiệu của Vietcombank đã tiếp tục được quảng bá rộng rãi, uy tín của Vietcombank được nâng cao.

Tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước nhằm khẳng định vị thế của Vietcombank và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh (hội nghị WB-IMF, ADB, ABA,...).

### XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CÁC QUY CHẾ

HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận liên quan thường xuyên rà soát, kịp thời ban hành mới, sửa đổi bổ sung nhiều chính sách như: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Vietcombank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoa hồng môi giới, hoa hồng đại lý, Quy định về cấp tín dụng đối với khách hàng định chế tài chính, Quy định về quản lý sử dụng thương hiệu Vietcombank, Quy chế quản lý công ty con, Quy chế phân phối lương kinh doanh, Quy định về mua bán nợ, Quy chế bảo lãnh, Quy chế tổ chức và hoạt động trong vận hành các Dự án nâng cao năng lực hoạt động của Vietcombank.

Qua đó đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động của Vietcombank, đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả.

### CÁC DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Với định hướng trở thành một ngân hàng được quản trị theo các thông lệ tốt nhất, Vietcombank đã triển khai



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (tiếp theo)

hàng loạt các dự án nhằm nâng cao năng lực quản trị, năng lực hoạt động như: Phân tích hiện trạng và xây dựng lộ trình triển khai dự án nâng cao năng lực quản trị rủi ro ngân hàng theo yêu cầu của Hiệp ước vốn Basel II ; Hoàn thiện chính sách đãi ngộ và xây dựng hệ thống đo lường đánh giá hiệu quả hoạt động KPIs; đăng ký tuân thủ đạo luật FATCA và triển khai các công việc liên quan, tích cực chuẩn bị các bước triển khai Dự án ALM – FTP – MPA.

Nghiên cứu và bước đầu chuẩn bị cho việc triển khai Dự án chuyển đổi mô hình tín dụng khối bán buôn, chuyển đổi hoạt động kiểm tra giám sát tuân thủ của Vietcombank theo hướng tập trung.

### CÔNG TÁC CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ 7 năm 2014 vào ngày 23/04/2014 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 vào ngày 26/12/2014.

Hoàn tất công tác chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu thưởng năm 2014 cho cổ đông cùng các công việc liên quan đến việc tăng vốn điều lệ (đăng ký niêm yết và giao dịch, đăng ký thay đổi ĐKKD, sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động, sửa đổi Điều lệ...).

Hoàn thành tốt công tác công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường, đảm bảo tính kịp thời, công khai, minh bạch. Một số nội dung thông tin quan trọng đã được công bố như báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên, việc thay đổi nhân sự cấp cao, thông tin trước và sau ĐHĐCĐ thường niên.

Công tác tiếp xúc, cung cấp thông tin cho cổ đông,

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã có những định hướng nhạy bén, linh hoạt và quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, bám sát mục tiêu chiến lược trung, dài hạn cũng như các mục tiêu cụ thể cho năm 2014 do ĐHĐCĐ giao. Sự kết nối giữa Hội sở chính với các Chi nhánh, giữa các đơn vị của Vietcombank và giữa Vietcombank với khách hàng, đối tác đã thực sự được tăng cường, tạo ra những hiệu ứng tích cực cho hoạt động của Vietcombank.

nhà đầu tư trong và ngoài nước được thực hiện với chất lượng cao và mức độ thường xuyên ngày càng tăng. Trong năm 2014, Vietcombank đã tổ chức gần 50 buổi làm việc với cổ đông, nhà đầu tư tổ chức, đón tiếp hơn 100 lượt nhà đầu tư. Phản hồi tích cực



của các nhà đầu tư về chất lượng và sự minh bạch thông tin của Vietcombank đã góp phần làm giá cổ phiếu VCB tăng ~ 37% trong năm 2014, khối lượng mua ròng của các Nhà đầu tư nước ngoài trong năm đạt 27,3 triệu cổ phần, tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài (ngoài Mizuho) đã tăng từ 4,7% lên 5,9%.

### HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

Tích cực đẩy mạnh hợp tác với Mizuho trong việc thiết lập và mở rộng quan hệ với khối khách hàng FDI và các khách hàng tổ chức khác cũng như khách hàng cá nhân tại các doanh nghiệp FDI.

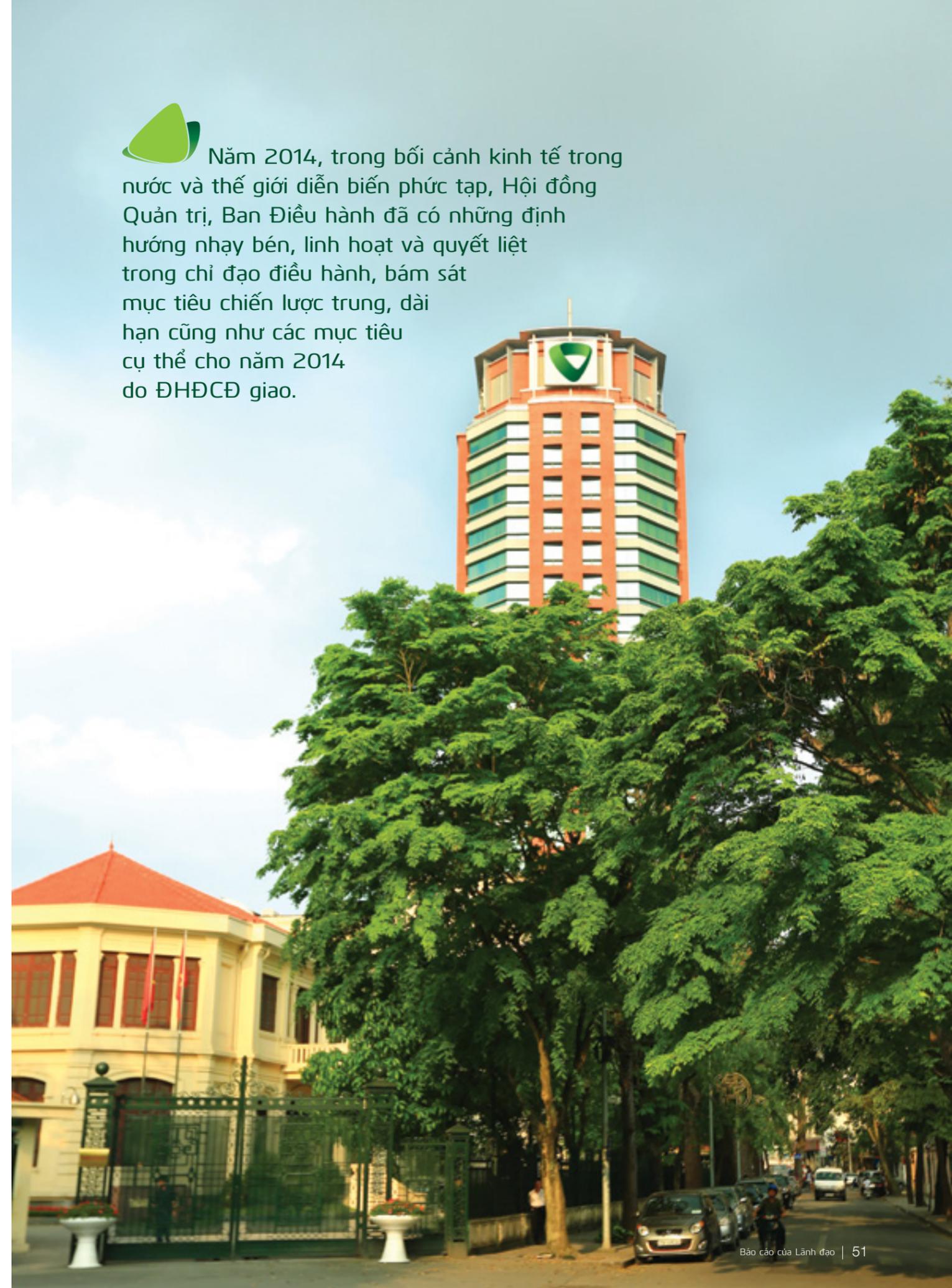
Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật với sự tham gia của các chuyên gia đến từ Mizuho trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý nhân sự, phòng chống rửa tiền,...

Với sự chỉ đạo sát sao và sự phối hợp thường xuyên giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, Vietcombank đã đạt được những kết quả nổi bật trong hoạt động kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế của một ngân hàng thương mại chủ lực của nền kinh tế.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, luôn đặt lợi ích của cổ đông, lợi ích của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động của mình.



Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã có những định hướng nhạy bén, linh hoạt và quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, bám sát mục tiêu chiến lược trung, dài hạn cũng như các mục tiêu cụ thể cho năm 2014 do ĐHĐCĐ giao.





# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

## Dự báo tình hình vĩ mô và môi trường hoạt động

- » Kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi chậm và diễn biến phức tạp. Kinh tế trong nước diễn biến khả quan: tăng trưởng GDP cao hơn 2014 (kế hoạch ~6,2%), lạm phát tiếp tục được kiểm soát (dưới 5%); hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công tiếp tục được nâng cao.
- » Ngành ngân hàng tiếp tục thực hiện đồng thời vai trò kinh doanh thương mại và ổn định kinh tế vĩ mô với các nhiệm vụ: đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu và tăng cường công tác kiểm soát nợ xấu, tăng trưởng tín dụng phù hợp tạo động lực cho các thành phần kinh tế, tiếp tục triển khai tái cơ cấu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

## PHƯƠNG CHÂM, QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO

Hướng đến hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược 2020, trên cơ sở các kết quả kinh doanh đã đạt được năm 2014, Vietcombank quyết tâm tập trung mọi nguồn lực, phát huy lợi thế để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra cho năm 2015. Phương châm của năm 2015 là **Tăng tốc – Hiệu quả – Bền vững**, quan điểm chỉ đạo điều hành là **Quyết liệt – Kết nối – Trách nhiệm**. Theo đó, định hướng chủ đạo của Vietcombank năm 2015 là tiếp tục bám sát Chiến lược 2011 – 2020 và Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 – 2015. Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2015 xác định là: (i) Tiếp tục củng cố và phát triển mạnh mẽ khách hàng, gia tăng thị phần; (ii) Kiểm soát tốt chất lượng tài sản; (iii) Đảm bảo an toàn hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng các mặt hoạt động cao hơn 2014; (iv) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới.

Định hướng chính trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Tiếp tục chú trọng công tác khách hàng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm – then chốt trong năm 2015 và những năm tới

- » Giữ ổn định và từng bước gia tăng thị phần của khách hàng truyền thống; chú trọng phát triển khách hàng mới. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng để tăng cường khả năng cạnh tranh thu hút khách hàng.

- » Quan tâm chú trọng phát triển quan hệ hợp tác với khách hàng FDI, nhóm khách hàng là các công ty niêm yết, khách hàng SMEs và thể nhân.

### Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng

- » Xây dựng và triển khai kế hoạch thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cụ thể cho từng đối tượng khách hàng, phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn bình quân chung toàn ngành. Tăng trưởng bằng sản phẩm, chính sách khách hàng,... kiên quyết không hạ chuẩn cho vay.

- » Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, khống chế tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%.

- » Tiếp tục đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ trong toàn hệ thống bằng các biện pháp cụ thể, hiệu quả. Phấn đấu đạt kết quả thu hồi nợ ngoại bảng cao hơn 2014.

### Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu huy động vốn

- » Điều hành công tác huy động vốn một cách linh hoạt, đồng bộ theo diễn biến thị trường và nhu cầu vốn của Vietcombank, đảm bảo ổn định thanh khoản và tối đa hóa hiệu quả sử dụng.

- » Chú trọng thu hút nguồn vốn giá rẻ bằng chính sách giá và các hoạt động marketing phù hợp.

### Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn và đầu tư góp vốn

- » Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua hoạt động đầu tư trái phiếu, kinh doanh liên ngân hàng; tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với dự báo thị trường.

- » Xúc tiến việc tái cơ cấu công ty con; thường xuyên đánh giá danh mục đầu tư dài hạn nhằm điều chỉnh cơ cấu đầu tư phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn.

- » Triển khai tìm kiếm, đàm phán với ngân hàng đối tác để thực hiện sáp nhập theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

### Đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu dịch vụ

- » Tập trung nguồn lực cho công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm dịch vụ, công tác truyền thông quảng cáo, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tỷ trọng thu từ dịch vụ trong cơ cấu thu nhập.

- » Củng cố và từng bước giành lại thị phần trên các mảng dịch vụ thẻ, hoạt động thanh toán, kinh doanh ngoại tệ.

- » Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, đổi mới cấu trúc bán, chú trọng phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, hướng tới thực hiện mục tiêu chiến lược đến 2018 dẫn đầu thị trường bán lẻ.

### Kết quả tài chính

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
ĐẠT KHOẢNG

**5.900**  
TỶ ĐỒNG

NĂM 2015, TRÍCH QUỸ  
DỰ PHÒNG ĐẠT

**~5.500**  
TỶ ĐỒNG

- » Phấn đấu đạt mức lợi nhuận trước thuế khoảng 5.900 tỷ đồng trên cơ sở đảm bảo trích lập Dự phòng RRTD ở mức ~ 5.500 tỷ đồng.

- » Kiểm soát và quản trị tốt các chỉ tiêu hiệu quả, đặc biệt chú trọng đến hệ số NIM và hệ số sử dụng vốn (LDR) nhằm đảm bảo ổn định thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.

## CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

### Tổ chức mạng lưới

- » Bám sát đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 – 2015, thực hiện tốt các mục tiêu và giải pháp phát triển mạng lưới và kiện toàn cơ cấu tổ chức đã đề ra.

- » Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ các phòng/trung tâm tại Hội sở chính, chuẩn hóa mô hình tổ chức các phòng/ban thuộc Chi nhánh theo hướng tập trung hóa.

- » Chuẩn bị cho việc thành lập các chi nhánh và phòng giao dịch đã được NHNN chấp thuận chủ trương.

### Công tác cán bộ

- » Hoàn thiện và đưa vào áp dụng các kết quả của dự án xây dựng hệ thống đo lường, đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đi đôi với hoàn thiện và đưa vào áp dụng cơ chế lương mới nhằm tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao hiệu suất công việc.

- » Tăng cường công tác luân chuyển, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo cán bộ; chuẩn hóa quy trình, nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.

### Quản trị rủi ro

- » Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các Quy chế đã ban hành, xây dựng các Quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Vietcombank.

- » Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát; kịp thời cảnh báo, phát hiện, phòng ngừa rủi ro.

### Quan hệ nhà đầu tư

- » Thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo quy định; tiếp tục đổi mới công tác tiếp xúc với cổ đông, nhà đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa mức độ tương tác và chất lượng thông tin.

- » Duy trì tốt cơ chế thông tin với các cổ đông lớn (NHNN, Mizuho và các cổ đông lớn khác).

### Các dự án chuyển đổi

- » Chú trọng triển khai các dự án đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả, đảm bảo sự tích hợp và kết nối giữa các dự án: áp dụng kết quả bước đầu của dự án phân tích hiện trạng và xây dựng lộ trình áp dụng Basel II đã triển khai năm 2014; triển khai nhân rộng dự án KPIs trên phạm vi toàn hệ thống; tiếp tục thực hiện chuyển đổi Core Banking; đầu tư xây dựng hệ thống TF tập trung; xúc tiến triển khai các dự án ALM-FTP-MPA, dự án chuyển đổi mô hình tín dụng...



# KHÁC BIỆT

TẠO BẢN SẮC



## Tổ chức và Nhân sự

- Mô hình tổ chức
- Tổ chức và Nhân sự
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban Điều hành
- Giới thiệu Ban Kiểm soát



# MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (tính đến 31/12/2014)



# NGUỒN NHÂN LỰC



Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2014 là 14.099 người. Ban Lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của Ngân hàng.

Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, cán bộ được tuyển dụng theo đúng vị trí công việc.

- » Tích cực xây dựng các chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ, nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong năm 2014, có 89 đồng chí Giám đốc/Phó Giám đốc chi nhánh trong hệ thống đã được tham gia chương trình đào tạo chức danh Giám đốc chi nhánh; 104 khóa đào tạo được tổ chức với 5.104 lượt cán bộ được đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân sự cho hệ thống Vietcombank.
- » Chế độ lương, thưởng được xây dựng gắn với kết quả công việc, không cào bằng, tạo được động lực cho người lao động giúp hiệu quả công việc mang lại cao hơn.
- » Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, xây dựng được một đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- » Vietcombank sẽ vẫn tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, quy hoạch gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc.

## THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2014, thành phần Hội đồng Quản trị có sự thay đổi như sau: giám ông Nguyễn Hòa Bình nghỉ chế độ từ ngày 01/11/2014; giám ông Nguyễn Đăng Hồng từ ngày 21/07/2014; giám bà Nguyễn Thị Kim Oanh thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị để nhận nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc; bổ sung ông Nguyễn Mạnh Hùng làm Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 26/12/2014.

Thành phần Ban Lãnh đạo có sự thay đổi như sau: giám ông Nghiêm Xuân Thành - Tổng Giám đốc để giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị; ông Phạm Quang Dũng - Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm Tổng Giám đốc; tăng bà Nguyễn Thị Kim Oanh được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 26/12/2014.

# 14.099

CÁN BỘ NHÂN VIÊN  
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG  
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2014



## MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Trong năm 2014, Vietcombank khai trương hoạt động thêm 10 chi nhánh trên địa bàn Hà Nội và 17 phòng giao dịch, nâng tổng số phòng giao dịch đến 31/12/2014 là 351 phòng.

Tính đến 31/12/2014, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

- » Hội sở chính.
- » Sở giao dịch.

- » 89 Chi nhánh
- » 351 Phòng giao dịch.
- » 3 Công ty con trực thuộc trên toàn quốc.
- » 1 Văn phòng đại diện tại Singapore và 2 Công ty con tại nước ngoài.
- » 4 công ty liên doanh, liên kết khác.



**GIỚI THIỆU  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Ông NGHIÊM XUÂN THÀNH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn**  
Thạc sỹ Kinh tế;  
Học viện Ngân hàng.



**Bà LÊ THỊ HOA**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn**  
Thạc sỹ Kinh tế (chương trình Pháp - Việt);  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

**Ông PHẠM QUANG DŨNG**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;  
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - Đại học Tổng hợp Birmingham  
(Anh Quốc).



**Bà NGUYỄN THỊ DŨNG**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Tài chính Matxcova - Liên Xô;  
Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



**Ông NGUYỄN DANH LƯƠNG**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Trường Cao cấp Ngân hàng;  
Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



**Ông YUTAKA ABE**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Hitotsubashi (Tokyo, Nhật Bản);  
Thạc sỹ Khoa học Quản lý - Đại học Stanford (California, Hoa Kỳ).

**Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;  
Thạc sỹ Kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan;  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.





Ông **PHẠM QUANG DŨNG**  
Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;  
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng  
- Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc).



Ông **NGUYỄN VĂN TUÂN**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Ngoại ngữ Hà Nội;  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Chương trình liên kết giữa  
Đại học Tự do Brussels (Bi) & Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).

Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Trường Cao cấp Ngân hàng  
Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



Ông **ĐÀO MINH TUẤN**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Bách Khoa Hà Nội;  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;  
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



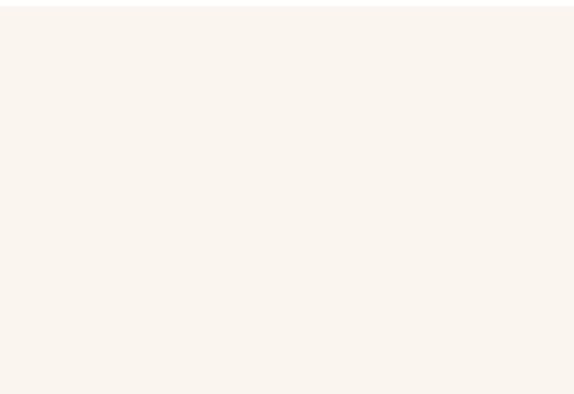
Ông **YUTAKA ABE**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Hitotsubashi (Tokyo, Nhật Bản);  
Thạc sỹ Khoa học Quản lý  
- Đại học Stanford (California, Hoa Kỳ).



Ông **ĐÀO HẢO**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế TP. HCM;  
Đại học Luật Hà Nội.



Ông **PHẠM THANH HÀ**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học George Washington (Hoa Kỳ).





**Bà TRƯƠNG THỊ THÚY NGA**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Bách khoa Đà Nẵng (ngành Kế toán);  
Đại học Luật;  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Impac University.



**Bà TRƯƠNG LỆ HIỀN**  
Trưởng Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Học viện Ngân hàng;  
Thạc sỹ Kinh tế Phát triển - Cao học Việt Nam - Hà Lan.

**Ông PHẠM MẠNH THẮNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng;  
Thạc sỹ - Học viện Ngân hàng;  
Tiến sỹ - Học viện Ngân hàng.



**Bà LA THỊ HỒNG MINH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Học viện Ngân hàng;  
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



**Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Kinh tế Quốc dân;  
Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học New South Wales.



**Bà ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Đại học Ngoại thương;  
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương.

**Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**  
Kế toán trưởng

**Trình độ chuyên môn**  
Học viện Ngân hàng;  
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng - CPA Australia.



**Bà VŨ THỊ BÍCH VÂN**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Học viện Ngân hàng;  
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.





 **KẾT NỐI**  
THÊM MỞ RỘNG

 **Quản trị  
Doanh nghiệp**

- Quản trị Công ty
- Quản trị rủi ro
- Mạng lưới hoạt động



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của VCB		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	<b>NGHIÊM XUÂN THÀNH</b>	Chủ tịch HĐQT	11.500	0,00043%	Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.  Được HĐQT Vietcombank bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014.  Thành viên không điều hành.  Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
2	<b>PHẠM QUANG DŨNG</b>	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.431	0,00009%	Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	<b>NGUYỄN DANH LƯƠNG</b>	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	16.009	0,00060%	Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
4	<b>YUTAKA ABE</b>	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
5	<b>NGUYỄN THỊ DŨNG</b>	Ủy viên HĐQT	2.300	0,00009%	Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.  Thành viên độc lập.
6	<b>LÊ THỊ HOA</b>	Ủy viên HĐQT	4.677	0,00018%	Được ĐHCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên không điều hành.  Được ĐHCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014.
7	<b>NGUYỄN MẠNH HÙNG</b>	Ủy viên HĐQT	1.682	0,00006%	Thành viên không điều hành.

**Ghi chú:** Trong năm 2014 có sự thay đổi thành viên HĐQT như sau:

- » Ông Nguyễn Đăng Hồng, nguyên Ủy viên HĐQT không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 21/07/2014 theo Quyết định số 1435/QĐ-NHNN ngày 21/07/2014 v/v thôi làm người đại diện 30% vốn nhà nước tại Vietcombank của Ngân hàng Nhà nước.
- » Ông Nguyễn Hòa Bình, nguyên Chủ tịch HĐQT nghỉ hưu kể từ ngày 1/11/2014.
- » Ông Nghiêm Xuân Thành, nguyên Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc được HĐQT Vietcombank bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014.
- » Ông Phạm Quang Dũng, nguyên Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
- » Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, nguyên Ủy viên HĐQT miễn nhiệm kể từ ngày 26/12/2014 và được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 26/12/2014.
- » Ông Nguyễn Mạnh Hùng được ĐHCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014.

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2014, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 70 phiên (15 phiên toàn thể và 55 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Vietcombank trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác. Ngoài ra, HĐQT và Thường trực HĐQT còn xử lý một số nội dung thông qua các hình thức xin ý kiến các thành viên (24 lần). Chi tiết thống kê các phiên họp của HĐQT như sau:

#### Từ ngày 01/01/2014 – ngày 31/10/2014

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự		Lý do không tham dự
			Số	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Hòa Bình	Chủ tịch HĐQT	55/55	100%	
2.	Nghiêm Xuân Thành	TV HĐQT, TGD	55/55	100%	
3.	Nguyễn Đăng Hồng	Phó Chánh thanh tra giám sát ngân hàng	3/3	100%	
4.	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT Vietcombank <sup>(1)</sup>	5/5	100%	
5.	Yutaka Abe	TV HĐQT <sup>(1)</sup> , Phó TGD	4/5	80%	Công tác khác
6.	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT <sup>(1)</sup> , Phó TGD	4/5	80%	Công tác khác
7.	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	55/55	100%	
8.	Nguyễn Thị Kim Oanh	TV HĐQT	55/55	100%	
9.	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độc lập HĐQT <sup>(2)</sup>	5/5	100%	

**Ghi chú:**

(1): Các ông Nguyễn Đăng Hồng, Nguyễn Danh Lương, Phạm Quang Dũng và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, các thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương và Phạm Quang Dũng có thể được mời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;

(2): Bà Nguyễn Thị Dũng là TV độc lập HĐQT, chỉ tham gia các phiên họp thường kỳ;



Từ ngày 01/11/2014 – ngày 31/12/2014

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do
1.	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	14/15	93%	Công tác khác
2.	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	14/15	93%	Công tác khác
3.	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT (3), Phó TGD	10/10	100%	
4.	Yutaka Abe	TV HĐQT (3), Phó TGD	07/10	70%	Công tác khác
5.	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	14/15	93%	Công tác khác
6.	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	03/03	100%	
7.	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độc lập HĐQT (4)	10/10	100%	

Ghi chú:

(3): Các ông Nguyễn Danh Lương và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương có thể được mời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;

(4): Bà Nguyễn Thị Dũng là TV độc lập HĐQT, chỉ tham gia các phiên họp toàn thể;

## CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Cơ cấu các Ủy ban

Hiện tại, Vietcombank có 3 Ủy ban thuộc HĐQT: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Chiến lược. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.

#### Ủy ban Quản lý rủi ro gồm các thành viên:

- 1 Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên HĐQT- Trưởng ban
- 2 Bà Nguyễn Thị Dũng, TV độc lập của HĐQT - Ủy viên
- 3 Ông Yutaka Abe, Ủy viên HĐQT, Phó TGD - Ủy viên
- 4 Ông Đào Hào, Phó Tổng Giám đốc - Ủy viên
- 5 Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Phó Tổng Giám đốc - Ủy viên
- 6 Bà Nguyễn Thị Lan Phương, Phó Phòng Chính sách tín dụng, Thư ký Ủy ban.

Ủy ban Nhân sự do Chủ tịch HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban, Tổng Giám đốc và một số chức danh quản lý khác là thành viên.

Ủy ban Chiến lược do Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc là Phó Chủ tịch Ủy ban và một số thành viên khác.

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc quản lý các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của Vietcombank, bao gồm nhưng không hạn chế các loại rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường. Định kỳ Ủy ban Quản lý rủi ro báo cáo HĐQT tình hình rủi ro trong các mặt hoạt động của Ngân hàng và đề xuất các biện pháp cải thiện kịp thời. Sau phiên họp thường niên của ĐHĐCĐ, Ủy ban QLRR cũng đã được kiện toàn lại. Trong năm 2014, Ủy ban Quản lý rủi ro đã phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, tham mưu cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên các mặt hoạt động. Ủy ban cũng đã đánh giá lại hiệu quả hoạt động của Ủy ban và định hướng thay đổi hoạt động của UBQLRR phù hợp với yêu cầu của Basel II và đảm bảo giúp việc hiệu quả hơn cho HĐQT về mảng QLRR của Vietcombank.

Ủy ban Nhân sự & thù lao tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến nhân sự, nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành, thông qua các quy định nội bộ của Ngân hàng trong thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác. Ủy ban Nhân sự & thù lao tham gia xây dựng,

có ý kiến tham vấn cho HĐQT về chiến lược quản trị nguồn nhân lực và các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm... của ngân hàng. Trong năm 2014, Ủy ban Nhân sự & thù lao đã tham mưu cho HĐQT các vấn đề về bổ nhiệm, quy hoạch, chính sách lương, thù lao của nhân sự cấp cao trong hệ thống, thay đổi người đại diện tham gia tại các đơn vị góp vốn.

Ủy ban Chiến lược tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng, bao gồm cả đánh giá thực trạng, mục tiêu tổng

thể, tầm nhìn dài hạn, định hướng chiến lược, các chỉ tiêu kinh doanh cho từng giai đoạn, giải pháp và lộ trình thực hiện. Trong năm 2014, Ủy ban Chiến lược đã thực hiện vai trò tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hoàn thiện và triển khai thực hiện Phương án tái cơ cấu Vietcombank đến 2015 được NHNN phê duyệt, trong việc triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động tại Vietcombank.

### CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

## BAN KIỂM SOÁT

### CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tại thời điểm 31/12/2014, Ban kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm, giảm 01 thành viên so với thời điểm 31/12/2013 do chuyển vị trí công tác khác. Dưới đây là danh sách cụ thể các thành viên Ban kiểm soát và số lượng cổ phần sở hữu Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1.	Trương Lê Hiền	Trưởng BKS	3.742	0,00014%
2.	Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	0	0,00000%
3.	La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	2.431	0,00009%
4.	Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	3.929	0,00015%



BAN KIỂM SOÁT VIETCOMBANK (Từ trái qua phải)

Vũ Thị Bích Vân  
Thành viên

La Thị Hồng Minh  
Thành viên

Trương Lê Hiền  
Trưởng ban

Đỗ Thị Mai Hương  
Thành viên



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát chỉ đạo hai bộ phận trực thuộc là Giám sát hoạt động và Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Vietcombank trong quản trị và điều hành, thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, kiểm toán nội bộ và các nhiệm vụ khác nhằm đảm bảo cho Ngân hàng phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả.

Ban kiểm soát chủ yếu là các thành viên chuyên trách nên việc triển khai nhiệm vụ giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục trong cả năm. Trên cơ sở phương hướng hoạt động năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, định kỳ Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động và xác định kế hoạch công việc trong kỳ tiếp theo. Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã họp 04 phiên, tham dự tất cả các phiên họp Hội đồng quản trị và thường trực Hội đồng quản trị; tổ chức các cuộc họp thường xuyên với bộ phận Giám sát hoạt động và Kiểm toán nội bộ.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm; giám sát thường xuyên việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; giám sát việc thực hiện khuyến nghị của Ban kiểm soát; lập báo cáo tình hình cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan, cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietcombank.

Hoạt động giám sát đã được tiến hành thường xuyên có tính hệ thống từ Hội sở chính đến các Chi nhánh và Công ty trực thuộc, trong đó tập trung giám sát toàn diện công tác quản trị, điều hành của ngân hàng, công tác quản trị rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động và các cấp thực thi; giám sát thường xuyên trên các mặt hoạt động trọng yếu của ngân hàng hoặc những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của ngân hàng theo quy định của Luật TCTD.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện 56 cuộc kiểm toán nội bộ (trực tiếp tại 50 chi nhánh và 06 nội dung kiểm toán chuyên đề), đầu mối thực hiện công tác kiểm tra, đánh



giá 12 dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở do Hội đồng quản trị là người quyết định đầu tư. Hoạt động kiểm toán được thực hiện trên cơ sở định hướng rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ được xếp hạng rủi ro và kiểm toán theo yêu cầu của Thông tư 44/2011/TT-NHNN.

Qua công tác giám sát hoạt động và kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát đã kịp thời đưa ra những cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong văn bản quy định nội bộ và cơ cấu tổ chức để kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cấp quản lý của ngân hàng trong việc khắc phục sai sót, chấn chỉnh và bổ sung các quy định, quy trình và hướng dẫn nghiệp

vụ, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trong năm 2014, thực hiện lộ trình của Ngân hàng trong việc triển khai quy định an toàn vốn tối thiểu theo Hiệp ước vốn Basel II, Ban kiểm soát đã đào tạo đội ngũ cán bộ để tiếp cận với các chuẩn mực quản trị rủi ro, tham gia đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch triển khai hướng tới mục tiêu áp dụng yêu cầu của Basel II tại Vietcombank.



**Danh sách và nội dung các phiên họp của Ban kiểm soát**

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
03/03/2014	5/5	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và định hướng hoạt động năm 2014.</li> <li>» Xem xét dự thảo kết quả thẩm định BCTC năm 2013 của NHNT.</li> <li>» Xem xét dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2014.</li> </ul>
19/03/2014	5/5	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Quy hoạch chức danh thành viên Ban Kiểm soát giai đoạn 2011-2016 và giai đoạn 2016 - 2021.</li> </ul>
26/03/2014	5/5	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông qua kết quả thẩm định BCTC năm 2013 của NHNT.</li> <li>» Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2014.</li> </ul>
24/07/2014	5/5	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Sơ kết hoạt động của Ban kiểm soát 06 tháng đầu năm 2014.</li> <li>» Phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2014.</li> </ul>

**THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ bảy của Ngân hàng ngày 23/04/2014, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014 bằng 0,35% lợi nhuận sau thuế.

Trên thực tế, Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương và các phúc lợi khác theo Quy chế tiền lương và các quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tổng mức chi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong năm 2014 không vượt quá mức được ĐHĐCĐ phê duyệt.

**GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm 2014 có phát sinh giao dịch mua cổ phần của Chủ tịch HĐQT, cụ thể như sau

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Thời gian	Giao dịch
Ông Nguyễn Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	10/02/2014	Mua 10.000 cổ phiếu VCB

**CÁC RỦI RO**

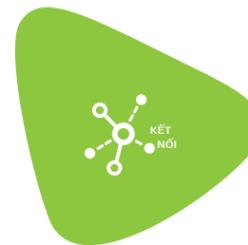


Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, Vietcombank đã thực hiện quản trị rủi ro một cách toàn diện, khoa học và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Vietcombank đã áp dụng một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, được phân lập rõ ràng theo quy trình, chức năng giữa quản lý rủi ro, kinh doanh và tác nghiệp. Sự tách biệt giữa 3 chức năng nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất đồng thời phát huy được tối đa kỹ năng chuyên môn của từng vị trí cán bộ làm công tác tín dụng.

Vietcombank chú trọng quản lý rủi ro theo nhóm khách hàng, ngành hàng, kết hợp với nâng cao chất lượng công tác thẩm định để ngăn chặn rủi ro tín dụng ngay từ bước thẩm định, giải ngân, đồng thời tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay. Bên cạnh đó, Vietcombank cũng tăng cường công tác giám sát từ xa tất cả các chi nhánh, công ty trực thuộc, đưa ra các cảnh báo sớm nhằm ngăn chặn rủi ro, đồng thời tiến hành hậu kiểm đối với một số chương trình tín dụng nhằm phát hiện các giao dịch không tuân thủ điều kiện, quy trình. Trong năm 2014, Vietcombank tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo ngành; cập nhật định hướng toàn hàng định kỳ và khi có biến động; triển khai Đề án chuyển đổi mô hình hoạt động tín dụng tập trung để từng bước thực hiện phê duyệt tín dụng và xếp hạng tín dụng tập trung tại Hội sở chính. Tăng cường công tác đào tạo/hội thảo về thẩm định tín dụng và công tác khách hàng cho cán bộ.





## RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Vietcombank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, sử dụng có chọn lọc các sản phẩm phái sinh.

Hoạt động của Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) trong mối quan hệ tương tác với các phòng ban chức năng khác trong mô hình quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế cũng giúp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất của Vietcombank.

Để quản trị rủi ro về ngoại hối, Vietcombank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Vietcombank cũng chú trọng vào công tác kinh doanh ngoại tệ, các công cụ phái sinh, các hợp đồng giao ngay và kỳ hạn để hạn chế các tác động của biến động tỷ giá đến hoạt động ngân hàng.

Năm 2014, Vietcombank tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai các dự án nâng cao năng lực hoạt động rủi ro thị trường; xây dựng một số mô hình về quản trị rủi ro thị trường: mô hình đo lường rủi ro thị trường giao dịch, mô hình đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng... Bên cạnh đó xây dựng báo cáo GAP rủi ro thị trường giao dịch gồm: Qualitative GAP, GAP quản trị mô hình và GAP dữ liệu trong khuôn khổ Dự án Basel II.



## RỦI RO THANH KHOẢN

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank luôn tuân thủ các nguyên tắc sau

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng;

Luôn theo dõi, phân tích tài sản và công nợ theo kỳ đáo hạn thực tế;

Tuân thủ các hạn mức thanh khoản theo quy định của Ủy ban ALCO;

Thống kê và dự báo luồng tiền theo định kỳ để có các giải pháp dự phòng thanh khoản trong điều kiện môi trường kinh doanh bình thường hoặc khi có các biến cố xảy ra gây hoảng loạn đến tâm lý người gửi tiền;

Phân bổ hợp lý tài sản giữa tiền mặt, đầu tư giấy tờ có giá và hoạt động tín dụng nhằm nâng cao khả năng ứng phó khi dấu hiệu thiếu hụt thanh khoản xuất hiện.



## RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro hoạt động, hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của Vietcombank thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro của các bộ phận nghiệp vụ đối với quy trình, quy chế.

Để hạn chế rủi ro đạo đức, Vietcombank không ngừng tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, đồng thời thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ giúp cán bộ hiểu rõ quy trình, nghiệp vụ và nâng cao nhận thức và phạm vi của quản lý rủi ro hoạt động của ngân hàng.

Trong năm 2014, ngân hàng đã triển khai dự án phân tích hiện trạng và xây dựng lộ trình triển khai tuân thủ Basel II. Lộ trình tuân thủ Basel II bao gồm một loạt các dự án nhằm hoàn thiện mô hình quản trị, các văn bản chính sách/quy định, cũng như việc triển khai các công cụ QLRRHĐ theo đúng yêu cầu của Basel II. Công tác đào tạo nâng cao nhận thức QLRRHĐ và đào tạo cơ bản về QLRRHĐ cho nhân viên mới được thực hiện thường xuyên. Các khóa học bao gồm lý thuyết về RRHĐ và các bài tập thực hành các công cụ QLRRHĐ như báo cáo sự cố, tự đánh giá rủi ro.





## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

### VCB Leasing

Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
[T] : (84.4) 3928 9289  
[F] : (84.4) 3928 9150

### VCBS

Tầng 12- Tầng 17 VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.4) 3936 6990  
[F] : (84.4) 3936 0262

### VCB Tower

Phòng 1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.4) 3934 0919  
[F] : (84.4) 3934 0920

### VINAFCO

Tầng 16, Tòa nhà Golden Star, 20 Lockhart Road, Hongkong  
[T] : (852) 2865 3905 7  
[F] : (852) 2865 3908

### VCB Money

14482 Beach Blvd; Suite X&Y; Westminster, CA 92683, United States  
[T] : 1-714-979-1055  
[F] : 1-714-979-1278

### VPĐD Singapore

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616  
[T] : +65 6323 7558  
[F] : +65 6323 7559

### VCB Bonday Bến Thành

P.602, Lầu 6, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp HCM  
[T] : (84.8) 3915 3365

### VCLL

Tầng 11 Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội  
[T] : (84.4) 3936 8507

### VCBF

Tầng 15, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.4) 3936 4540  
[F] : (84.4) 3936 4542

### VCB Bonday

35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
[T] : (84.8) 3821 3345  
[F] : (84.8) 3821 3377  
[F] : (84.8) 3821 3346

■ : Công ty con trong nước

■ : Công ty con ở nước ngoài

■ : VPĐD ở nước ngoài

■ : Công ty liên doanh - liên kết

TT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ		
1	An Giang	01 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	[T]:	0763 8418 16
2	Ba Đình	521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội	[T]:	04 3766 5318
			[F]:	04 3766 5313
3	Bạc Liêu	14-15B Bà Triệu, P.3, TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	[T]:	07813953142
			[F]:	07813955055
4	Bắc Bình Dương	Đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, H.Bến Cát, Bình Dương	[T]:	06503618181
			[F]:	06503618787
5	Bắc Giang	179 Hùng Vương, TP.Bắc Giang, Bắc Giang	[T]:	0240.3855.638
			[F]:	0240.3855.575
6	Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, TX.Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	[T]:	039 6262555
			[F]:	039 6269555
7	Bắc Ninh	Ngã 6, P.Đại Phúc, TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh	[T]:	0241.3811849
			[F]:	0241.3811848
8	Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TP.HCM	[T]:	(08) 3765 4666
			[F]:	(08) 3765 1327
9	Bến Thành	69 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.Hồ Chí Minh	[T]:	08 39257846
			[F]:	08 38325041
10	Biển Hòa	Số 22, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP.Biên Hòa, Đồng Nai	[T]:	0613991944
			[F]:	0613991947
11	Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương	[T]:	0650 3831221
			[F]:	0650 3837306
12	Bình Tây	129-129A Hậu Giang, P.5, Q.6, TP.HCM	[T]:	08 3960 6216
			[F]:	08 3960 6217
13	Bình Thuận	87 đường 19/4, P.Xuân An, TP.Phân Thiết, Bình Thuận	[T]:	062 373906
			[F]:	062 3739 290
14	Cà Mau	07 An Dương Vương, P.7, TP.Cà Mau, Cà Mau	[T]:	0780 3833399,
			[F]:	0780 3833466
15	Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	[T]:	0710 3820 445
			[F]:	0710 3817 299
16	Châu Đốc	55 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang	[T]:	076 3565 603
			[F]:	076 3565 703
17	Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP.Hà Nội	[T]:	04 3652 3333
			[F]:	04 3652 2949
18	Dịch vụ Khách hàng đặc biệt	198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	[T]:	04 3934 3137
			[F]:	04 3939 2282
19	Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, H.Bình Sơn, Quảng Ngãi	[T]:	055 3632 333
			[F]:	055 3632 336
20	Đà Lạt	01 Lê Hồng Phong, P.4, TP.Đà Lạt, Lâm Đồng	[T]:	063 3811 811
			[F]:	063 3533 666
21	Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng	[T]:	(0511) 3821965
			[F]:	(0511) 3826062
22	Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, P.Thắng Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	[T]:	(0511) 3821 965
			[F]:	(0511) 3826 062
23	Đồng Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, H.Đông Anh, TP.Hà Nội	[T]:	04 3883 5999
			[F]:	04 3883 5888

TT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ		
24	Đồng Nai	77C, Hưng Đạo Vương, TP.Biên Hòa, Đồng Nai	[T]:	061 3823 666
			[F]:	061 3824 191
25	Đồng Sài Gòn	199 Diên Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	[T]:	08 38407924
			[F]:	08 38407923
26	Đồng Tháp	66, đường 30/4, P.1, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	[T]:	067 872 110
			[F]:	067 872 119
27	Gia Lai	33 Quang trung, TP.Pleiku, Gia lai	[T]:	059 3538 258
			[F]:	059 3828 592
28	Hạ Long	166 Hạ Long, P.Bãi Cháy, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	[T]:	033 3811 911
			[F]:	033 3844 746
29	Hà Nam	TTTT DV Hải Hà, Lê Hoàn, P.Hai Bà Trưng, TP.Phú Lý, Hà Nam	[T]:	03513616666
			[F]:	03513616567
30	Hà Nội	344 Bà Triệu, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	[T]:	04 3974 6666
			[F]:	04 3974 7065
31	Hà Tây	484 Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội	[T]:	043 355 4545
			[F]:	013 355 4444
32	Hà Tĩnh	02 Nguyễn Thị Minh Khai, TP.Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	[T]:	039 3857 003
			[F]:	039 3857 002
33	Hải Dương	66 Nguyễn Lương Bằng, P.Bình Hàn, TP.Hải Dương, Hải Dương	[T]:	03203.891131
			[F]:	03203.891807
34	Hải Phòng	275 Lạch Tray, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	[T]:	0313 842 658
			[F]:	0313 841 724
			[F]:	0313 841 115
			[F]:	0313 841 117
35	Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	[T]:	04 3933 5566
			[F]:	04 3933 5580
36	Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	[T]:	04 3838 3383
			[F]:	04 3221 5555
37	Hồ Chí Minh	10 Võ Văn Kiệt, Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	[T]:	08 3821 5736
			[F]:	08 3821 5695
38	Huế	78 Hùng Vương, P.Phú Nhuận, TP.Huế	[T]:	054 3811 900
			[F]:	054 3824 631
39	Hung Yên	TT Bần Yên Nhân, H.Mỹ Hòa, Hưng Yên	[T]:	0321 394586
			[F]:	0321 394 1044
40	Kiên Giang	89, đường 3 tháng 2, P.Vinh Bảo, TP.Rạch Giá, Kiên Giang	[T]:	077 386 2749
			[F]:	077386 6243
41	Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo, TP.Kon Tum, Kon Tum	[T]:	060 370 3338
			[F]:	060 386 4380
42	Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM	[T]:	08 3931 8968
			[F]:	08 3931 8953
43	Khánh Hòa	17 Quang Trung, P.Vạn Thành, TP.Nha Trang, Khánh Hòa	[T]:	058 356 8899
			[F]:	058 381 5114
44	Lạng Sơn	Tầng 1, TTTM Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, P.Vinh Trại, TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	[T]:	025 386 6969
			[F]:	025 385 9859

TT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ		
45	Lào Cai	79 Hoàng Liên, P.Cốc Lếu, TP.Lào Cai, Lào Cai	[T]:	020 382 8396
			[F]:	020 382 8261
46	Long An	2A Phạm Văn Ngũ, H.Bến Lức, Long An	[T]:	072 363 3683
			[F]:	072 363 3687
47	Long Khánh	165, Nguyễn Văn Cừ, P.Xuân An, TX.Long Khánh, Đồng Nai	[T]:	061 364 6151
			[F]:	061 364 6157
48	Móng Cái	02 Vân Đồn, P.Trần Phú, TP.Móng Cái, Quảng Ninh	[T]:	033 377 2808
			[F]:	033 388 1676
49	Nam Bình Dương	Đường DT743, P.Bình Hòa, TX.Thuận An, Bình Dương	[T]:	0650 3713 853
			[F]:	0650 3710 725
50	Nam Định	91 Quang Trung, P.Quang Trung, TP.Nam Định, Nam Định	[T]:	0350 3558 585
			[F]:	0350 3558 333
51	Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, KĐT mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, P.Tân Hưng, Q.7, TP.HCM	[T]:	08 37701634
			[F]:	08 37701635
52	Ninh Bình	872 Trần Hưng Đạo, P.Tân Thành, TP.Ninh Bình, Ninh Bình	[T]:	0303 894 444
			[F]:	0303 894 446
53	Ninh Thuận	47 đường 16/4, P.Kinh Dinh, TP.Phơn Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	[T]:	068 3827 074
54	Nha Trang	21 Lê Thành Phương, P.Van Thăng, TP.Nha Trang, Khánh Hòa	[T]:	058 3955 123
			[F]:	058 3952 403
55	Nhon Trạch	Tôn Đức thắng, KCN Nhon Trạch 3, H.Nhon Trạch, Đồng Nai	[T]:	061 3560 881
			[F]:	0613560 880
56	Phú Tài	433 Lạc Long Quân, P.Trần Quang Diệu, TP.Quy Nhơn, Bình Định	[T]:	056 3741 038
			[F]:	056 3741 007
57	Phú Thọ	664 Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, TP.HCM	[T]:	08 3868 1897
			[F]:	08 3862 4804
58	Phú Yên	194-196 Hùng Vương, TP.Tuy Hòa, Phú Yên	[T]:	057 3811 727
			[F]:	057 3818 186
59	Quảng Bình	54 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, Quảng Bình	[T]:	052 3840 380
			[F]:	052 3828 347
60	Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam	[T]:	0510 3833 335
			[F]:	0510 3813 235
61	Quảng Ninh	Đường 25/4, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	[T]:	033 3629 215
			[F]:	033 3827 206
62	Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	[T]:	055 3825431
			[F]:	055 3711 482
63	Quảng Trị	51 Trần Hưng Đạo, TP.Đông Hà, T.Quảng Trị	[T]:	053.3555727
64	Quận 5	2D-2E Lý Thường Kiệt, P.12, Q.5, TP.HCM	[T]:	08 3957 2974
			[F]:	08 3957 3380
65	Quy Nhơn	66C Lê Duẩn, P.Lý Thường Kiệt, TP.Quy Nhơn, Bình Định	[T]:	056 3526 666
			[F]:	056 3523 181
66	Sóc Sơn	51 Quốc lộ 3, tổ 12, TX Sóc Sơn, H.Sóc Sơn, Hà Nội	[T]:	04 3595 0000
			[F]:	04 3595 0505
67	Sóc Trăng	3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, P.3, TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng	[T]:	079 3621 752
			[F]:	0793824 186

TT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ		
68	Sóng Thần	79/8 KP Bình Đường 2, P.An Bình, TX.Dĩ An, Bình Dương	[T]:	08 3724 1501
			[F]:	08 3724 1498
69	Sở Giao dịch	31-33 Ngô Quyền, P.Hàng Bài, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	[T]:	04 3936 8547
			[F]:	04 3824 1395
70	Tân Bình	108 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	[T]:	08 3815 7777
			[F]:	08 3810 6838
71	Tân Định	72 - 74 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	[T]:	08 3820 8762
			[F]:	08 3820 6846
72	Tây Đô	Lô 30A7A, KCN Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ	[T]:	0710 3844 272
			[F]:	0710 3843 056
73	Tây Hồ	D5B - 33 và D5B - 35, Lô D5, Khu đấu giá 18,6 ha, P.Phú Thượng, Q.Tây Hồ, Hà Nội	[T]:	04 3758 1111
			[F]:	04 3758 5399
74	Tây Ninh	374-376, đường 30/4, P.3, TP.Tây Ninh, Tây Ninh	[T]:	066 3818 997
			[F]:	0663818 998
75	Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, P.2, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	[T]:	073 3976 999
			[F]:	073 3975 878
76	Thái Bình	75 Đường Lê Lợi, TP.Thái Bình, Thái Bình	[T]:	036 3845 998
			[F]:	036 3836994
77	Thái Nguyên	10 CMTB, P.Phân Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	[T]:	0280 3658 200
			[F]:	0280 3658 219
78	Thành Công	Lô 3 Ô 4.1cc Hoàng Đạo Thúy, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội	[T]:	04 6257 8686
			[F]:	04 3776 1747
79	Thanh Hóa	11 Hạc Thành, P.Điện Biên, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa	[T]:	037 3728 286
			[F]:	037 3728 386
80	Thanh Trì	Tầng 1,2,3, Tòa nhà 'Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên', 1277 Giải Phóng, P.Thịnh Liệt, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội	[T]:	04 3869 9696
			[F]:	043628 1000
81	Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội	[T]:	04 3557 8589
			[F]:	04 3557 9138
82	Thăng Long	98 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội	[T]:	04 3755 7194
			[F]:	04 3756 9006
83	Thủ Đức	KCX Linh Trung I, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	[T]:	08 3896 6806
			[F]:	08 3729 1335
84	Trà Vinh	28 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, TP.Trà Vinh, Trà Vinh	[T]:	074 3868 979



 **TÂN TÂM**  
THÊM GẮN KẾT

 **Cộng đồng  
và Xã hội**

- Hoạt động an sinh xã hội



**50** NĂM Vietcombank  
HƯỚNG ĐẾN  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VÌ CỘNG ĐỒNG



Với chặng đường hơn nửa thế kỷ hoạt động, song hành cùng lịch sử cách mạng và phát triển kinh tế đất nước, Vietcombank có niềm tự hào riêng là được khai sinh để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt, vận chuyển **"binh chủng tiền"** vào miền Nam chi viện cho chiến trường, nuôi sống cách mạng, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc 30/04/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tạo ra con đường mòn thứ 5 - đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại trong lịch sử.

**760**

(TỶ ĐỒNG)

**SỐ TIỀN CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI TRONG 5 NĂM QUA (2010-2014)**

Từ mùa xuân vinh quang ấy, tiếp tục với sứ mệnh của mình, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm cùng lịch sử, Vietcombank đã không ngừng có những đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước, từ khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh đến ổn định, phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, Vietcombank cũng luôn có những hành động thiết thực đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội thông qua nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội đã được Vietcombank triển khai từ nhiều năm qua có sự phân mảng cụ thể, từ các chương trình chủ đạo của quốc gia đến các chương trình phát triển vùng như Tây Bắc, Tây

Nguyên, Tây Nam Bộ; phát triển các lĩnh vực y tế; giáo dục; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ Quỹ phòng chống thiên tai miền Trung và nhiều lĩnh vực khác như: chăm lo cho các gia đình chính sách; hỗ trợ người nghèo, người tàn tật, trẻ em nghèo và người già có hoàn cảnh đặc biệt cùng nhiều chương trình tri ân có ý nghĩa., mục tiêu của các hoạt động này không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2014, Vietcombank đã dành hơn 148 tỷ đồng để phục vụ công tác an sinh xã hội. Trong 5 năm qua (2010-2014), số tiền cho hoạt động này là trên 760 tỷ đồng.



## CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHỦ ĐẠO TRONG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN QUAN ĐẾN **AN NINH, CHỦ QUYỀN QUỐC GIA**



- » Tham gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh với việc tích cực ủng hộ cho chương trình "Thông điệp Xanh từ lòng đất" - chương trình hành động quốc gia của Ban chỉ đạo nhà nước;
- » Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, góp phần tăng cường sức mạnh cho lực lượng cảnh sát biển trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia;
- » Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô.

**Chi phí an sinh xã hội dành cho các chương trình phát triển vùng và phát triển các lĩnh vực quan trọng của đất nước, nâng cao chất lượng đời sống người dân**

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ASXH	Năm 2014
1	Khu vực Tây Bắc	32.931
2	Khu vực Tây Nguyên	17.407
3	Khu vực Tây Nam Bộ	34.841
4	Quỹ phòng chống thiên tai Miền Trung	7.000
5	Lĩnh vực Y tế	19.022
6	Lĩnh vực Giáo dục	75.344
7	Xây nhà tình nghĩa	21.279
8	Lĩnh vực khác	32.418

### Một số chương trình/công trình An sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai và hoàn thành trong năm 2014

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	GIÁ TRỊ
1	Xây dựng Trường mầm non cho xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	3 tỷ đồng
2	Xây dựng trường mầm non xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	7,2 tỷ đồng
3	Xây dựng trường mẫu giáo Thạch Quới, TP Cần Thơ	8 tỷ đồng
4	Xây dựng trường THCS phường Trường Chinh, TP Kon Tum	10 tỷ đồng
5	Xây dựng trường tiểu học thị trấn Đầm Dơi cho huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	10 tỷ đồng
6	Xây dựng trường THCS cho xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	7 tỷ đồng
7	Xây dựng một số công trình ASXH trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Phòng học đa chức năng trị giá 2,45 tỷ đồng (thuộc huyện Diễn Châu); Trường mầm non xã Tam Thái trị giá: 3,38 tỷ đồng; Trường tiểu học Tam Thái, trị giá: 1,19 tỷ đồng; Trường tiểu học Yên Thắng I trị giá 3,49 tỷ đồng và Trường tiểu học Tam Đình trị giá 940 triệu đồng (thuộc huyện Tương Dương); trạm y tế xã Diễn Phú (Diễn Châu) trị giá 2,3 tỷ đồng	Tổng cộng gần 14 tỷ đồng
8	Xây dựng công trình trạm y tế xã Quảng Trạch, tỉnh Thanh Hóa	3 tỷ đồng
9	Xây dựng trường học cho các xã Trịnh Xá (thành phố Phú Lý); xã Châu Giang và thị trấn Hòa Mạc (huyện Duy Tiên) tỉnh Hà Nam	8 tỷ đồng
10	Tài trợ chương trình ASXH về Y tế và Giáo dục của tỉnh Gia Lai	7 tỷ đồng
11	Xây dựng 08 phòng học mới tại xã Bàn Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	2,4 tỷ đồng
12	Xây trường THCS cho xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	10 tỷ đồng
13	Xây nhà lớp học 3 phòng - Trường mầm non xã Đông Cam, Cẩm Khê, Phú Thọ	1 tỷ đồng
14	Tham gia chương trình "Cùng miền Trung vượt lên bão lũ"- Quỹ hỗ trợ phòng chống thiên tai tại miền Trung	7 tỷ đồng
15	Xây dựng 06 trường mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế gồm : Sao Mai 2, Quảng Công (Quảng Điền); Lộc An, Lộc Điền (Phú Lộc); Phú Thuận 2 (Phú Vang); Điền Hương (Phong Điền)	10 tỷ đồng
16	Tài trợ trang thiết bị cho bệnh viện Nhi Trung ương	2,95 tỷ đồng
17	Xây dựng trường tiểu học xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	4 tỷ đồng
18	Ứng hộ chương trình mắt sáng cho người cao tuổi	1 tỷ đồng
19	Tài trợ chương trình "Tết làm điều hay vì nông dân nghèo" Thành phố năm 2014 (TP.HCM)	4 tỷ đồng
20	Tài trợ 5 tỉnh phía Tây Bắc: Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu xây nhà tình nghĩa	Hơn 10 tỷ đồng
21	Tặng 1.000 con bò (tương đương 15 tỷ đồng) cho 10 hộ nghèo tại 10 huyện miền núi giáp Tây Nguyên	15 tỷ đồng



Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

## PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn.



**Đối với lĩnh vực giáo dục:** Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao - tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các

em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học.

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.

## HỖ TRỢ Y TẾ

Vietcombank luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

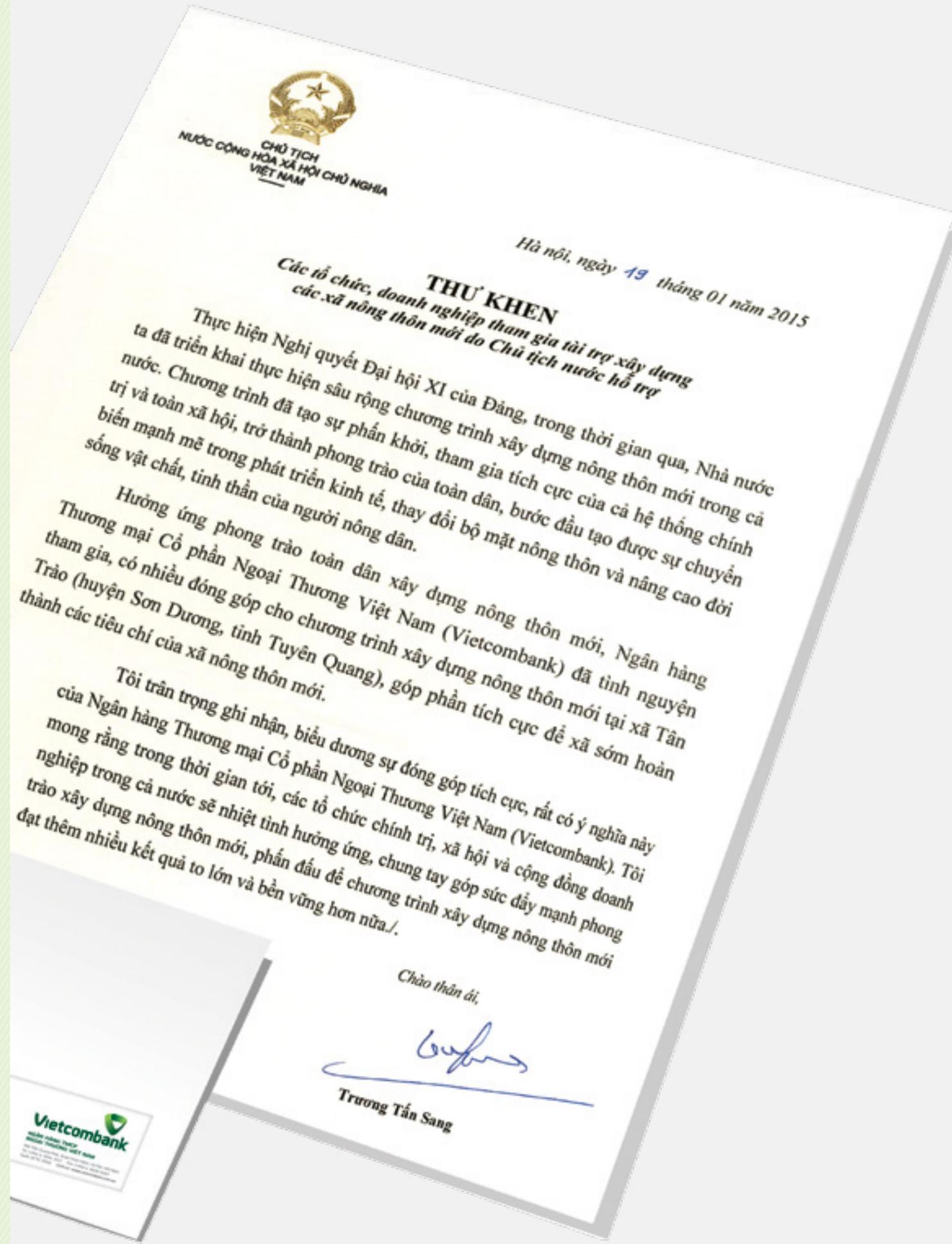


**Đối với lĩnh vực Y tế:** Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh. Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ

chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.



LUÔN XÁC ĐỊNH PHÁT TRIỂN AN TOÀN, HIỆU QUẢ TRONG KINH DOANH LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU, VIETCOMBANK CŨNG LUÔN ĐỀ CAO TÍNH **"NHÂN VĂN"** BỞI ĐÓ LÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VĂN HÓA VIETCOMBANK. QUAN TÂM VÀ DÀNH MỘT NGUỒN LỰC KHÔNG NHỎ CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG ĐƯỢC VIETCOMBANK ĐỀ RA HÀNG NĂM. BỞI VẬY NẾU TRONG KINH DOANH, VIETCOMBANK LUÔN COI CHỮ **"TÍN"** LÀ KIM CHỈ NAM THÌ VỚI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, VIETCOMBANK LUÔN LẤY CHỮ **"TÂM"** LÀM GỐC, LUÔN NỖ LỰC ĐỂ ĐEM LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ THIẾT THỰC, LÂU DÀI TRONG CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN, CHĂM SÓC CỘNG ĐỒNG NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG DÂN NGHÈO. ĐÓ CHÍNH LÀ THÔNG ĐIỆP VÀ CŨNG LÀ CAM KẾT **"CHUNG NIỀM TIN VỮNG TƯƠNG LAI"** MÀ VIETCOMBANK MUỐN GỬI GẮM TỚI TẤT CẢ KHÁCH HÀNG CÙNG MỌI NGƯỜI DÂN VIỆT.





## CHỦ TỊCH NƯỚC TRƯƠNG TẤN SANG

### CHỨNG KIẾN LỄ BÀN GIAO 8 PHÒNG HỌC CHỨC NĂNG CỦA VIETCOMBANK DÀNH CHO XÃ NGHÈO HUYỆN BÁT XÁT (LÀO CAI)



Sự hỗ trợ kịp thời của Vietcombank có ý nghĩa động viên to lớn để các em học sinh nghèo của xã tiếp tục vững bước tới trường, các thầy cô an tâm với công tác dạy học khi điều kiện cơ sở vật chất được cải thiện, là điều kiện để ngành giáo dục xã tiếp tục phát triển, góp phần hoàn thành chương trình nông thôn mới năm 2014.

Bùi Hữu Lợi - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bát Xát

Trong dịp Xuân Ất Mùi năm 2015, ngày 03/02/2015, tại thôn Tả Ngáo, xã Bàn Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đã phối hợp với địa phương tổ chức Lễ bàn giao công trình 08 phòng học chức năng cho Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở thôn Tả Ngáo do Vietcombank tài trợ xây dựng với tổng kinh phí 2,4 tỷ đồng. Buổi lễ vinh dự được đón đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước đến dự.

Xã Bàn Qua, huyện Bát Xát (Lào Cai) là một xã vùng thấp nằm bao bọc thị trấn Bát Xát với đặc thù có địa bàn khá rộng, nhiều dân tộc, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất cho giáo dục còn thiếu thốn. Là xã được Ban Bí thư Trung ương lựa chọn để thực hiện chỉ đạo điểm xây dựng "Nông thôn mới", hưởng ứng cuộc vận động "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" và phong trào "Tuổi trẻ chung tay xây dựng Nông thôn mới", trong thời gian gần đây đời sống nhân dân xã Bàn Qua được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 43,7% năm 2010 xuống còn khoảng 3,26% năm 2013; y tế và giáo dục được nâng cao, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế địa phương vùng biên giới.

Trường Tiểu học và THCS Tả Ngáo được xây dựng năm 2009, là trường học duy nhất của huyện Bát Xát kết hợp 2 cấp Tiểu học và THCS. Cơ sở vật chất khi đó không đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho công tác giảng dạy của nhà trường. Căn cứ đề xuất của TU Đoàn, Đoàn Khối DNTW và Tỉnh Đoàn Lào Cai, Vietcombank đã đầu tư xây dựng 8 phòng học chức năng với kinh phí 2,4 tỷ đồng, giao cho Đoàn Thanh niên Vietcombank và Chi nhánh Lào Cai phối hợp thực hiện. Công trình được khởi công ngày 09/08/2014, triển khai xây dựng trong 5 tháng và được hoàn thiện để đi vào hoạt động ngay trong những ngày đầu Xuân mới 2015, mang lại niềm vui cho các thầy cô, học sinh và nhân dân địa phương.

Nhân dịp này, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã tặng nhà trường 50 triệu đồng và trao 20 suất học bổng, mỗi suất trị giá 3 triệu đồng cho 20 em học sinh nghèo vượt khó của trường.

Tại buổi lễ bàn giao, thay mặt Vietcombank, đ/c Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc cũng đã trao tặng cho Trường Tiểu học và THCS thôn Tả Ngáo 10 bộ máy vi tính (trị giá 80 triệu đồng) giúp nhà trường có thêm trang thiết bị phục vụ việc dạy và học.



**Ảnh 1:** Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tặng học bổng cho học sinh nghèo vượt khó Trường Tiểu học và THCS thôn Tả Ngáo.

**Ảnh 2:** Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cùng các đại biểu chứng kiến lễ bàn giao công trình phòng học chức năng cho Trường Tiểu học và THCS thôn Tả Ngáo do Vietcombank tài trợ kinh phí xây dựng.

**Ảnh 3:** Thay mặt Vietcombank, đồng chí Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc trao tặng cho Trường Tiểu học và THCS thôn Tả Ngáo 10 bộ máy vi tính.

**Ảnh 4:** Đồng chí Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc Vietcombank cùng các đại biểu chụp hình lưu niệm với các thầy cô giáo và các em học sinh Trường Tiểu học và THCS thôn Tả Ngáo.



# BẢO MẬT

VỮNG NIỀM TIN



## Báo cáo Tài chính hợp nhất

- Thông tin về Ngân hàng
- Báo cáo của Ban Điều hành
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### MỤC LỤC

Thông tin về Ngân hàng	Trang	95 - 96
Báo cáo của Ban Điều hành		97
Báo cáo kiểm toán độc lập		98 - 99
Bảng cân đối kế toán hợp nhất		100 - 102
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		103 - 104
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		105 - 106
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất		107 - 171



## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

**Giấy phép Thành lập và Hoạt động** Số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Ngân hàng số 138/GP-NHNN.

**Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần 1 ngày 6 tháng 9 năm 2010, cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014.

### Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Hòa Bình	Nguyên Chủ tịch	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Yutaka Abe	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

### Ban Điều hành trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nghiêm Xuân Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2013
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 2 tháng 10 năm 2014
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2010
Ông Phạm Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2010
Ông Yukata Abe	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2012
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2012
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2015

### Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Lại Hữu Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
		Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014



**Kế toán Trưởng**

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến      Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2011  
 Từ ngày 26 tháng 7 năm 2013 đến ngày 24 tháng 4 năm 2014  
 Ông Nghiêm Xuân Thành      Chức danh: Tổng Giám đốc

**Đại diện theo pháp luật**

Từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 10 năm 2014  
 Ông Nguyễn Hòa Bình      Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014  
 Ông Nghiêm Xuân Thành      Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trụ sở chính**

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các số kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng**

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Ông Nguyễn Danh Lương  
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015



Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 100 đến trang 171, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

#### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



**Ông Nguyễn Xuân Đại**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

**Bà Đặng Phương Hà**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>A TÀI SẢN</b>			
<b>I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>4</b>	<b>8.323.385</b>	<b>6.059.673</b>
<b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>5</b>	<b>13.267.101</b>	<b>24.843.632</b>
<b>III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>6</b>	<b>146.066.919</b>	<b>91.737.049</b>
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		88.909.474	83.810.806
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		57.189.924	7.992.267
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		(32.479)	(66.024)
<b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7</b>	<b>10.122.143</b>	<b>195.270</b>
1 Chứng khoán kinh doanh		10.126.592	196.158
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(4.449)	(888)
<b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>18</b>	<b>-</b>	<b>136.725</b>
<b>VI Cho vay và ứng trước khách hàng</b>		<b>316.289.043</b>	<b>267.863.404</b>
1 Cho vay và ứng trước khách hàng	8	323.332.037	274.314.209
2 Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước khách hàng	9	(7.042.994)	(6.450.805)
<b>VII Chứng khoán đầu tư</b>		<b>67.103.565</b>	<b>64.463.096</b>
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10(a)	49.197.775	47.127.209
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10(b)	18.180.227	17.360.833
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(274.437)	(24.946)
<b>VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>3.546.171</b>	<b>3.041.790</b>
1 Vốn góp liên doanh	11(a)	693.144	707.078
2 Đầu tư vào công ty liên kết	11(b)	9.773	14.986
3 Đầu tư dài hạn khác	11(c)	2.869.095	2.356.016
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11(c)	(25.841)	(36.290)
<b>IX Tài sản cố định</b>		<b>4.445.613</b>	<b>4.085.686</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	12	2.811.969	2.556.047
<i>a Nguyên giá</i>		<i>6.537.338</i>	<i>5.769.752</i>
<i>b Hao mòn tài sản cố định</i>		<i>(3.725.369)</i>	<i>(3.213.705)</i>
2 Tài sản cố định vô hình	13	1.633.644	1.529.639
<i>a Nguyên giá</i>		<i>2.136.008</i>	<i>1.948.036</i>
<i>b Hao mòn tài sản cố định</i>		<i>(502.364)</i>	<i>(418.397)</i>
<b>XI Tài sản Có khác</b>		<b>7.824.897</b>	<b>6.567.707</b>
1 Các khoản phải thu	14(a)	2.588.961	2.098.143
2 Các khoản lãi, phí phải thu	14(b)	3.647.147	3.649.335
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		2.234	2.893
4 Tài sản Có khác	14(c)	1.586.555	817.336
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>576.988.837</b>	<b>468.994.032</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>	<b>15</b>	<b>54.093.072</b>	<b>32.622.411</b>
<b>II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>16</b>	<b>43.237.798</b>	<b>44.044.289</b>
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		33.697.181	31.181.723
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		9.540.617	12.862.566
<b>III Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>17</b>	<b>422.203.780</b>	<b>332.245.598</b>
<b>IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>18</b>	<b>75.278</b>	<b>-</b>
<b>VI Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>19</b>	<b>2.208.641</b>	<b>2.013.597</b>
<b>VII Các khoản nợ khác</b>		<b>11.671.696</b>	<b>15.532.445</b>
1 Các khoản lãi, phí phải trả	20(a)	4.797.481	4.394.123
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		17.723	17.333
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20(b)	6.856.492	10.492.739
4 Dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng	20(c)	-	628.250
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>533.490.265</b>	<b>426.458.340</b>
<b>VIII Vốn và các quỹ</b>			
1 Vốn của tổ chức tín dụng		32.420.681	32.420.728
<i>a Vốn điều lệ</i>		<i>26.650.203</i>	<i>23.174.171</i>
<i>b Thặng dư vốn cổ phần</i>		<i>5.725.318</i>	<i>9.201.397</i>
<i>c Vốn khác</i>		<i>45.160</i>	<i>45.160</i>
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		4.151.991	3.468.552
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		67.236	123.853
4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		83.405	82.306
5 Lợi nhuận chưa phân phối		6.627.407	6.290.626
<i>a Lợi nhuận để lại năm trước</i>		<i>3.509.025</i>	<i>3.278.802</i>
<i>b Lợi nhuận để lại năm nay</i>		<i>3.118.382</i>	<i>3.011.824</i>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>21(a)</b>	<b>43.350.720</b>	<b>42.386.065</b>
<b>IX Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>147.852</b>	<b>149.627</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>576.988.837</b>	<b>468.994.032</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

STT	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>I</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>			
1	Bảo lãnh vay vốn		150.024	163.941
2	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		32.621.012	33.696.290
3	Bảo lãnh khác		21.020.044	15.467.905
<b>II</b>	<b>Các cam kết đưa ra</b>			
1	Cam kết khác		6.294	-
		<b>36</b>	<b>53.797.374</b>	<b>49.328.136</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Ông NGUYỄN DANH LƯƠNG



Phó phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27.988.051	28.298.671
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(16.213.598)	(17.516.269)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>11.774.453</b>	<b>10.782.402</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.166.304	2.745.171
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.395.973)	(1.125.800)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.770.331</b>	<b>1.619.371</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>1.345.079</b>	<b>1.426.859</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>199.124</b>	<b>22.172</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>219.751</b>	<b>160.461</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	1.939.628	1.027.579
6	Chi phí hoạt động khác	(155.176)	(93.294)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.784.452</b>	<b>934.285</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>210.979</b>	<b>561.804</b>
	<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>17.304.169</b>	<b>15.507.354</b>
<b>VIII</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(6.861.927)</b>	<b>(6.244.061)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>10.442.242</b>	<b>9.263.293</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(4.565.750)</b>	<b>(3.520.217)</b>
<b>XI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>5.876.492</b>	<b>5.743.076</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.264.308)	(1.365.494)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(665)	-
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.264.973)</b>	<b>(1.365.494)</b>
<b>XIII</b>	<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>4.611.519</b>	<b>4.377.582</b>
<b>XIV</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>(19.196)</b>	<b>(19.530)</b>
<b>XVI</b>	<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ</b>	<b>4.592.323</b>	<b>4.358.052</b>
<b>XV</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>1.543</b>	<b>1.582</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

Phó phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**

Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B04/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	27.901.305	27.694.842
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(15.821.810)	(16.577.491)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.770.282	1.619.371
4	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.891.363	1.136.380
5	Thu nhập khác	354.603	245.971
6	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.419.966	687.694
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(6.236.857)	(5.411.498)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(1.160.768)	(1.372.355)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>10.118.084</b>	<b>8.022.914</b>
<b>Thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
9	Các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(10.225.572)	333.084
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(9.705.295)	(4.792.939)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	136.725	(136.725)
12	Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng	(49.017.828)	(33.146.900)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay và ứng trước khách hàng	(4.397.547)	(2.576.034)
14	Tài sản hoạt động khác	(1.241.129)	(453.892)
<b>Thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	21.470.661	6.624.281
16	Các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(806.491)	9.977.937
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	89.958.181	48.055.573
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	195.044	(13.970)
19	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	75.278	(5.461)
20	Công nợ hoạt động khác	(4.032.611)	(11.677.564)
21	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(522.245)	(372.963)
<b>I</b>	<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>42.005.255</b>	<b>19.837.341</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Mua sắm tài sản cố định	(987.172)	(1.170.801)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.900	2.819
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(2.511)	(2.301)
4	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(517.102)	(100.347)
5	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	9.565	362.909
6	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	160.541	282.644
7	Tiền thu cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước	-	752
<b>II</b>	<b>Tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.330.779)</b>	<b>(624.325)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Chi phí phát hành cổ phiếu thường năm 2014	(47)	-
2	Cổ tức năm trước đã trả bằng tiền mặt	(2.801.395)	(2.780.901)
<b>III</b>	<b>Tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính</b>	<b>(2.801.442)</b>	<b>(2.780.901)</b>
<b>IV</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>37.873.034</b>	<b>16.432.115</b>
<b>V</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>137.139.962</b>	<b>120.707.847</b>
<b>VII</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	<b>175.012.996</b>	<b>137.139.962</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Ông NGUYỄN DANH LƯƠNG



Phó phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán



Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất này.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Thành lập và hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, kinh doanh ngoại tệ và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

**(b) Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014, vốn điều lệ của Ngân hàng là 26.650.203.340.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.055.076.583	77,10%	1.787.023.116	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	399.754.446	15,00%	347.612.562	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	210.189.305	7,90%	182.781.398	7,90%
	<b>2.665.020.334</b>	<b>100%</b>	<b>2.317.417.076</b>	<b>100%</b>

**(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh**

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, một (1) Trung tâm Đào tạo và tám mươi chín (89) chi nhánh trên toàn quốc, ba (3) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25 tháng 5 năm 1998 của NHNN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	100%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và số 1578/GPĐC1 ngày 18 tháng 4 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%
Công ty TNHH Tài chính Việt Nam	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiểu hối	75%

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Vietcombank	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/06/2013.	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008	Bảo hiểm nhân thọ	45%
Công ty liên kết			
Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Giấy phép số 283/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991.	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietcombank có 14.099 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.864 nhân viên).



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng ("TCTD") Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### (b) Các thay đổi về chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 1 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 21 tháng 1 năm 2013 của Thống đốc NHNN về phân loại tài sản có, mức trích lập, phương pháp tính dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 chính thức có hiệu lực. Theo đó, các thay đổi chủ yếu bao gồm:

- » Ngoài các khoản cho vay và ứng trước khách hàng, các tài sản Có sau cũng phải được thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro:
  - Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
  - Ủy thác cấp tín dụng;
  - Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài;
  - Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng.
- » Các khoản cam kết ngoại bảng phải được thực hiện phân loại nợ cho mục đích quản lý và không phải trích lập dự phòng rủi ro.
- » Các khoản tiền gửi liên ngân hàng, khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam sẽ phải được phân loại nợ, trích lập dự phòng cụ thể nhưng không phải trích lập dự phòng chung.
- » Các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, nợ đã bán nhưng bên mua có quyền truy đòi người bán thì số tiền chưa thu được, số dư nợ đã bán có quyền truy đòi người bán phải được phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định như trước khi bán nợ.

- » Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, thông tin tín dụng có liên quan, NHNN có quyền yêu cầu Ngân hàng thực hiện việc đánh giá, phân loại lại các khoản nợ cụ thể và trích lập dự phòng đầy đủ, phù hợp với mức độ rủi ro của các khoản nợ đó.
- » TCTD đã được NHNN chấp thuận thực hiện chính sách dự phòng rủi ro để phân loại nợ theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN sẽ phải thực hiện phân loại nợ đồng thời theo phương pháp định lượng và định tính và các khoản nợ sẽ được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn trong vòng 3 năm kể từ ngày hiệu lực của Thông tư.

### (c) Năm tài chính

Năm tài chính của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VNĐ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Định kỳ, chênh lệch tỷ giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VNĐ, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### (e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

#### (i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### (i) Công ty con (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

#### (ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Vietcombank áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Vietcombank hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Vietcombank trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Vietcombank không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Vietcombank có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Vietcombank áp dụng.

### (f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### (g) Cho vay và ứng trước khách hàng

#### (i) Dự nợ cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng.

#### (ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính bằng tỷ lệ trích lập dự phòng theo nhóm nợ nhân với dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2014 sau khi đã trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm:

Tỷ lệ dự phòng

Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNN chấp thuận thực hiện phân loại nợ theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Vietcombank phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 trong thời gian 3 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 khác nhau, khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

#### (iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Vietcombank trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay và ứng trước khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 năm 2014.

#### (iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Vietcombank sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- » Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- » Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

#### (v) Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

Vietcombank thực hiện bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 quy định về việc "Mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam" và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập.

Đối với trường hợp bán nợ cho VAMC và nhận trái phiếu VAMC, sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Vietcombank tiến hành hạch toán tất toán gốc, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Vietcombank sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (h) Các khoản đầu tư

#### (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

#### (ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán, và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

##### *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

##### *Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sách sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết cũng phải được phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được trình bày tại Thuyết minh số 2(g).

##### *Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Vietcombank. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- » Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
  - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị thị trường hoặc giá thỏa thuận;
  - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.
- » Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, Vietcombank tính toán và trích lập dự phòng rủi ro không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng".

#### (iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 20% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sách và giá thị trường.

Dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Vietcombank đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (i) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

### (j) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- » Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- » Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- » Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| » Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm    |
| » Máy móc, thiết bị      | 3 - 5 năm |
| » Phương tiện vận tải    | 6 năm     |
| » Tài sản cố định khác   | 4 năm     |

### (k) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

#### (ii) Các tài sản vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

### (l) Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi

Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo nguyên giá.

### (m) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (n) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng, các công ty con tại Việt Nam và các nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong kỳ.

### (o) Vốn và các quỹ

#### (i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### (ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### (iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

#### (iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ.
- » Các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tỷ lệ trích lập các quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận để lại của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

### (p) Doanh thu và chi phí

#### (i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 (như được định nghĩa tại Thuyết minh số 2(g)). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

#### (ii) Thu nhập phí, hoa hồng và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác định.

#### (iii) Ghi nhận cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

#### (iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động.

### (q) Thuê tài sản

#### (i) Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (q) Thuê tài sản (tiếp theo)

#### (ii) Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản phải thu về cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản phải thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê. Vietcombank phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê cố định và số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

### (r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

### (s) Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Vietcombank hoặc chịu sự kiểm soát của Vietcombank, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Vietcombank. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Vietcombank mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Vietcombank, những người quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Vietcombank, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, mối quan hệ được xem xét về bản chất chứ không chỉ ở hình thức pháp lý.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên có liên quan của Vietcombank.

### (t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Vietcombank là chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Vietcombank là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

### (u) Các khoản mục ngoại bảng

#### (i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính (xem Thuyết minh 2(d)).

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính (xem Thuyết minh 2(d)).

#### (ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay và ứng trước khách hàng, cho mục đích quản lý (xem Thuyết minh 2(g)).



## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (v) Các khoản phải thu khác

Đối với các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, các khoản nợ phải thu này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (xem Thuyết minh 2(g)).

### (w) Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

### (x) Lãi trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### (y) Các quy định đã ban hành nhưng chưa áp dụng cho kỳ báo cáo năm 2014

Các quy định đã ban hành nhưng chưa áp dụng cho kỳ báo cáo năm 2014 được liệt kê dưới đây. Vietcombank sẽ áp dụng những quy định này cho kỳ báo cáo năm 2015.

*Thông tư số 49/2014/TT-NHNN - Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ("Thông tư 49").*

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 49, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015.

So với các quy định trước đây, Thông tư 49 có sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

- » Công ty con/công ty liên kết: công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng được xác định theo Luật các TCTD;
- » Thay thế các mẫu biểu báo cáo tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN bằng các mẫu biểu mới tương ứng ban hành kèm theo Thông tư 49.

*Thông tư số 36/2014/TT-NHNN - Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 36").*

Ngày 20 tháng 11 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 36 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có quy định về điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu đối với các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, các ngân hàng thương mại ("NHTM") chỉ được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu khi đáp ứng điều kiện đảm bảo các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn, có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng không được vượt quá 5% vốn điều lệ.

Về quy định nắm giữ cổ phần của TCTD khác, NHTM chỉ được mua, nắm giữ cổ phiếu của TCTD khác phải đáp ứng điều kiện tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Ngoài ra, NHTM chỉ được mua, nắm giữ cổ phiếu tối đa không quá 2 TCTD khác trừ trường hợp là công ty con của NHTM, và chỉ được nắm giữ dưới 5% vốn của TCTD khác đó.

Thông tư 36 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2015.



### 3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Tiền;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- » Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Cho vay và ứng trước khách hàng;
- » Chứng khoán kinh doanh;
- » Chứng khoán đầu tư;
- » Đầu tư dài hạn khác;
- » Các tài sản phải sinh; và
- » Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- » Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Tiền gửi của khách hàng;
- » Giấy tờ có giá đã phát hành;
- » Các khoản nợ phải trả phải sinh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

#### (a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại một cách phù hợp các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC.

Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:

- » Tài sản tài chính kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- » Các khoản cho vay và phải thu; và
- » Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- » Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

#### (b) Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

#### (c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

#### (d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 39.

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày Thuyết minh 39. Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Nếu không tồn tại một thị trường hoạt động cho các công cụ tài chính, Vietcombank xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật đánh giá. Kỹ thuật đánh giá được lựa chọn sử dụng tối đa các điều kiện thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Vietcombank càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để đánh giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật đánh giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và đo lường yếu tố rủi ro – lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật đánh giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.



**4. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền mặt bằng VNĐ	6.614.823	4.568.696
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.707.052	1.487.868
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	1.510	3.109
	<b>8.323.385</b>	<b>6.059.673</b>

**5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền gửi bằng VNĐ	1.736.080	5.393.551
Tiền gửi bằng USD	11.531.021	19.450.081
	<b>13.267.101</b>	<b>24.843.632</b>

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại NHNN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất năm thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Trong dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	1,2%	1,2%
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%	0,05%

**6. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác**

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	84.265	13.521
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	30.995.486	29.934.538
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	14.688.836	8.165.611
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	43.140.887	45.697.136
	<b>88.909.474</b>	<b>83.810.806</b>
<b>Cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
Cho vay bằng VNĐ	48.808.739	7.550.511
Cho vay bằng ngoại tệ	8.381.185	441.756
	<b>57.189.924</b>	<b>7.992.267</b>
Dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(32.479)	(66.024)
	<b>57.157.445</b>	<b>7.926.243</b>
	<b>146.066.919</b>	<b>91.737.049</b>

Dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	-	58.890
Dự phòng cụ thể	32.479	7.134
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>32.479</b>	<b>66.024</b>

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014	Năm kết thúc 31/12/2013
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	58.890	50.057
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	(58.890)	8.833
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>58.890</b>



**6. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác (tiếp theo)**

Biến động dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	7.134	66.816
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	25.345	318
Điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước 2012	-	(60.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>32.479</b>	<b>7.134</b>

**7. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>9.876.942</b>	<b>7.560</b>
Chứng khoán Chính phủ	8.916.295	-
Chứng khoán do các TCTD khác phát hành	960.647	7.560
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>249.650</b>	<b>188.598</b>
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	6.733	17.211
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	242.917	171.387
	<b>10.126.592</b>	<b>196.158</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.449)	(888)
	<b>10.122.143</b>	<b>195.270</b>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>9.876.942</b>	<b>7.560</b>
Đã niêm yết	9.876.942	-
Chưa niêm yết	-	7.560
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>249.650</b>	<b>188.598</b>
Đã niêm yết	249.643	188.248
Chưa niêm yết	7	350
	<b>10.126.592</b>	<b>196.158</b>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	888	363
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 26)	3.561	525
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.449</b>	<b>888</b>

**8. Cho vay và ứng trước khách hàng**

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	319.580.243	271.051.595
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	1.695.473	1.580.513
Cho thuê tài chính	2.004.371	1.612.200
Các khoản trả thay khách hàng	39.802	52.624
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	12.148	17.277
	<b>323.332.037</b>	<b>274.314.209</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng nợ vay như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	298.526.817	244.080.147
Nợ cần chú ý	17.346.539	22.758.702
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.135.698	2.713.574
Nợ nghi ngờ	1.770.773	1.969.791
Nợ có khả năng mất vốn	3.552.210	2.791.995
	<b>323.332.037</b>	<b>274.314.209</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Ngắn hạn	206.763.418	175.256.677
Trung hạn	33.534.919	29.940.648
Dài hạn	83.033.700	69.116.884
	<b>323.332.037</b>	<b>274.314.209</b>



**8. Cho vay và ứng trước khách hàng (tiếp theo)**

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	<b>31/12/2014</b> Triệu VNĐ	<b>31/12/2013</b> Triệu VNĐ
Doanh nghiệp Nhà nước	90.002.735	77.642.359
Công ty trách nhiệm hữu hạn	69.453.779	60.459.488
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	17.882.606	13.889.596
Hợp tác xã và công ty tư nhân	6.055.632	5.477.764
Cá nhân	51.744.351	37.258.614
Khác	88.192.934	79.586.388
	<b>323.332.037</b>	<b>274.314.209</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	<b>31/12/2014</b> Triệu VNĐ	<b>31/12/2013</b> Triệu VNĐ
Xây dựng	16.391.604	15.392.873
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	23.634.980	17.178.394
Sản xuất và gia công chế biến	111.471.498	93.963.131
Khai khoáng	13.996.417	17.966.150
Nông, lâm, thủy hải sản	7.629.908	6.172.905
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	15.175.476	10.217.873
Thương mại, dịch vụ	94.640.746	80.800.074
Nhà hàng, khách sạn	8.806.821	7.139.014
Các ngành khác	31.584.587	25.483.795
	<b>323.332.037</b>	<b>274.314.209</b>

**9. Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước khách hàng**

	<b>31/12/2014</b> Triệu VNĐ	<b>31/12/2013</b> Triệu VNĐ
Dự phòng chung	2.260.116	1.917.731
Dự phòng cụ thể	4.782.878	4.533.074
	<b>7.042.994</b>	<b>6.450.805</b>

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay và ứng trước khách hàng như sau:

	<b>Năm kết thúc</b> <b>31/12/2014</b> Triệu VNĐ	<b>Năm kết thúc</b> <b>31/12/2013</b> Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.917.731	1.734.506
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	340.550	181.406
Chênh lệch tỷ giá	1.835	1.819
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.260.116</b>	<b>1.917.731</b>

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước khách hàng như sau:

	<b>Năm kết thúc</b> <b>31/12/2014</b> Triệu VNĐ	<b>Năm kết thúc</b> <b>31/12/2013</b> Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.533.074	3.543.742
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	4.647.064	3.271.688
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(2.758.356)	(2.126.304)
Sử dụng đối với nợ bán cho VAMC	(1.639.191)	(254.412)
Điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước 2012	-	98.076
Chênh lệch tỷ giá	287	284
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.782.878</b>	<b>4.533.074</b>



10. Chứng khoán đầu tư

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Trái phiếu Chính phủ	29.624.659	18.475.968
Tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN	12.294.509	18.407.653
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	6.956.501	9.410.742
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	100.000	660.000
<b>Chứng khoán vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	43.560	43.571
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	178.546	129.275
	<b>49.197.775</b>	<b>47.127.209</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(68.656)	(23.417)
	<b>49.129.119</b>	<b>47.103.792</b>

Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.506	23.417
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	18.150	-
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	16.000	-
	<b>68.656</b>	<b>23.417</b>

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Trái phiếu Chính phủ	13.163.268	12.589.023
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	292.617	947.968
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.798.751	2.328.098
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	1.925.591	926.576
Các khoản đầu tư ủy thác cho tổ chức trong nước	-	569.168
	<b>18.180.227</b>	<b>17.360.833</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(205.781)	(1.529)
	<b>17.974.446</b>	<b>17.359.304</b>

Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	1.529
Dự phòng chung Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	20.466	-
Dự phòng cụ thể Trái phiếu VAMC	185.315	-
	<b>205.781</b>	<b>1.529</b>



**11. Góp vốn, đầu tư dài hạn**

**(a) Vốn góp liên doanh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	379.424
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	28.050	31.294
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	282.426
			<b>708.415</b>	<b>693.144</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	351.615	387.316
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	28.050	35.667
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	284.095
			<b>649.665</b>	<b>707.078</b>

Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, tuy nhiên, điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào các công ty con". Trong năm, Vietcombank ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ khoản góp vốn bằng USD vào Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành do công ty thực chuyển đổi đơn vị kế toán sang VNĐ.

Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif, tuy nhiên, điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết".

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.773
			<b>11.110</b>	<b>9.773</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.303
Quỹ Thành viên Vietcombank 1	Quỹ đầu tư	11%	6.600	4.683
			<b>17.710</b>	<b>14.986</b>

Ngân hàng có ảnh hưởng trọng yếu thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị và Ban Đại diện Quỹ của các công ty nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư dài hạn khác".

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2014, theo Nghị quyết số 312/NQ-HDQT.TKHĐQT của Hội đồng Quản trị, Vietcombank đã tiến hành thoái vốn giải thể Quỹ Thành viên Vietcombank 1.



11. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VNĐ
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.453
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	9,59%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	5,07%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	1.572
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng	Bảo hiểm	3,11%	12.540
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thương mại Địa Ốc Việt	Bất động sản	3,67%	11.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink	Dịch vụ thẻ	8,80%	4.400
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,59%	499.602
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	Xây dựng	2,50%	17.500
			2.869.095
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(25.841)
			<b>2.843.254</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VNĐ
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	9,59%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	5,06%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,95%	1.864
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	1.571
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.497
Công ty Cổ phần Gentraco	Lương thực, thực phẩm	3,76%	4.024
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng	Bảo hiểm	3,73%	12.540
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	8,95%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thương mại Địa Ốc Việt	Bất động sản	11,00%	11.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink	Dịch vụ thẻ	8,80%	4.400
			<b>2.356.016</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(36.290)
			<b>2.319.726</b>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	36.290	37.238
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh 28)	(10.449)	(948)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.841</b>	<b>36.290</b>



12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc, thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận tải Triệu VNĐ	Tài sản hữu hình khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	2.085.960	2.775.011	504.345	404.436	5.769.752
Tăng trong kỳ	295.759	330.437	71.366	145.599	843.161
- Mua trong kỳ	295.759	326.968	71.366	106.187	800.280
- Tăng khác	-	3.469	-	39.412	42.881
Giảm trong kỳ	(30.073)	(27.953)	(7.352)	(10.197)	(75.575)
- Thanh lý, nhượng bán	(4.470)	(25.498)	(7.352)	(10.197)	(47.517)
- Giảm khác	(25.603)	(2.455)	-	-	(28.058)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.351.646</b>	<b>3.077.495</b>	<b>568.359</b>	<b>539.838</b>	<b>6.537.338</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	418.000	2.278.450	305.973	211.282	3.213.705
Tăng trong kỳ	95.663	307.392	66.044	91.455	560.554
- Khấu hao trong kỳ	95.663	307.392	66.044	89.584	558.683
- Tăng khác	-	-	-	1.871	1.871
Giảm trong kỳ	(5.530)	(26.838)	(6.395)	(10.127)	(48.890)
- Thanh lý, nhượng bán	(3.264)	(25.470)	(6.395)	(10.127)	(45.256)
- Giảm khác	(2.266)	(1.368)	-	-	(3.634)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>508.133</b>	<b>2.559.004</b>	<b>365.622</b>	<b>292.610</b>	<b>3.725.369</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.667.960</b>	<b>496.561</b>	<b>198.372</b>	<b>193.154</b>	<b>2.556.047</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.843.513</b>	<b>518.491</b>	<b>202.737</b>	<b>247.228</b>	<b>2.811.969</b>

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Bản quyền và bằng sáng chế Triệu VNĐ	Tài sản vô hình khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	1.414.186	454.538	79.312	1.948.036
Tăng trong kỳ	167.363	20.694	-	188.057
- Mua trong kỳ	167.363	19.529	-	186.892
- Tăng khác	-	1.165	-	1.165
Giảm trong kỳ	-	(59)	(26)	(85)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.581.549</b>	<b>475.173</b>	<b>79.286</b>	<b>2.136.008</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	24.267	330.205	63.925	418.397
Tăng trong kỳ	5.989	77.976	87	84.052
- Khấu hao trong kỳ	5.989	76.811	87	82.887
- Tăng khác	-	1.165	-	1.165
Giảm trong kỳ	-	(59)	(26)	(85)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.256</b>	<b>408.122</b>	<b>63.986</b>	<b>502.364</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.389.919</b>	<b>124.333</b>	<b>15.387</b>	<b>1.529.639</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.551.293</b>	<b>67.051</b>	<b>15.300</b>	<b>1.633.644</b>

14. Tài sản Có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu nội bộ	611.952	481.091
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	1.977.009	1.617.052
	<b>2.588.961</b>	<b>2.098.143</b>



14. Tài sản Có khác (tiếp theo)

(a) Các khoản phải thu (tiếp theo)

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	226.817	160.084
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	135.105	127.400
Tạm ứng thuế thu nhập doanh nghiệp (xem Thuyết minh 34)	406	52
Tạm ứng thuế giá trị gia tăng (xem Thuyết minh 34)	2.737	656
Tạm ứng thuế khác (xem Thuyết minh 34)	364	158
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	700.966	873.181
Các khoản phải thu khác	910.614	455.521
	<b>1.977.009</b>	<b>1.617.052</b>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>700.966</b>	<b>873.181</b>
<i>Trong đó, những công trình lớn:</i>		
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Đồng Nai	116.979	109.738
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thăng Long	80.772	80.772
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Quảng Bình	55.555	35.009
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hà Tây	46.000	-
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	37.309	22.455
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bình Thuận	27.155	20.517
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Cà Mau	26.281	18.021
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Huế	25.884	17.653
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Đắk Lắk	13.487	12.780
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh	10.207	10.182
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Phòng	7.720	56.440
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Dương	594	22.126
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thành Công	241	48.064
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh	-	56.599
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Quảng Ninh	-	45.453
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Nha Trang	-	39.198
Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Tây Đô	-	17.379

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Từ cho vay khách hàng	939.093	1.084.948
Từ tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	406.479	266.804
Từ chứng khoán đầu tư	2.243.749	2.220.032
Từ giao dịch phái sinh	57.826	77.551
	<b>3.647.147</b>	<b>3.649.335</b>

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	587.444	125.321
Vật liệu	71.695	58.798
Phải thu liên quan đến nghiệp vụ thẻ	526.399	317.688
Tài sản Có khác	401.017	315.529
	<b>1.586.555</b>	<b>817.336</b>

15. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Vay Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>1.219.014</b>	<b>527.744</b>
Vay theo hồ sơ tín dụng	776.516	98.788
Vay khác	442.498	428.956
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>52.874.058</b>	<b>32.094.667</b>
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	36.090.880	24.887.071
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước	16.783.178	7.207.596
	<b>54.093.072</b>	<b>32.622.411</b>



16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>33.697.181</b>	<b>31.181.723</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2.708.962	2.025.030
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	23.476.453	28.606.651
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6.518.000	550.042
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	993.766	-
<b>Vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>9.540.617</b>	<b>12.862.566</b>
Vay bằng VNĐ	8.649.709	7.393.206
Vay bằng ngoại tệ	890.908	5.469.360
	<b>43.237.798</b>	<b>44.044.289</b>

17. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>108.943.606</b>	<b>85.498.939</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	77.966.348	58.008.590
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	30.977.258	27.490.349
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>306.186.461</b>	<b>241.445.096</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	242.517.819	185.868.648
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	63.668.642	55.576.448
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>6.251.820</b>	<b>4.352.091</b>
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	<b>821.893</b>	<b>949.472</b>
	<b>422.203.780</b>	<b>332.245.598</b>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Các tổ chức kinh tế	195.981.419	159.103.872
Cá nhân	226.222.361	173.141.726
	<b>422.203.780</b>	<b>332.245.598</b>

18. Các công cụ tài chính phái sinh và các (tài sản)/khoản nợ tài chính khác

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị hợp đồng Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ	Giá trị hợp đồng Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b>				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	8.171.486	(53.179)	9.302.023	(58.983)
Hợp đồng kỳ hạn	8.168.235	128.457	10.817.048	(77.742)
	<b>16.339.721</b>	<b>75.278</b>	<b>20.119.071</b>	<b>(136.725)</b>

19. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>7.638</b>	<b>12.227</b>
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	204	201
Trung hạn bằng VNĐ	942	1.161
Trung hạn bằng ngoại tệ	6.492	10.865
<b>Kỳ phiếu, trái phiếu</b>	<b>2.201.003</b>	<b>2.001.370</b>
Ngắn hạn bằng VNĐ	47	167
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	117	139
Trung hạn bằng VNĐ	2.200.827	2.001.052
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
	<b>2.208.641</b>	<b>2.013.597</b>

20. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Lãi tiền gửi của khách hàng	4.527.263	4.093.563
Lãi tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	225.893	249.746
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	5.657	2.630
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	38.668	48.184
	<b>4.797.481</b>	<b>4.394.123</b>



20. Các khoản nợ khác (tiếp theo)

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Các khoản phải trả nội bộ (i)	2.079.704	1.952.144
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	4.776.788	8.540.595
	<b>6.856.492</b>	<b>10.492.739</b>

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	1.007.182	1.006.322
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	882.994	784.207
Các khoản phải trả khác	189.528	161.615
	<b>2.079.704</b>	<b>1.952.144</b>

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Thuế phải trả (xem Thuyết minh 34)	424.130	299.561
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	357.435	253.470
- Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	19.658	17.924
- Các thuế khác phải trả	47.037	28.167
Lãi nhận trước chờ phân bổ	107.088	172.215
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	348.833	466.751
Phải trả nhà đầu tư chứng khoán	29.930	23.706
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	226.198	179.291
Các khoản khác phải trả khách hàng	310.989	212.834
Các khoản chờ thanh toán khác	74.931	68.268
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.487
Tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	698.455	779.555
Vốn vay từ các tổ chức khác	1.500.000	6.000.000
Phải trả khác	991.706	273.927
	<b>4.776.788</b>	<b>8.540.595</b>

(c) Dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	628.250	570.278
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	(628.250)	57.972
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>628.250</b>



21. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự trữ			Tổng cộng	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận để lại	Tổng cộng
				Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển					
<b>Số dư tại ngày 1/1/2014</b>	23.174.171	9.201.397	45.160	1.120.772	2.277.119	70.661	3.468.552	82.306	123.853	6.290.626	42.386.065
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.592.323	4.592.323
Tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	3.476.032	(3.476.079)	-	-	-	-	-	-	-	-	(47)
Điều chỉnh theo quyết toán năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	(68)	(379)	-	(447)	-	-	461	14
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	230.665	456.542	-	687.207	-	-	(1.473.686)	(786.479)
Giảm lợi nhuận năm trước do điều chỉnh bổ sung Thuế TNDN	-	-	-	(4)	(7)	-	(11)	-	-	(61)	(72)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	(56.617)	-	(56.617)
Điều chỉnh của KTĐL theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.104)	(1.104)
Tăng do đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	1.099	-	-	1.099
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(3.310)	-	(3.310)	-	-	-	(3.310)
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.780.901)	(2.780.901)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(251)	(251)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	26.650.203	5.725.318	45.160	1.351.365	2.729.965	70.661	4.151.991	83.405	67.236	6.627.407	43.350.720



21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	20.550.766	17.870.231
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	3.997.544	3.476.126
Cổ đông khác	2.101.893	1.827.814
	<b>26.650.203</b>	<b>23.174.171</b>

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
<b>Vốn cổ phần theo Giấy phép</b>	<b>2.665.020.334</b>	<b>26.650.203</b>	<b>2.317.417.076</b>	<b>23.174.171</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.665.020.334	26.650.203	2.317.417.076	23.174.171
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.665.020.334	26.650.203	2.317.417.076	23.174.171

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VNĐ.

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần	4.592.323	4.358.052
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(786.479)	(692.475)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.805.844</b>	<b>3.665.577</b>

(ii) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.317.417.076	2.317.417.076
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	347.603.258	-
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông</b>	<b>2.465.981.756</b>	<b>2.317.417.076</b>

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.543	1.582

22. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	22.144.205	22.020.316
Thu nhập lãi tiền gửi	785.883	584.651
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:		
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	4.824.400	5.512.189
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	180.146	169.462
Thu khác từ hoạt động tín dụng	53.417	12.053
	<b>27.988.051</b>	<b>28.298.671</b>



23. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Trả lãi tiền gửi	(15.259.879)	(15.933.892)
Trả lãi tiền vay	(506.802)	(1.249.127)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(244.527)	(240.083)
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(202.390)	(93.167)
	<b>(16.213.598)</b>	<b>(17.516.269)</b>

24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>		
Thu từ dịch vụ thanh toán	1.741.752	1.445.324
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	157.229	142.720
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	254.554	291.117
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	8.144	2.188
Thu khác	1.004.625	863.822
	<b>3.166.304</b>	<b>2.745.171</b>
<b>Chi phí từ hoạt động dịch vụ</b>		
Chi về dịch vụ thanh toán	(1.068.463)	(838.905)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(35.187)	(25.218)
Chi về dịch vụ viễn thông	(65.695)	(57.041)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(2.701)	(1.794)
Chi khác	(223.927)	(202.842)
	<b>(1.395.973)</b>	<b>(1.125.800)</b>
	<b>1.770.331</b>	<b>1.619.371</b>

25. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.390.591	3.052.898
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	181.014	283.942
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	287.390	474.360
	<b>2.858.995</b>	<b>3.811.200</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(681.149)	(1.201.607)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(730.745)	(1.181.486)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(102.022)	(1.248)
	<b>(1.513.916)</b>	<b>(2.384.341)</b>
	<b>1.345.079</b>	<b>1.426.859</b>

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	251.043	24.472
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(48.358)	(1.775)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh 7)	(3.561)	(525)
	<b>199.124</b>	<b>22.172</b>



27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	243.174	171.468
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(13.863)	(53.125)
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(11.089)	37.787
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.529	4.331
	<b>219.751</b>	<b>160.461</b>

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	1.419.966	862.686
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (xem Thuyết minh 11(c))	10.449	948
Thu về nghiệp vụ bán nợ	356.548	-
Thu nhập khác	152.665	163.945
	<b>1.939.628</b>	<b>1.027.579</b>
<b>Chi phí hoạt động khác</b>		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(32.815)	(68.613)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(163)	-
Chi công tác xã hội (*)	(111.625)	-
Chi phí khác	(10.573)	(24.681)
	<b>(155.176)</b>	<b>(93.294)</b>
	<b>1.784.452</b>	<b>934.285</b>

(\*) Chi công tác xã hội đã được chuyển từ Chi phí hoạt động sang Chi phí hoạt động khác từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014.

29. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	164.103	282.644
- Cổ tức từ chứng khoán vốn đầu tư đã nhận	157.878	281.679
- Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	6.225	965
Phân chia lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	(12.732)	(14.624)
Các khoản thu từ bán cổ phần	858	293.784
Thu nhập khác	58.750	-
	<b>210.979</b>	<b>561.804</b>

30. Chi phí hoạt động

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	(135.501)	(210.159)
Chi phí cho nhân viên	(3.494.352)	(3.308.221)
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	(3.201.972)	(2.873.108)
- Các khoản chi đóng góp theo lương	(216.900)	(193.201)
- Chi trợ cấp	(1.852)	(885)
- Chi công tác xã hội (*)	-	(185.044)
Chi về tài sản	(1.600.081)	(1.322.243)
Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	(639.529)	(606.774)
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	(1.378.566)	(1.204.621)
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	(225.038)	(187.816)
Chi phí hoạt động khác	(28.389)	(11.001)
	<b>(6.861.927)</b>	<b>(6.244.061)</b>

(\*) Chi công tác xã hội đã được chuyển từ Chi phí hoạt động sang Chi phí hoạt động khác từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014.



31. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 6)	58.890	(8.833)
<b>Dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 6)	(25.345)	(318)
<b>Dự phòng chung cho vay và ứng trước khách hàng</b>		
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(340.550)	(181.406)
<b>Dự phòng cụ thể cho vay và ứng trước khách hàng</b>		
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(4.647.064)	(3.271.688)
<b>Dự phòng chung cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết</b>		
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 10)	(38.616)	-
<b>Dự phòng cụ thể cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết</b>		
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 10)	(201.315)	-
<b>Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng</b>		
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 20(c))	628.250	(57.972)
	<b>(4.565.750)</b>	<b>(3.520.217)</b>

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VNĐ
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.876.492</b>	<b>5.743.076</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(258.094)	(209.187)
Cổ tức thu được trong năm (xem Thuyết minh 29)	(164.103)	(282.644)
Phân chia lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (xem Thuyết minh 29)	12.732	14.624
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	8.472	(3.849)
Chi phí dự phòng đã trích lập trong năm 2013 nhưng chỉ đủ điều kiện khấu trừ khi tính thuế trong năm 2014 của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS")	(13.094)	-
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ khi tính thuế của VCBS	10.069	-
Chi phí khác không được khấu trừ khi tính thuế	1.781	3.333
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế năm 2008 - 2012 của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS")	-	(26.464)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.474.255</b>	<b>5.238.889</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 22%)	1.204.336	(1.309.722)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 22%)	(58.493)	(55.078)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 16,5%)	(1.479)	(694)
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm của toàn hệ thống</b>	<b>(1.264.308)</b>	<b>(1.365.494)</b>
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo quyết toán thuế của VCBS	-	(5.052)
Điều chỉnh các bút toán năm trước của VCBS	-	790
<b>Thuế TNDN hiện hành phải trả phát sinh trong năm</b>	<b>(1.264.308)</b>	<b>(1.369.756)</b>



33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.323.385	6.059.673
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	13.267.101	24.843.632
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác đáo hạn trong vòng 3 tháng	131.040.901	86.970.148
Chứng khoán kinh doanh	10.126.592	196.158
Chứng khoán đầu tư đến hạn trong vòng 3 tháng	12.255.017	19.070.351
	<b>175.012.996</b>	<b>137.139.962</b>

34. Nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

	PHÁT SINH TRONG NĂM			SỐ DƯ TẠI 31/12/2014		
	SỐ DƯ TẠI 1/1/2014 Triệu VNĐ	Phải trả Triệu VNĐ	Đã trả Triệu VNĐ	Phải trả Triệu VNĐ	Ứng trước Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	17.268	209.743	210.090	19.658	(2.737)	16.921
Thuế TNDN hiện hành	253.418	1.264.380	1.160.769	357.435	(406)	357.029
<i>Trong đó:</i>						
<i>Thuế TNDN của Vietcombank</i>	<i>253.470</i>	<i>1.264.308</i>	<i>1.160.758</i>	<i>357.373</i>	<i>(353)</i>	<i>357.020</i>
<i>Điều chỉnh thuế các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>72</i>	<i>10</i>	<i>62</i>	<i>-</i>	<i>62</i>
<i>Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico đã được Ngân hàng nộp vào NSNN</i>	<i>(52)</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>-</i>	<i>(53)</i>	<i>(53)</i>
Thuế và phí khác	28.009	408.815	390.151	47.037	(364)	46.673
	<b>298.695</b>	<b>1.882.938</b>	<b>1.761.010</b>	<b>424.130</b>	<b>(3.507)</b>	<b>420.623</b>

35. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	Năm kết thúc 31/12/2014	Năm kết thúc 31/12/2013
<b>Tổng số cán bộ, nhân viên (người)</b>	<b>14.099</b>	<b>13.864</b>
<b>Thu nhập của cán bộ, nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VNĐ) (xem Thuyết minh 30)	3.201.972	2.873.108
<b>Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VNĐ)</b>	<b>18,93</b>	<b>17,27</b>

36. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

**38. Bảo cáo bộ phận**

(a) Bảo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

		Miền Bắc và Tây Nguyên Triệu VND		Miền Trung Triệu VND		Miền Nam Triệu VND		Nước ngoài Triệu VND		Loại trừ Triệu VND		Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	38.640.626	7.368.697	20.599.003	21.774	(38.642.049)	27.988.051					
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(34.715.401)	(5.437.342)	(14.706.794)	(3.623)	38.649.562	(16.213.598)					
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>3.925.225</b>	<b>1.931.355</b>	<b>5.892.209</b>	<b>18.151</b>	<b>7.513</b>	<b>11.774.453</b>					
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.040.806	229.124	982.156	14.140	(99.922)	3.166.304					
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.327.086)	(16.069)	(4.735.4)	(7.032)	1.568	(1.395.973)					
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>713.720</b>	<b>213.055</b>	<b>934.802</b>	<b>7.108</b>	<b>(98.354)</b>	<b>1.770.331</b>					
<b>III</b>	<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>1.018.123</b>	<b>51.004</b>	<b>275.966</b>	<b>(14)</b>	<b>-</b>	<b>1.345.079</b>					
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>199.124</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>199.124</b>					
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>219.751</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>219.751</b>					
5	Thu nhập từ hoạt động khác	683.607	272.531	990.553	450	(7.513)	1.939.628					
6	Chi phí hoạt động khác	(92.653)	(28.472)	(29.301)	(4.750)	(155.176)	(1.264.308)					
<b>VI</b>	<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>590.954</b>	<b>244.059</b>	<b>961.252</b>	<b>(4.300)</b>	<b>(7.513)</b>	<b>1.784.452</b>					
<b>VIII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>210.979</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>210.979</b>					
<b>VIII</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>(4.121.887)</b>	<b>(784.647)</b>	<b>(2.023.532)</b>	<b>(30.215)</b>	<b>98.354</b>	<b>(6.861.927)</b>					
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>2.755.989</b>	<b>1.654.826</b>	<b>6.040.697</b>	<b>(9.270)</b>	<b>-</b>	<b>10.442.242</b>					
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(1.302.283)</b>	<b>(859.015)</b>	<b>(2.404.505)</b>	<b>53</b>	<b>-</b>	<b>(4.565.750)</b>					
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.453.706</b>	<b>795.811</b>	<b>3.636.192</b>	<b>(9.217)</b>	<b>-</b>	<b>5.876.492</b>					
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(287.789)	(175.078)	(799.962)	(1.479)	-	(1.264.308)					
8	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(665)	-	-	-	-	(665)					
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(288.454)</b>	<b>(175.078)</b>	<b>(799.962)</b>	<b>(1.479)</b>	<b>-</b>	<b>(1.264.973)</b>					
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.165.252</b>	<b>620.733</b>	<b>2.836.230</b>	<b>(10.696)</b>	<b>-</b>	<b>4.611.519</b>					

**37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2013 Triệu VND
<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>			
	Cơ quan quản lý		
Thu nhập lãi tiền gửi		80.546	69.674
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		40.354	53.183
<b>Bộ Tài chính</b>			
	Cơ quan quản lý		
Thu nhập lãi tiền vay		30.768	61.850
Chi phí lãi tiền gửi		104.632	32.208
Chi phí lãi tiền vay		13.791	7.851

(b) Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>			
	Cơ quan quản lý		
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNN		13.267.101	24.843.632
Tiền gửi và tiền vay của Ngân hàng từ NHNN		18.002.192	7.735.340
<b>Bộ Tài chính</b>			
	Cơ quan quản lý		
Cho vay		609.724	1.454.388
Tiền gửi tại Ngân hàng		36.090.880	24.887.071
Vay Bộ Tài chính		248.738	219.745
<b>Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank</b>			
	Công ty liên doanh		
Đầu tư ủy thác của Ngân hàng		-	569.168



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

38. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ tài chính ngân hàng	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng	Dịch vụ tài chính	Chứng khoán	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	66.350.605	213.228	31.974	34.293	(38.642.049)	27.988.051
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(54.755.711)	(89.059)	(18.390)	-	38.649.562	(16.213.598)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>11.594.894</b>	<b>124.169</b>	<b>13.584</b>	<b>34.293</b>	<b>7.513</b>	<b>11.774.453</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.953.004	5.630	184.135	123.457	(99.922)	3.166.304
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.320.858)	(281)	(43.633)	(32.769)	1.568	(1.395.973)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.632.146</b>	<b>5.349</b>	<b>140.502</b>	<b>90.688</b>	<b>(98.354)</b>	<b>1.770.331</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>1.344.735</b>	<b>344</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.345.079</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>154.929</b>	<b>-</b>	<b>44.195</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>199.124</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>183.816</b>	<b>-</b>	<b>35.935</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>219.751</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	1937.037	9.677	261	166	(7.513)	1.939.628
6	Chi phí hoạt động khác	(149.955)	(4.761)	(4,60)	-	-	(155.176)
<b>VI</b>	<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.787.082</b>	<b>4.916</b>	<b>(199)</b>	<b>166</b>	<b>(7.513)</b>	<b>1.784.452</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>204.754</b>	<b>-</b>	<b>6.225</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>210.979</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>(6.735.700)</b>	<b>(63.584)</b>	<b>(119.203)</b>	<b>(41.794)</b>	<b>98.354</b>	<b>(6.861.927)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>10.166.656</b>	<b>71.194</b>	<b>121.039</b>	<b>83.353</b>	<b>-</b>	<b>10.442.242</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(4.555.440)</b>	<b>(10.310)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(4.565.750)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.611.216</b>	<b>60.884</b>	<b>121.039</b>	<b>83.353</b>	<b>-</b>	<b>5.876.492</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.204.336)	(13.219)	(24.594)	(22.159)	-	(1.264.308)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(665)	-	-	(665)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.204.336)</b>	<b>(13.219)</b>	<b>(25.259)</b>	<b>(22.159)</b>	<b>-</b>	<b>(1.264.973)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.406.880</b>	<b>47.665</b>	<b>95.780</b>	<b>61.194</b>	<b>-</b>	<b>4.611.519</b>

39. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo

Vietcombank không nắm giữ tài sản thế chấp mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Vietcombank sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

39. **Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)**  
(b) **Thuyết minh về giá trị hợp lý (tiếp theo)**

	Giá trị ghi số						
	Kinh doanh Triệu VNĐ	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VNĐ	Cho vay và phải thu Triệu VNĐ	Sẵn sàng để bán Triệu VNĐ	Hạch toán theo giá trị phần bổ Triệu VNĐ	Tổng cộng giá trị ghi số (gộp) Triệu VNĐ	Giá trị hợp lý Triệu VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.323.385	-	-	-	-	8.323.385	8.323.385
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	13.267.101	-	-	-	-	13.267.101	13.267.101
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	146.099.398	-	-	146.099.398	146.473.398
IV Chứng khoán kinh doanh	10.126.592	-	-	-	-	10.126.592	10.122.143
VI Cho vay và ứng trước khách hàng	-	-	323.332.037	-	-	323.332.037	*
VII Chứng khoán đầu tư	-	18.180.227	-	49.197.775	-	67.378.002	69.347.314
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	2.869.095	-	2.869.095	2.843.254
XI Tài sản tài chính khác	-	-	5.833.451	-	-	5.833.451	*
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>31.717.078</b>	<b>18.180.227</b>	<b>475.264.886</b>	<b>52.066.870</b>	<b>-</b>	<b>577.229.061</b>	
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	97.330.870	97.330.870	97.556.763
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	422.203.780	422.203.780	*
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	75.278	-	-	-	-	75.278	75.278
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.208.641	2.208.641	*
VII Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	7.702.512	7.702.512	*
	<b>75.278</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>529.445.803</b>	<b>529.521.081</b>	

(\*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không có thị trường hoạt động và không thể ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

(c) **Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính**

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

ALCO là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập, Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) **Rủi ro tín dụng**

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên Thông tư 02 và Thông tư 09 (xem Thuyết minh 2(g)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VNĐ	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VNĐ	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp</b>	<b>138.185.891</b>	-	<b>7.913.507</b>	<b>146.099.398</b>
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	86.332.784	-	2.576.690	88.909.474
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	51.853.107	-	5.336.817	57.189.924
<b>Cho vay và ứng trước khách hàng – gộp</b>	<b>298.158.326</b>	<b>368.491</b>	<b>24.805.220</b>	<b>323.332.037</b>
<b>Chứng khoán đầu tư – gộp</b>	<b>65.831.438</b>	-	<b>1.546.564</b>	<b>67.378.002</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	48.877.787	-	319.988	49.197.775
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	16.953.651	-	1.226.576	18.180.227
<b>Tài sản Có khác</b>	<b>5.833.451</b>	-	-	<b>5.833.451</b>
	<b>508.009.106</b>	<b>368.491</b>	<b>34.265.291</b>	<b>542.642.888</b>

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo Vietcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Triệu VNĐ
Tiền gửi	44.436.055
Giấy tờ có giá	58.345.897
Bất động sản	233.094.424
Tài sản thế chấp khác	112.750.969
	<b>448.627.345</b>

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền mặt, vàng bạc đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi.
- » Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán.
- » Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi; thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- » Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- » Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản vay khác là từ 1 đến 5 năm.
- » Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản nợ khác là từ 1 đến 3 tháng. Trên thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian điều chỉnh lãi suất khác nhau.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu VNĐ	Không chịu lãi suất Triệu VNĐ	Trong vòng 1 tháng Triệu VNĐ	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VNĐ	Từ 3 đến 6 tháng Triệu VNĐ	Từ 6 đến 12 tháng Triệu VNĐ	Từ 1 đến 5 năm Triệu VNĐ	Trên 5 năm Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Tài sản</b>									
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	8.323.385	-	-	-	-	-	-	8.323.385
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	5	13.267.096	-	-	-	-	-	13.267.101
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	103.562.608	32.422.630	10.114.160	-	-	-	146.099.398
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	10.126.592	-	-	-	-	-	10.126.592
VI Cho vay và ứng trước khách hàng – gộp	6.591.609	114	105.326.622	125.436.610	65.010.148	19.739.365	1.227.569	-	323.332.037
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	-	1.925.591	6.694.983	5.782.140	9.990.668	5.480.303	31.991.141	5.513.176	67.378.002
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	3.572.012	-	-	-	-	-	-	3.572.012
IX Tài sản cố định	-	4.445.613	-	-	-	-	-	-	4.445.613
XI Tài sản Có khác – gộp	-	7.824.897	-	-	-	-	-	-	7.824.897
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.591.609</b>	<b>26.091.617</b>	<b>238.977.901</b>	<b>163.641.380</b>	<b>85.114.976</b>	<b>25.219.668</b>	<b>33.218.710</b>	<b>5.513.176</b>	<b>584.369.037</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	93.363.891	3.007.283	356.144	603.552	-	-	97.330.870
III Tiền gửi của khách hàng	-	12.382	223.342.661	92.312.645	57.945.661	40.408.257	8.178.606	3.568	422.203.780
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	-	75.278	-	-	-	-	75.278
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.816	-	1.376	5.449	200.000	2.000.000	2.208.641
VII Các khoản nợ khác	-	9.922.958	-	1.748.738	-	-	-	-	11.671.696
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>9.935.340</b>	<b>316.708.368</b>	<b>97.143.944</b>	<b>58.303.181</b>	<b>41.017.258</b>	<b>8.378.606</b>	<b>2.003.568</b>	<b>533.490.265</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất</b>	<b>6.591.609</b>	<b>16.156.277</b>	<b>(77.730.467)</b>	<b>66.497.436</b>	<b>26.811.795</b>	<b>(15.797.590)</b>	<b>24.840.104</b>	<b>3.509.608</b>	<b>50.878.772</b>
<b>Lũy kế chênh lệch cảm với lãi suất</b>	<b>6.591.609</b>	<b>22.747.886</b>	<b>(54.982.581)</b>	<b>11.514.855</b>	<b>38.326.650</b>	<b>22.529.060</b>	<b>47.369.164</b>	<b>50.878.772</b>	

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Ngân hàng có 2 công ty con tại nước ngoài và hạch toán theo đồng tiền bản địa, tuy nhiên giá trị tài sản của các công ty con này không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị tài sản của Vietcombank. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VNĐ, USD và EUR. Một số tài sản khác của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VNĐ, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	VNĐ Triệu VNĐ	USD Triệu VNĐ	EUR Triệu VNĐ	Ngoại tệ khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Tài sản</b>					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.614.823	1.104.683	320.528	283.351	8.323.385
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.736.080	11.531.021	-	-	13.267.101
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	63.581.840	69.395.024	6.709.950	6.412.584	146.099.398
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	10.126.592	-	-	-	10.126.592
VI Cho vay và ứng trước khách hàng – gộp	242.312.145	80.311.776	695.969	12.147	323.332.037
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	67.337.325	40.677	-	-	67.378.002
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn – gộp	3.572.012	-	-	-	3.572.012
IX Tài sản cố định	4.443.340	1.439	-	834	4.445.613
XI Tài sản Có khác – gộp	12.233.163	223.086	1.960	(4.633.312)	7.824.897
<b>Tổng tài sản</b>	<b>411.957.320</b>	<b>162.607.706</b>	<b>7.728.407</b>	<b>2.075.604</b>	<b>584.369.037</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	26.291.367	63.152.848	4.203.020	3.683.635	97.330.870
III Tiền gửi của khách hàng	323.415.803	89.168.033	3.294.156	6.325.788	422.203.780
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	(4.832.710)	10.553.582	113.994	(5.759.588)	75.278
VI Phát hành giấy tờ có giá	2.201.816	6.825	-	-	2.208.641
VII Các khoản nợ khác	15.704.611	(4.265.230)	26.589	205.726	11.671.696
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>362.780.887</b>	<b>158.616.058</b>	<b>7.637.759</b>	<b>4.455.561</b>	<b>533.490.265</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>49.176.433</b>	<b>3.991.648</b>	<b>90.648</b>	<b>(2.379.957)</b>	<b>50.878.772</b>

(iv) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Vietcombank đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền gửi tại NHNN được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đến hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- » Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- » Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ: tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng nên được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay này có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN  
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)  
(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)  
(iv) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Nợ trong hạn						Tổng cộng Triệu VND
	Nợ quá hạn trên 3 tháng Triệu VND	Nợ quá hạn đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND	
<b>Tài sản</b>							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	8.323.385	-	-	-	8.323.385
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	13.267.101	-	-	-	13.267.101
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	-	-	101.340.160	29.700.741	15.058.497	-	146.099.398
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	10.126.592	-	-	-	10.126.592
VI Cho vay và ứng trước khách hàng - góp	5.164.985	1.426.624	41.955.082	68.266.599	111.991.820	65.545.991	323.332.037
VII Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	6.472.877	5.782.140	15.470.970	34.138.839	67.378.002
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	3.572.012
IX Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	4.445.613
XI Tài sản Có khác - góp	-	-	12.567	7.812.330	-	-	7.824.897
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.164.985</b>	<b>1.426.624</b>	<b>181.497.764</b>	<b>111.561.810</b>	<b>142.521.287</b>	<b>99.684.830</b>	<b>584.369.037</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	93.219.590	2.710.209	963.546	327.075	97.330.870
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	138.286.460	120.664.994	132.367.614	30.879.144	422.203.780
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	75.278	-	-	75.278
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.816	-	1.376	205.449	2.208.641
VII Các khoản nợ khác	-	-	29.504	11.393.454	-	-	11.671.696
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>231.537.370</b>	<b>134.843.935</b>	<b>133.332.536</b>	<b>31.411.668</b>	<b>533.490.265</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>5.164.985</b>	<b>1.426.624</b>	<b>(50.039.606)</b>	<b>(23.282.125)</b>	<b>9.188.751</b>	<b>68.273.162</b>	<b>50.878.772</b>

40. Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

41. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành phê duyệt Ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Ông NGUYỄN DANH LƯƠNG

*(Handwritten signatures of Bà Nguyễn Thị Thu Hương and Bà Phùng Nguyễn Hải Yến)*



Phó phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84) 4 3934 3137 Fax: (+84) 4 3826 9067  
Swift: BFTV VNVX Website: [www.vietcombank.com.vn](http://www.vietcombank.com.vn)

